

SỐ 15 NGÀY 15 - 8 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO *một quốc gia, hai dân tộc : Gia Nã Đại **
CÔ LIÊU *nhân chủng, chủng tộc duy nhất của loài*
*người ** TẠ TRỌNG HIỆP *đọc cuốn «Hiệu chú Bích*
*câu kỳ ngộ» của ông Hoàng Xuân Hãn ** NGỌC MINH
*Mariner và nhiệm vụ khám phá Hỏa tinh ** NGUYỄN
HIỂN LÊ *làm con nên nhớ ** Y UYÊN *miền không*
*vết chân người ** SÔNG HỒNG *các khó khăn của*
nhà cầm quyền Hà-Nội trong công cuộc phát triển
*nông nghiệp ** TRẦN HUIỀN ÂN — HUY LỰC —
TƯỜNG LINH — THÀNH TÔN *thơ ** THANH TÂM
TUYỀN *cát lầy ** TRÀNG
THIÊN *thời sự văn nghệ **
THẾ NHÂN *15 ngày tin tức.*

207

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^UP^U DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀN GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để đặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vụn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 207 ngày 15 - 8 - 1965

VŨ BẢO <i>một quốc gia hai dân tộc : những mối đe dọa cho nền thống nhất Gia Nã Đại</i>	3
CÔ LIÊU <i>nhân chủng : chủng tộc duy nhất của loài người</i>	13
TẠ TRỌNG HIỆP <i>đọc cuốn « Hiệu chú Bích Câu Kỳ Ngộ » của Ô Hoàng Xuân Hãn</i>	19
NGỌC MINH <i>Mariner và nhiệm vụ khám phá Hỏa tinh</i>	31
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>nhân ngày lễ Vu lan : làm con nên nhớ</i>	39
Y UYÊN <i>miền không vết chân người (truyện 2 kỳ)</i>	43
THÀNH TÔN <i>hương khói hồn cha (thơ)</i>	52
SÔNG HỒNG <i>các khó khăn của nhà cầm quyền Hà-Nội trong công cuộc phát triển nông nghiệp</i>	53
HUY LỰC <i>năm tháng sương mù (thơ)</i>	63
TRẦN HUIỀN ÂN <i>hoa vôi voi (thơ)</i>	64
TƯỜNG LINH <i>bây giờ (thơ)</i>	64
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	65
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	71
THẾ NHÂN <i>15 tức ngày tin tức</i>	78

Cùng quý vị độc giả và đại lý của **BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI**

● Vì sự lưu thông bằng đường bộ bị gián đoạn nên các báo chuyển ra miền Trung từ mấy tháng nay phải hoàn toàn gửi bằng đường hàng không. Vậy trân trọng yêu cầu quý vị độc giả ở miền Trung đã mua dài hạn và các vị nhận báo biểu, gửi về tòa báo Bách Khoa thêm **20\$** tem đề ty quản lý có thể gửi báo đều đặn bằng đường hàng không cho tới hết năm 1965, báo khỏi bị chậm trễ và thất lạc.

● Cũng xin trân trọng lưu ý quý vị độc giả là giá mua báo dài hạn gửi ra miền Trung từ nay sẽ cộng thêm cước phí máy bay là 24đ. một năm hay 12đ. nửa năm. (Như vậy, giá mua dài hạn cộng thêm cước phí sẽ là : **224\$** một năm và **112\$** nửa năm.

● Mọi sự thanh toán tiền nong xin gửi cho :
Ô. Lê-Ngộ-Châu, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon ; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chi-phiếu gửi cho « **Tạp chí Bách Khoa Thời Đại**, Trương mục **27-46** Trung khu Saigon ».

BẠN ĐỌC ĐÓN COI :

Sổ kỷ niệm 200 năm Nguyễn-Du

một công trình sưu tầm, biên khảo rất công phu về cuộc đời và văn nghiệp nhà thi hào Việt-Nam mà tác phẩm đã là một kho tàng phong phú nhất của nền văn hóa dân tộc

VŨ - BẢO

Một quốc - gia, hai dân tộc : **những mối đe dọa cho nền thông - nhất GIA - NÃ - ĐẠI**

Khi nhận được một bức thư từ Gia-nã-đại gửi tới, người tò mò không khỏi ngẫm nghĩ con tem : trên một khung giấy nhỏ xíu chữ nào cũng được in thành hai thứ tiếng, Anh và Pháp. Và người ta tự hỏi sao không in một thứ tiếng có phải tiện hơn không. Nhưng người Gia-nã-đại sẽ trả lời chúng ta rằng họ không có quyền làm vậy, vì in một thứ tiếng trên các tem thư tức là trái với hiến-pháp.

Gia-nã-đại sắp làm lễ kỷ niệm Bách chu niên Hiến pháp của họ. Đó là đạo luật năm 1867 gọi là British North America Act (đạo luật của Bắc Mỹ Châu thuộc Anh) được nữ hoàng Victoria chuẩn phê sau khi nghị viện Anh chấp thuận. Theo đạo luật này thì Gia-nã-đại là một liên bang gồm những tỉnh thuộc hai nguồn gốc dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Đa-số người Anh không có quyền buộc thiểu số người Pháp

phải dùng Anh ngữ và người Gia-nã-đại nào gốc Pháp cũng được tự do dùng tiếng Pháp, ngay giữa Quốc Hội ở Ottawa. Các văn kiện chính thức của chính phủ Liên Bang đều lập bằng 2 thứ tiếng kể cả tiền tệ và tem thư.

Tin ngưỡng của người Gia-nã-đại gốc Pháp tức là Thiên-chúa giáo cũng được bảo vệ một cách triệt để và các cộng đồng theo đạo Tin lành không được lấn áp họ.

Gần 100 năm nay, Gia-nã-đại được coi như là quê hương của sự tương dung giữa hai dân tộc, và không ai nghĩ rằng mối hòa hợp kia cũng có ngày bị thử thách nặng nề.

Đã từ lâu vẫn là những bức tức âm ỉ, nhưng trong hai năm 1963 và 1964 thì những giận hờn đã bùng nổ công khai. Bom đã được đặt trong những thùng thư, nhiều vụ lộn xộn đã

Bản đồ Gia Nã Đại



được chiêm ngời Tất cả là đề đòi cho tỉnh Québec, — đa số dân gốc người Pháp — được «độc lập» và tách rời ra khỏi Gia-nã-đại của người Anh.

Tháng mười năm 1964, nữ hoàng Elizabeth đã nghĩ rằng với nụ cười kiêu diễm của mình, nữ hoàng có thể mang lại sự an hòa trong đám thần dân cũ, nên đã viếng thăm Gia-nã-đại trong 8 ngày và đặc biệt là tỉnh Québec. Thường thường bà hoàng đi tới đâu vẫn được dân chúng kéo ra chật ních hai bên đường chiêm ngưỡng dung nhan nhưng khi tới Québec, bà đã chỉ thấy phố xá vắng ngắt đến nỗi một nhà báo đã phải viết: «Muốn biết có bao nhiêu người đi đón nữ hoàng Elizabeth thì chỉ việc lấy số cảnh binh gác trên lộ trình rồi đem chia đôi». Bà đã ca ngợi Gia nã đại như là «nơi gặp gỡ của hai nền văn minh với những đặc tính riêng không những đã không mâu thuẫn nhau mà còn bổ túc cho nhau». Nhưng bà chỉ gặp những toán người hò hét: «Québec Libre» (Québec

tự do) hay «Le québec aux quebecois» (Tỉnh Québec của người Québec).

Như vậy nghĩa là có mâu thuẫn nhau và Thủ-Tướng Gia-nã-đại đã phải thành lập một ủy ban 10 người đề nghiên cứu tình hình. Sau 18 tháng trời làm việc đặt chân gần hết các nơi, tiếp xúc với hàng trăm tổ chức và đoàn thể, phỏng vấn trên 11.000 người thuộc đủ các thành phần, ủy ban đã đệ lên chính phủ một bản phúc trình dày 217 trang với kết luận là «Gia-nã-đại đang trải qua một cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử» và «cả tương lai đất nước này sẽ bị đe dọa nếu để cho sự chia rẽ giữa những người Gia-nã-đại nói tiếng Pháp và nói tiếng Anh mỗi ngày một thêm sâu sắc».

Hai thái độ trước một vấn đề

Kể về diện tích, Gia-nã-đại với gần 10 triệu cây số vuông đứng hàng nhì thế giới, chỉ thua có Nga-sô và còn rộng hơn Trung-cộng. Nhưng dân cư

lại rất thưa thớt, 18 triệu người trong đó 5.540.000 người thuộc gốc Pháp. Gia-nã-đại gồm 10 tỉnh, tỉnh nào cũng có dân gốc Pháp nhưng đông nhất là ở tỉnh Québec trong đó gần 81 phần trăm dân số là French Canadians. Đối với một người ngoại quốc mới tới thăm xứ này thì rất khó mà phân biệt người Gia-nã-đại gốc Anh với người Gia-nã-đại gốc Pháp. Ấy thế mà trong nhiều vấn đề, cộng đồng người Anh theo Tân giáo cơ đốc không có suy nghĩ và hành động cùng một hướng với cộng đồng người Pháp theo Thiên chúa giáo. Và về phương diện chính trị, Gia-nã-đại luôn luôn phải đi tìm một sự thỏa hiệp giữa hai thái độ đó.

Ta hãy lấy một thí dụ như ý niệm dân chủ. Người Gia-nã-đại gốc Anh coi chế độ dân chủ như là một tổ chức chính quyền trong đó dân ý được phát biểu qua một quốc hội do dân bầu lên với một nhiệm kỳ nhất định. Họ tin vào sức mạnh của là phiếu, và những quyền tự do căn bản của con người như tự do tư tưởng, tự do lập hội, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng. Dân chủ không phải là một trật tự xã hội sẵn có mà là một sự diễn tiến không ngừng. Bằng đường lối dân chủ người ta luôn luôn có thể thay đổi và cải thiện xã hội. Chính vì họ tin tưởng một cách tuyệt đối vào các quyền tự do công dân mà họ rất dễ dặt nếu không nói là nghi kỵ với mọi thứ uy quyền thế tục hay tăng lữ.

Người Gia-nã-đại gốc Pháp lại có một quan niệm khác về dân chủ. Ông

cha họ khi đặt chân đến xứ này vào thế kỷ thứ 15 thì chưa biết dân chủ là gì hết. Họ chỉ bắt đầu làm quen với dân chủ từ cuối thế kỷ thứ 10 trở đi khi họ cọ sát với người Anh và dân chủ đối với họ đồng nghĩa với sự tranh đấu bảo vệ ngôn ngữ và Tôn giáo. Được rèn giũa theo đường lối Thiên chúa giáo họ ý thức một cách mạnh mẽ những bổn phận và nghĩa vụ bản thân hơn là những quyền lợi cá nhân và dễ chấp nhận một trật tự xã hội. Họ lo bảo vệ quyền lợi của tập thể, nghĩa là của thiểu số nói tiếng Pháp và theo Thiên chúa giáo hơn là bảo vệ các tự do cá nhân. Lẽ tự nhiên họ ưa chuộng đời sống dân chủ của Gia-nã-đại, nhưng quyền «dân chủ» đối với họ trước hết có nghĩa là quyền của tỉnh Québec tự cai trị lấy mình chống lại sự tập trung quyền hành vào thủ đô liên bang Ottawa. Sau đó và chỉ sau đó «dân chủ» mới có nghĩa là quyền của mỗi người có thể có những ý kiến khác với người xung quanh về các vấn đề tôn giáo hay chính trị... Dẫu sao thì người Gia-nã-đại gốc Pháp vẫn khó chấp nhận một thứ tự do chính trị cho phép cả đến đảng cộng sản được hoạt động hay một thứ tự do tín ngưỡng trong đó các giáo sĩ tín lành có thể thu nạp các tân tín-đồ tại các làng nói tiếng Pháp.

Về tổ chức liên-bang, quan niệm của hai cộng đồng Anh, Pháp cũng khác hẳn nhau. Đối với người Gia-nã-đại gốc Anh, chính thể liên-bang không phải là để cho các tỉnh được tự trị mà chính là để cho các tỉnh hợp-nhất lại thành một quốc gia. Dưới mắt họ, Quốc hội

Ottawa là một biểu hiệu dân tộc của Gia-nã-đại. Đành rằng trong quốc hội người ta nói cả hai thứ tiếng và tất cả các gốc dân đều có người đại diện, nhưng quốc hội chỉ thể hiện một ý chí chung, một ý chí thuần nhất Gia-nã-đại. Họ chấp nhận là xứ sở của họ có hai ngôn ngữ hai nền văn hóa khác nhau nhưng không phải vì thế mà một khi tỉnh Québec có hai loại trường học Pháp, Anh riêng biệt thì tại tỉnh Colombie britannique thiếu số 4 phần trăm người gốc Pháp cũng có quyền có một chế độ học đường song hành.

Nhưng tỉnh Québec và người Gia-nã-đại gốc Pháp lại không nghĩ như vậy. Đã gọi là hai, thì đâu cũng phải là hai. Chính thể liên bang chỉ như là một thứ thỏa hiệp giữa hai gốc dân khác nhau để bảo vệ nền tự trị của mỗi tỉnh. Tập trung quyền hành cho liên bang là làm phai nhạt những sắc thái của mỗi tỉnh, và đánh bật rẽ các nếp sống riêng biệt của từng địa phương.

Những quan niệm khác nhau về các vấn đề nội bộ cũng đã khiến cho hai gốc dân có những thái độ khác nhau trước các vấn đề quốc tế. Người Gia-nã-đại gốc Pháp thì không thích dính líu vào thế cuộc bên ngoài. Họ muốn cho các nước khác tự lo lấy công việc của mình. Các tổ chức quốc-tế nhất là những tổ-chức mà trong đó Hoa-kỳ có nhiều ảnh hưởng không làm cho họ thiết tha lắm. Và ít khi họ muốn nghĩ tới tham dự vào các cuộc chiến tranh xa xôi để «bảo vệ những lý tưởng tự do, dân chủ».

Người Gia-nã-đại gốc Anh, trái lại

mang trong máu mình các tập quán chính trị của người Anh-cát-lợi, thích tham dự vào chính-trị quốc-tế, coi chuyện thế giới là chuyện mình, không ngại nhẩy vào vòng chiến nếu cần. Có thể nói là người Gia-nã-đại gốc Pháp, triết lý hơn, cho rằng con người vốn yếu đuối thì các công trình của con người cùng mang một số phận mong manh, trong khi đó người Gia-nã-đại gốc Anh thực tế hơn đã tin tưởng rằng con người với óc thông minh của mình, với các phương tiện chính trị và kinh tế thích ứng, có thể thúc đẩy nhịp độ «tiến bộ» của nhân loại.

Thêm ba yếu-tố chia rẽ

Trên đây mới là những khác biệt về quan niệm. Trong thực tế còn có 3 yếu tố khác khiến cho những ý kiến bất đồng càng thêm sâu sắc :

Trước hết lịch sử cận đại đã chứng minh rằng trong một chính thể liên-bang, chính quyền trung ương bao giờ cũng có khuynh hướng gia tăng quyền hạn của mình và thu hẹp quyền hạn của các tiểu bang. Kinh nghiệm của Hoa-kỳ hay của Thụy-sĩ đủ là bằng chứng của khuynh hướng tập trung đó. Một mặt khác bản chất của người Anh cũng như tập quán chính trị của họ đều không phù hợp với tất cả mọi hình thức liên bang, họ có chấp nhận chính thể này cũng chỉ là vì đã tùy cơ mà thỏa hiệp, nhưng trong cuộc sinh hoạt chính trị hàng ngày họ muốn kéo dần về một hình thức tập quyền. Khuynh hướng đó đã hết sức rõ rệt tại Gia-nã-đại. Những người gốc Anh không thể nào nghĩ khác hơn là họ đã chấp nhận chính thể

liên bang vì họ cần phải có một nhượng bộ tạm thời với những người gốc Pháp chứ còn trong thâm tâm họ thì Gia-nã-đại luôn luôn và mãi mãi phải là một «British country» (đất Anh).

Yếu tố thứ hai thuận lợi cho việc tập trung quyền hành, tức là gây thêm mâu thuẫn cho hai gốc dân, đó là yếu tố kinh tế. Với sự phát triển kinh tế của mấy chục năm gần đây, người Gia-nã-đại, cũng như mọi người dân Bắc Mỹ khác, đặt vấn đề hiệu năng lên hàng đầu và bắt đầu thấy sự có mặt cùng một lúc của 11 chính phủ (một chính phủ liên bang và 10 chính quyền tỉnh) là một sự lúng củng, phức tạp làm giảm hiệu năng đi nhiều lắm. Các xí nghiệp lớn thường có chi nhánh tại các tỉnh, nên các nhà kinh doanh cũng như các nghiệp đoàn thợ thuyền đều mong muốn chỉ giao thiệp với một chính quyền nhất định thay vì phải thay đổi mối tương quan và luật lệ tùy theo vị trí của các cơ sở hoạt động.

Yếu tố thứ ba tăng thêm quyền hạn cho chính quyền liên bang đó là hai cuộc thế-chiến. Chiến tranh dù không có xảy ra ngay trên đất Gia-nã-đại cũng đã buộc mọi người dân xứ này phải tuân theo một kỷ-luật chặt-chẽ. Chính quyền trung-ương cũng đã phải kêu gọi thanh niên nhập-ngũ có cùng một số biện-pháp khác có tính cách động viên nhân lực, vật lực toàn quốc vào công cuộc phòng thủ hay tham chiến. Hơn nữa chính-quyền trung-ương phải đối phó với những món chi tiêu lớn lao của thời chiến, đã có những cơ chính đáng đề đòi hỏi 10 tỉnh của Gia-nã-đại phải đóng góp vào các kinh phí chung bằng cách

nhượng lại cho ngân-sách Liên-bang một vài thứ thuế xưa nay vẫn được dành cho ngân sách các tỉnh. Lẽ tất nhiên các tỉnh đã phản đối ít hay nhiều nhất là tỉnh Québec, nhưng sau cùng không có một tỉnh nào từ chối nổi sự đóng góp. Có một điều đáng chú ý là chiến tranh đã kết thúc rồi, chính quyền liên bang vẫn quen mui thu thuế mãi và các tỉnh lúc đó mới thấy rằng nhả quyền lợi ra thì dễ, mà lấy về thật khó. Và lại đề cho kẻ khác nắm lấy túi tiền là đã trao lại quyền cho kẻ đó rồi.

Những đối xử chênh lệch ?

Tất cả những yếu tố đó cộng lại đã khiến cho người Gia-nã-đại gốc Pháp cảm thấy mình như là một «công dân hạng nhì» chẳng khác gì người da đen ở Hoa-kỳ. Và riêng tỉnh Québec thì số^t sa thấy chính thể liên bang như là một anh phu đào huyệt đang chôn dần những đặc quyền của tỉnh mình.

Theo Hiến-pháp thì Gia-nã-đại có hai ngôn ngữ. Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Một cuộc điều tra chính thức gần đây vừa cho biết không có tới 5 phần 100 người Gia-nã-đại gốc Anh nói tiếng Pháp trong khi đó trên 30 phần 100 người Gia-nã-đại gốc Pháp nói tiếng Anh. Vì những địa vị then chốt trong thương và trong giới kỹ nghệ đều do người gốc Anh nắm giữ. Người gốc Pháp muốn có một chỗ làm tốt đều phải học tiếng Anh.

Ngay trong giới sinh-viên là một giới đáng lý phải có nhiều cởi mở, người ta cũng nhận thấy một sự ngăn cách khó hiểu. Tại «Quán Ngọn đèn» (Auberge de la Lanterne) sinh viên gốc Pháp của

trường đại học Montréal quây quần với nhau về một phía, còn sinh viên gốc Anh của trường đại học Mc Gill họp với nhau ở một phía khác. Ấy là còn may mà có những nữ sinh viên người Pháp nhí nhảnh đã khiến cho nhiều cậu trai Ăng Lê muốn theo đuổi phải vùi đầu học vài câu tiếng Pháp để khi vào tiệm ăn thấy người đẹp gọi món gì có thể quay sang anh bồi b n mà kêu : «cho tôi *la même chose*» (cùng món đó).

Vài anh chia rẽ hạng nặng và giàu tưởng tượng thì lại nghĩ ra được cả lối chào «phân ly» : cánh tay dơ thẳng ra như kiểu phát xít Hitler, và hai ngón tay tách rời ra như hình chữ V mà ông Churchill thường dùng để chào chiến thắng (Victory).

Ngoài tỉnh Québec ra thì chính quyền liên bang và cả chính quyền tỉnh nữa đã có những đối xử chênh lệch tùy theo sắc dân trong tỉnh thuộc gốc Pháp hay gốc Anh, ngay cả về phương diện học vấn là một phạm vi mà đáng lý mọi công dân phải được dãi ngộ bình đẳng. Ta hãy lấy tỉnh Nouveau Brunswick làm thí dụ. Sau Québec thì tỉnh này là tỉnh đông dân gốc Pháp nhất (tỷ số tới 38 phần 100). Tuy vậy trong quận Charlotte của người Anh, số tiền trợ cấp của chính quyền liên bang về giáo dục tính ra lên tới 68 dollars một đầu học trò tiểu học trong khi đó tại quận Restigouche của người Pháp số tiền đó có 26 dollars.

Ở cấp đại-học sự chênh-lệch còn nhiều hơn. Sinh viên nói tiếng Anh được hưởng tới 74 I dollars, sinh viên nói tiếng Pháp chỉ có 89 dollars. Thật

không khác gì cảnh bắt công mà học sinh sinh viên da đen đã từng phải chịu đựng tại Hoa-kỳ.

Vấn đề ngôn-ngữ đã ảnh hưởng tới cả địa hạt tôn-giáo. Người Gia-nã-đại gốc Pháp theo Thiên-chúa-giáo nhưng những vị giám-mục người Ái-nhĩ-lan đáng lý gửi cho họ những linh mục nói tiếng Pháp lại cử những người nói tiếng Anh, thành ra như là gián tiếp buộc họ phải học thêm Anh ngữ. Vì vậy mà trong lịch sử giáo-hội tại Gia-nã-đại đã xảy ra nhiều vụ tranh đấu đôi khi có một tính cách khá hài hước chống lại các vị giám mục người Ái-nhĩ-lan. Thí dụ như năm 1899 tại các giáo khu Chatham và Saint-Jean, giáo dân gốc Pháp xin mãi không được một vị linh mục nói tiếng Pháp, đã bảo nhau không tới dự lễ tấn phong của hai linh-mục Ái-nhĩ-lan trong khi tất cả các nhà thờ trong địa phận đều kéo chuông truy điệu. 19 năm sau cuộc tranh đấu của họ mới có kết quả và họ được nhận một vị linh mục đầu tiên nói tiếng Pháp.

Tại địa phận Windsor giáo-dân người Pháp lại còn tỏ ra sốt sắng hơn. Một vị linh mục Ái nhĩ-lan vừa được bổ nhiệm tới thì một đêm kia có người đến xin linh mục tới làm lễ xức dầu lần chót cho một kẻ đang hấp hối. Khi tới địa chỉ thì một nhóm giáo dân người Pháp đã kéo linh mục ra đến tận cây cầu nối liền Windsor với Détroit và buộc linh-mục phải lên xin đức Giám-Mục cử nhậm đi chỗ khác ngay. Linh mục từ chối và họ đã treo tòn ten linh mục trên mặt nước, dọa vớt xuống sông nếu không được lời hứa của linh-mục là sẽ trình lại với đức Giám-Mục sở nguyện của giáo dân. Nhờ vậy mà địa phận Winsor

cũng đã được một linh mục người Pháp về giảng giáo lý cho dân chúng bằng tiếng mẹ đẻ của họ.

Tranh đấu về kinh tế và văn-hóa

Ngày nay cuộc tranh đấu của người Gia-nã-đại gốc Pháp đã tế nhị hơn nhiều. Họ đã thấy rằng muốn bảo vệ tinh thần Hiến-pháp năm 1867, muốn Gia nã đại không phải là một nước trong đó một đa số có thể khuynh loát một thiểu số mà là một liên bang giữa hai cộng đồng dân tộc bình đẳng thì cần phải hoạt động mạnh mẽ về các phương diện kinh tế và văn hóa.

Nhất là tại Québec, từ khi ông Jean Lesage lên làm Thống Đốc năm 1960. Ông Lesage và nhóm cộng-sự viên trẻ tuổi của ông đã đặt ưu tiên số một cho hoạt động chính phủ là phát triển kinh tế đến mức tối đa, cùng giữ cho nền kinh tế Québec những màu sắc riêng biệt. Chính-phủ đã không ngần ngại can thiệp vào những khu vực chủ yếu để thúc đẩy nhịp độ phát triển.

Thấy rõ sự quan trọng của điện năng trong việc mở mang kỹ nghệ, chính phủ đã cho thành lập Công-ty Hydro Québec nắm giữ độc quyền trong việc sản xuất và khai thác điện lực. Nhưng đây không phải là một thứ độc quyền để thao túng thị trường hay để lấy lời quá đáng. Công ty Hydro Quebec đã vay 300 triệu Mỹ kim của Hoa kỳ để trang bị các cơ sở. Muốn cho các nhà kỹ-nghệ hăng hái đầu tư, Công Ty đã hạ tới 60 phần 100 giá cung cấp điện cho những ngành đang bị khó khăn. Giá điện lại còn hạ hơn nữa cho những nhà máy thiết lập

tại các vùng hẻo lánh, và nhờ vậy nhiều nơi hoang vu đã trở nên sầm uất. Để khuyến khích sức sản xuất trong tỉnh, Công-ty đặt mua tất cả những đồ tiếp liệu ở những nhà cung cấp địa-phương mặc dầu các nhà cung cấp ngoại quốc cho những giá và những điều kiện trả tiền dễ dãi hơn nhiều.

Một tổ chức khác, "Tông Hội Tài Trợ tỉnh Québec" (Société Générale de financement du Québec) được thiết lập với mục đích cho các xí nghiệp vay tiền để trang bị hay khuếch trương. Tông Hội đã hùn vốn vào một nhà máy giấy, một nhà máy dệt, một nhà máy đúc gang và hiện đang tài trợ một khu kỹ nghệ nấu thép trị giá 225 triệu mỹ kim và có thể sản xuất một triệu tấn thép một năm.

Trong chương trình những năm tới Tông hội đã ghi sẵn nhiều xí nghiệp khai thác khoáng sản, nhiều kỹ nghệ hóa học và điện tử.

Nhưng muốn phát triển kỹ nghệ không phải chỉ lo máy với tiền mà đủ, cần phải nghĩ tới đào tạo nhân công chuyên môn và cán bộ chỉ huy. Do đó mà tỉnh Québec đã cố gắng rất nhiều về phương diện giáo dục. Các trường sở được gia tăng nhanh chóng, chương trình học được hiện đại hóa cho theo kịp với các tiến bộ kỹ thuật, phẩm lượng các giáo viên là mối quan tâm đặc biệt của chính quyền.

Theo kế hoạch dự trù, thì từ 1964 đến 1997, tổng số trường trung học sẽ tăng 36 phần 100, số sinh viên theo học các ngành kỹ thuật hay chuyên môn sẽ tăng lên gấp ba. Trong tài khóa vừa

qua, chính phủ Québec và các tổ chức công, tư đã dành tới 1 tỷ mỹ kim vào công việc giáo dục, và ngân khố tỉnh Québec đã bỏ vào công cuộc này một phần ba số thâu của mình.

Người dân Québec rất hãnh diện về những cố gắng đó để bảo vệ cùng về phát triển văn hóa và ngôn ngữ của họ. Tinh thần « dân tộc » của họ mạnh đến nỗi gần đây tỉnh Québec ký hẳn một « thỏa ước » văn hóa với nước Pháp.

Theo thỏa ước ký ngày 1 tháng 3 năm 1965 thì nước Pháp và tỉnh Québec sẽ trao đổi các giáo sư, các kỹ thuật gia, các chương trình học bổng. Pháp sẽ giúp tỉnh Québec thiết lập các ngành học về chuyên môn và sẽ mời những nhà nghiên cứu của Québec sang làm việc tại các phòng thí nghiệm của Pháp.

Những lo ngại của chính-phủ liên-bang.

Đây là lần đầu tiên người ta chứng kiến một thứ thỏa ước như vậy giữa một tiểu bang của một liên bang và một nước khác. Cái khuynh hướng « tự trị »

đó nếu cứ đi sâu thêm mãi thì rất có thể đưa đến một sự « ly khai » nguy hiểm cho sự thống nhất quốc gia của Gia-nã-đại.

Chính quyền trung ương tại Ottawa đã tỏ ra rất lo ngại về chủ trương « độc lập » của Québec và đã tìm mọi cách để bảo toàn tình gắn bó giữa hai cộng đồng dân tộc

Một trong những biện pháp đó là việc Gia-nã-đại đổi quốc kỳ. Trước đây lá cờ của Gia nã đại màu đỏ mang trên góc trái quốc kỳ của Anh quốc Union-jack. Chính Thủ Tướng Lester Pearson đã đề nghị với Quốc Hội chọn một lá cờ mới không giống với một quốc kỳ nào khác trên thế giới và không gợi cho người dân Gia-nã-đại những ký ức nào nặng nề của dĩ vãng. Phe bảo thủ của cựu Thủ Tướng Diefenbaker đã chống đối một cách dữ dội nhưng sau 33 ngày bàn cãi sôi nổi, quốc kỳ mới của Gia - nã - đại đã được Quốc Hội chấp thuận. Cờ mới gồm ba mảnh dọc :

NHÀ XUẤT BẢN LÁ-BỐI ĐÃ PHÁT HÀNH :

- BÔNG HỒNG CÀI AO của Nhất Hạnh (in lần thứ hai) giá 10đ.
- TÌNH NGƯỜI truyện của Tâm Quán (in lần thứ hai) 152 trang, giá 36đ.
- CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG của Hermann Hesse (Giải Nobel văn chương) bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng 224 trang, giá 50đ.
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY của Nhất Hạnh (in lần thứ ba) 150 trang, giá 45đ.
- LE BOUDDHISME D'AUJOURD'HUI của Nhất Hạnh, bản dịch của Lê văn Hào, 140 trang giá 45đ.

Thư từ, tác phẩm xin gửi về Thanh Tuệ, hộp thư 935 — Saigon

Bưu phiếu đề Ông Trương Phú.

hai bên đỏ giữa trắng với một lá cây phong màu đỏ.

Một mặt khác giữa Ottawa, Québec và các tỉnh, chính quyền trung ương và địa phương đã đặt ra nhiều phương thức làm việc chung để cho các tư tưởng chia rẽ không còn có dịp nảy nở. Người ta cũng trồng cây nhiều vào báo chí và nhất là các phong trào thanh niên để nhào trộn các dị biệt vào trong một ý chí chung xây dựng tương lai của Gia-nã-đại.

Có một điều rất đáng chú ý là những hoạt động đối ngoại của Gia-nã-đại đã đánh thức được tinh thần quốc gia của mọi người và giúp cho việc giải quyết các khó khăn đối nội được thêm dễ dàng. Trước hết ngoại trừ những phần tử quá khích, người Gia-nã-đại, dù nói tiếng Pháp hay nói tiếng Anh, cũng đều ý thức được rằng nếu họ còn cứ phân tranh với nhau thì ông láng giềng giàu mạnh ở phía Nam tức là Hoa kỳ sẽ lần lần tóm thâu hết các quyền lợi kinh tế của họ. Hiện nay Hoa-kỳ đã nắm giữ những tỷ lệ cổ phần rất cao trong các xí nghiệp Gia-nã-đại: Kỹ nghệ xe hơi (95 phần 100), cao su (89 phần 100), dầu hỏa (70 phần 100). Các ý nghĩ hẹp hòi quá thiên về địa phương sẽ chỉ đưa đến sự phân tán tiềm lực quốc gia và làm cơ sở sẵn cho người khác hưởng.

Một yếu tố thứ hai đã giúp cho người Gia-nã-đại thuộc mọi khuynh hướng tìm lại được phần nào sự nhất trí của họ đó là sự hãnh diện chung trước vai trò hữu hiệu của Gia-nã-đại trong việc giải

quyết nhiều cuộc khủng hoảng của thế giới và trong việc bảo vệ hòa bình.

Tuy Gia-nã-đại là một trong những nước sáng-lập hội-viên của Liên-hiệp-quốc, và có chân trong tổ chức Bắc Đại Tây Dương, Gia-nã-đại vẫn bán lúa mì cho Trung Cộng và không gia nhập tổ chức các quốc-gia Mỹ-châu O. E. A. Trên trường quốc tế, không ai có thể cho Gia-nã-đại là một hình bóng của Hoa kỳ. Đã thế, Gia-nã-đại với một dân số 18 triệu người, với một mật độ chưa tới 2 người một cây số vuông, không làm cho ai nghi kỵ hay e ngại về những ý định muốn xâm lăng nước khác.

Do đó mà mỗi khi trên thế giới có một cuộc khủng hoảng nào trầm trọng thì thường thường hai phe đối lập dễ chấp nhận vai trò điều giải của Gia-nã-đại.

Tại kinh đào Suez, tại Nam Dương, tại Việt-Nam hay Ai-Lao, Gia-nã-đại đều đã giúp vào sự tái lập một thể quân - binh tương đối, đẩy lui một thời gian những hiểm họa chiến tranh.

Người ta đã gọi những cố gắng đó của Gia-nã-đại là «những hoạt động ngoại giao của một cường quốc trung bình» (middle power diplomacy). Chính vì đã thành công trong sự giải quyết việc hàng xóm mà Gia-nã-đại đã thấy rằng không thể nào ở trong nhà mình dân nói tiếng Pháp và dân nói tiếng Anh cứ lục đục với nhau hoài,

Cho nên mặc dầu Ủy-Ban 10 người của Thủ Tướng Pearson sau khi điều tra về sự tương tranh giữa hai gốc dân, đã kết luận là Gia-nã-đại đang trải qua

«một cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử», người ta cũng vẫn tin rằng căn bệnh chưa đến nỗi hiểm nghèo vô phương cứu chữa. Vì ý thức được tính cách trầm trọng là đã bắt đầu giải quyết được mỗi nguy nan Ủy Ban 10 người vừa được Thủ Tướng Pearson giao hạn một nhiệm kỳ hai năm để nghiên cứu và khuyến cáo những biện pháp cần thiết. Nhìn vào nội tình Gia nã đại người ta không khỏi liên tưởng đến những cặp vợ chồng lấy nhau chẳng phải vì yêu đương, sống với nhau cũng ít giây ân ái, ấy thế mà hai cô-đơn kia cộng lại vẫn làm ăn thịnh vượng, sinh con đẻ

cái đầy đàn. Người Gia nã đại gốc Anh và gốc Pháp cũng đang thí nghiệm một cuộc hôn nhân tương tự. Hàng xóm có thể nghe thấy tiếng cãi cọ bát xô chén vỡ, nhưng cơn giận qua rồi, ngấm lại chẳng cặp nào đẹp hơn vợ chồng ta, và cảnh gia đình vừa mới phút trước ngửa nghiêng bên bờ thảm kịch, sang đến phút sau đã bàn tính chuyện tương lai. Nhưng nếu chỉ một trong hai người cả giận mất khôn thì cũng không ai đoán trước được xem ngày mai không biết trời có còn lại sáng ?

VŨ BẢO.

triển lãm họa phẩm Nguyễn-Quỳnh

tại phòng triển lãm đô thành từ 21-8 đến 28 tháng 8-1965. Dưới sự bảo trợ của Bộ Thanh Niên và Thể Thao.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HÒA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288 750 000.000 F.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

NHÂN - CHỦNG : chủng tộc duy nhất của loài người

« Các dân tộc trên thế giới ngày nay hình như về phương diện sinh vật học có tiềm-năng ngang nhau để tiến tới bất cứ trình độ văn minh nào. »

Ngày 18-8-64, hội Văn Hóa Quốc Tế Unesco đã họp một nhóm 22 nhà bác học tại Mạc Tư Khoa để thảo luận về cạnh khía sinh vật học của vấn đề nhân chủng... Kết quả cuộc thảo luận được cô đọng lại thành một tài liệu nhan đề là « Những khía cạnh của vấn đề nhân chủng » gồm 13 điểm. Dưới đây là nhân định của Ô. Georghi F. Debetz, chủ tọa những phiên thảo luận, về bản tài liệu quan trọng ấy.

Chủ trương kỳ thị chủng tộc là kết quả của một hệ-thống tư-tưởng không có căn-cứ suy-luận hợp-lý. Căm thù và tương tranh giữa các dân-tộc khác màu da được nuôi-dưỡng bằng những kiến-thức khoa-học sai lầm. Cũng có khi thảm họa xảy ra và người ta bằng cứ vào những sự-kiện khoa-học đích-xác nhưng đã hiểu sai lệch hay vì không biết nội dung cuộc khảo sát nên đã suy-diễn lầm lạc.

Đề tìm ra những ý-kiến sai lầm và những luận-cứ thiên lệch, và cũng đề phổ biến rộng rãi những kết quả của các cuộc khảo-cứu khoa-học, hội Văn-Hóa

Quốc-Tế UNESCO, năm 1949, đã có sáng-kiến triệu tập một cuộc hội thảo giữa các nhà bác-học của nhiều nước để soạn thảo một bản tuyên-cáo về thực chất và ý-nghĩa của sự khác biệt màu da.

Bản tuyên cáo ấy được UNESCO công bố năm 1950 và được dân chúng tiếp đón niềm nở ; tuy nhiên có một số nhà nhân loại học và di truyền học chỉ trích ; họ cho rằng bản tuyên cáo đã không phân biệt chủng-tộc (race) một sự-kiện-sinh-vật-học, với khái-niệm chủng-tộc (notion de race), một hiện-tượng xã-hội.

Bởi vậy, đến năm 1951, triệu tập một hội-nghị khác, hội họp những bác học chuyên gia về nhân loại học và nhân loại di truyền học. Nhóm này đã thảo ra một bản tuyên cáo khác. Bản tuyên cáo thứ hai nhắc lại những kết luận chính của bản tuyên-cáo thứ nhất nhưng bớt giọng quả quyết về những kết luận khác và có đôi chỗ cắt bỏ hẳn. Bản tuyên cáo này được gửi cho độ 50 nhà nhân loại học và di truyền học yêu cầu họ cho biết ý kiến. Những kết quả của cuộc điều tra ấy — kể cả những ý-kiến tán đồng hay chống — đối đều được công bố năm 1962 trong một cuốn sách nhan đề là «Khái-niệm về chủng-tộc».

Từ đấy trở đi, hoạt động của UNESCO chú trọng về cạnh khía xã-hội của khái-niệm chủng tộc hơn là cạnh khía sinh vật-học. Những tiến-bộ khoa-học trong 15 năm gần đây về phương diện nhân loại sinh vật học làm người ta nhận thấy phải xét lại bản tuyên cáo theo ánh sáng của những khám phá mới, và bỏ túc nhiều điểm trước kia chưa được nghiên cứu đề tăng thêm tầm hiệu lực cho bản tuyên cáo, như hiệu lực đối với thành-kiến kỳ-thị chủng-tộc vẫn gây khó khăn cho các khối người khác màu da.

Hai cuộc hội-thảo liên tiếp đã được dự định tổ chức lần thứ nhất vào năm 1964 đề cứu xét phương diện sinh vật học của vấn đề, lần thứ hai vào năm 1966 đề nghiên cứu phương diện xã hội và đạo đức. Kết quả của hai cuộc hội thảo sẽ dùng đề soạn thảo một bản tuyên cáo quán triệt các phương diện sinh vật học và xã hội của vấn đề chủng tộc.

Cuộc hội thảo lần thứ nhất đã thực hiện ở Mạc Tư Khoa vào tháng 8 năm

1964, ngay sau kỳ hội thảo nhân loại học (1) và nhân chủng học (2) lần thứ 7 cũng nhóm tại tỉnh đó. Các nhà nhân loại học và di truyền học 17 nước đã tham dự.

Qua tám phiên nhóm họp, 25 bản phúc trình về các vấn đề khoa học nghiên cứu nhân chủng được đưa ra thảo luận. Trong hai phiên nhóm cuối cùng một bản tuyên cáo gồm 13 điểm đã được thảo ra và được toàn thể hội nghị chấp thuận. Về phương diện sinh vật học, bản tuyên cáo ấy nêu ra những yếu tố mới cho một bản tuyên cáo về vấn đề nhân chủng sẽ được soạn thảo về sau vào năm 1966.

Đã có một độ các nhà nhân loại học đều bàn cãi về một điểm chính yếu : tìm hiểu xem loài người có một hay nhiều ông tề, các giống người đều do một loài khỉ duy nhất mà ra hay do nhiều loài khỉ khác nhau ? Ngày nay vấn đề ấy có thể coi như đã được giải đáp xong xuôi. Trong kỳ hội thảo năm 1964 tại Mạc Tư Khoa, người ta cũng không nêu lên nữa. Bản tuyên cáo chỉ tóm tắt đại ý của những cuộc tranh luận về trước bằng một câu ngắn : « Tất cả mọi người hiện đại đều thuộc về một loài, loài Homo Sapiens và cũng do một nguồn gốc mà ra ».

Những cuộc tranh luận sôi nổi nhất đã đề cập đến tính chất của khái-niệm giống nòi áp dụng vào loài người và sự chứng-minh khoa-học của khái-niệm ấy. Người ta có thể cho rằng vấn đề này không có gì để tranh luận. Ai cũng biết rằng về thể chất, loài người trên khắp thế giới thường khác nhau về màu da,

(1) Anthropologie

(2) Ethnologie

mái tóc, nét mặt v.v..., nhưng có rất nhiều điểm chung cho cả mọi người. Những điểm chung đó có tầm quan trọng về sinh vật học hơn những nét khác nhau, tuy nhiên vẫn có những nét khác nhau mà thoát nhìn ta biết liền,

Thí dụ, người ta đem so sánh ba nhóm người thuộc xứ Congo, Thụy-Điền và xứ Mông Cồ (lấy một cách ngẫu nhiên không lựa chọn) ai cũng có thể biết người nào là dân xứ nào một cách dễ dàng, không cần cho mặc y-phục khác nhau, không cần nghe tiếng nói của họ. Trông bề ngoài cũng đủ.

Hẳn là mọi người đều đồng ý về điểm ấy. Nhưng nhiều nhà nhân-loại học lưu ý người ta đến một sự kiện cũng không thể chối cãi được. Thí dụ, ta đi bộ từ nguồn sông Nil đến miền châu thổ con sông ấy và tiếp tục đi qua các xứ Ả-Rập ở Á-Châu, nước Thổ, nước Bảo, nước Lỗ, nước Ukraine, thẳng lên phía Bắc nước Nga, rồi đi qua những khối dân các xứ Oudmourtie, Bachkirie, Kazakstan, sang Mông-Cồ. Khi đi đường ta sẽ nhận thấy bất cứ ở chỗ nào, các dân-tộc láng giềng với nhau đều không có điểm thể chất nào khác biệt nhau. Nhưng nếu đem so-sánh những người gặp lúc đầu, lúc ở giữa chừng và lúc cuối cùng thì thấy họ khác nhau rõ rệt. Bởi vậy cho nên ý muốn chia cắt nhân-loại ra từng thứ loại nhất định, không tìm được minh chứng khoa-học và đưa đến một cách nhận-định giản-lược không thể chấp nhận được.

Tuy-nhiên, phe chủ-trương mỗi giống người là một thực thể (riêng-rẽ)

trả lời rằng: khi ta thấy có những hình thức chuyển tiếp của nhiều hiện-tượng khác nhau, ta không thể bảo rằng những hiện tượng đó không có thực. Người bộ hành của ta cũng không nhận thấy sự khác biệt về khí hậu hay về cảm thú ở hai địa điểm gần nhau.

Thế mà việc xếp loại các vùng địa lý lại rất cần thiết để hiểu rõ khí hậu và cảm thú. «Đâu là ranh giới phân chia núi và thung lũng? Người chủ-trương xếp loại loài người theo giống nòi hỏi như vậy. Tuy-nhiên người ta không thể nói rằng không có núi và thung lũng chỉ vì người ta không thể định được ranh giới giữa núi và thung lũng».

Phe chống đối thuyết ấy đưa ra sự kiện sau đây: những đặc điểm thể chất biến đổi không những theo không-gian mà còn theo thời gian nữa. Tại Trung Âu và nhiều vùng khác, đầu người ta tròn lại thêm từ tám thế kỷ gần đây và trong mấy chục năm nay đầu lại dài dần ra, chiều cao trung bình của người ta đã tăng thêm 10cm trong khoảng 100 năm tại vài nước v.v... Phe chống đối cũng nhấn mạnh rằng tất cả các đặc điểm thể chất đều rất khác biệt nhau từ dân tộc này sang dân tộc khác.

Thí dụ, tính trung bình thì bề ngang mặt người xứ Azerbaijan kém bề ngang mặt người Kazakstan một phần. Nhưng kích thước ấy thay đổi tùy theo từng người, một số người Azerbaidjan có mặt to hơn mặt người Kazakstan. Phe chủ trương xếp loại loài người theo nòi giống trả lời rằng đúng như vậy, nhưng người ta rất thường hay gặp những trường-hợp đàn-bà lớn cao hơn đàn-ông. Sự

« ...Từ bao nhiêu ngàn năm nay những tiến bộ trên bất cứ bình diện nào, hình như chỉ tiếp diễn phần lớn — nếu không phải là hoàn toàn — trên bình diện những sở đắc về văn hóa, chứ không phải trên bình diện những di-sản truyền thống.

Do tính chất biến chuyển của các khối dân tộc do các yếu tố xã-hội mà những cuộc hôn phối giữa người thuộc các khối khác nhau có tác dụng xóa bỏ những dị điểm, những cuộc hôn phối ấy đóng một vai trò quan-trọng đối với lịch sử nhân-loại hơn những sự phối-hợp như thế trong lịch sử mọi loài-vật khác. Quá khứ của dân-tộc nào, giống người nào cũng có nhiều trường-hợp pha giống, sự pha giống có khuynh hướng lan rộng.

« Đối với loài người những yếu tố ngăn trở sự pha giống đều có tính chất xã-hội, văn-hóa cũng như địa-lý ».

(Trích điểm 7 của bản Tuyên cáo chung sau cuộc hội thảo Mạc-Tư Khoa).

kiện ấy không phải là một lý-lẽ để phủ-nhận một điều nhận xét đích đáng là : nói chung thì đàn ông lớn con hơn đàn bà !

Sau khi đã ghi nhận những ý-kiến khác biệt về tính cách quan-trọng của sự xếp loại theo giống nòi, các chuyên gia dự hội nghị Mạc-Tư-Khoa cũng đồng-ý rằng có thể đưa ra một vài kết luận. Những kết luận ấy tuy không chấm dứt

sự bất đồng ý-kiến, nhưng cũng chứng tỏ rằng các quan điểm có thể tiến dần đến gần nhau hơn. Một trong những điểm như trên bản tuyên cáo chỉ cho ta biết : «Do một tổng-số những nét đặc thù, các giống người được xác-định là một thực thể, đang hình thành và dung hóa ».

Quan trọng hơn là điểm xác định rằng : Một vài đặc điểm thể chất có giá trị sinh vật học chính yếu và phổ-biến, với những đặc điểm ấy loài người mới sống còn được dù ở hoàn cảnh nào cũng vậy. Sự xếp loại các giống người căn-cứ vào những chỗ khác biệt không liên-quan đến các đặc điểm thể chất nói trên. Bởi vậy đứng trên phương-diện sinh vật học, người ta không thể nói một cách tổng-quát rằng giống như người này hơn hay kém giống người kia.

Toàn thể các chuyên gia dự hội nghị Mạc-Tư-Khoa đều là những nhà chuyên-môn về sinh vật học. Nhưng người ta biết rằng một công cuộc khảo-cứu có tính cách khoa học chính thống không thể giới hạn trong phạm-vi một khoa học nào. Các sinh vật học gia nghiên cứu về người không thể không biết đến những hiện-tượng xã hội trong đó con người sinh sống. Như bản tuyên cáo đã nói, chính vì sống giữa hoàn-cảnh xã-hội mà sự tiến hóa của nhân loại xuất hiện dưới những hình thái riêng biệt có tầm quan-trọng chủ yếu.

Sau điểm ấy, bản tuyên cáo lại nói : «Vì thế sự thích ứng về đại thể để đối-phó với những hoàn cảnh sống rất khác nhau đã thành tựu hơn sự thích ứng với từng cảnh sống riêng rẽ». Về sinh vật học, đó là một trong những điểm khác

biệt quan trọng nhất giữa người và các sinh vật khác. Do tính chất của loài người và đời sống xã-hội mà xuất lộ điểm khác biệt ấy.

Vấn theo bản tuyên cáo chúng ta có thể nêu ra điểm này : « Những tiến bộ trên bất cứ bình diện nào từ nhiều ngàn năm nay, hình như chỉ tiếp diễn phần lớn — nếu không hoàn toàn — trên bình-diện những sở đắc về văn hóa, chứ không phải trên bình diện những di sản truyền thống ». Sự kiện ấy đưa đến quan niệm rằng có sự thay đổi vai trò của luật đạo thái thiên nhiên đối với loài người hiện đại.

Chủ trương phân biệt màu da, một luận điệu nguy tạo những dữ kiện khoa học, đem áp-dụng với người một cách máy móc những hiện-tượng nhận thấy trong thế giới loài vật.

Như vậy, những yếu tố sinh vật học trong bản tuyên cáo của cuộc hội-thảo Mạc Tư Khoa 1964 chống lại những tư tưởng phân-biệt chủng tộc. Con người trước hết là một con vật xã hội, chính những hiện tượng xã-hội đã xác-định tính chất cốt yếu của lịch sử loài người.

Nhóm người chủ trương phân-biệt chủng tộc nắm giữ quyền hành ở đâu-là họ tìm cách cho những khối người khác giống xung đột lẫn nhau và cản trở tiến trình thiên nhiên hợp nhất nhân loại. Một ngôn sở trường của họ đề trá nguy khoa học là cả quyết rằng những cuộc hôn phối giữa hai người khác giống sẽ có hậu quả tai hại, con cháu của những cặp vợ chồng ấy suy kém về phương diện thể chất cũng như tinh thần.

Đối với vấn đề này, bản tuyên cáo đã có ý kiến rõ rệt : « Chưa bao giờ có bằng chứng rằng sự pha giống có hậu quả về phương diện sinh vật học đến nhân-loại nói chung. Trái lại sự pha giống góp phần lớn vào sự liên lạc về phương diện sinh vật học giữa các khối người, nghĩa là giữ cho con người được thống nhất trong sự khác biệt ».

Ta nên ghi nhớ rằng những đặc tính di truyền riêng của mỗi người chồng hay vợ, tự nhiên ảnh hưởng đến con cháu. (Có khi sự phối hợp của một vài đặc tính gây ra hậu quả không thuận lợi). Bản tuyên cáo nhấn mạnh rằng đó không phải là hậu quả của những cuộc hôn phối khác biệt giống nòi. Như vậy, không thể dựa vào căn bản sinh vật học nào để ngăn cấm sự hôn phối giữa hai người khác giống hay khuyến cáo họ không nên lấy nhau.

Một lần nữa, bản tuyên cáo nhấn mạnh rằng sự khác biệt nòi giống không phù hợp với sự khác biệt tổ quốc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa. Đúng vậy, những hiện-tượng xã hội có ảnh hưởng đến sự cấu thành những giống nòi khác nhau, nghĩa là ảnh hưởng về phương diện sinh vật học. « Những người cùng một thứ tiếng nói và có trình độ văn hóa tương đương với nhau thường có khuynh hướng lập gia đình với nhau, nhờ thế mà có sự tương hợp một đẳng về thể chất, đẳng kia về ngôn ngữ và văn hóa. Nhưng người ta không thấy có liên lạc nhân quả giữa hai sự kiện ấy, không có gì cho phép người ta nghĩ rằng những nét riêng biệt về văn hóa phải có nguyên nhân truyền thống »

Những người chủ trương kỳ thị chủng tộc khẳng định rằng các sắc người trên thế giới không bình đẳng với nhau về phẩm chất của những khả năng tinh thần. Những tâm lý học gia sau này đến dự cuộc soạn thảo bản tuyên cáo năm 1966 sẽ có lời thanh nghị về vấn đề ấy. Nhưng những sinh-vật-học gia nghiên cứu về người đã dự hội nghị Mạc Tư Khoa để khiến không thể không đề cập đến. Cũng như một vài nét quan trọng về thể chất của riêng loài người, khả năng phát triển trí tuệ tùy thuộc những đặc tính sinh-vật học có giá trị phổ biến vì có tầm quan trọng đối với sự sống còn của nòi giống trong bất cứ hoàn cảnh sống thiên nhiên hay văn hóa nào.

Các dân tộc trên thế giới ngày nay hình như về phương diện sinh vật học có tiềm năng ngang nhau để tiến đến bất cứ trình độ văn minh nào. Ngày nay các dân tộc đạt tới những mức độ văn minh khác nhau; có lẽ chỉ có thể giải thích hiện trạng ấy bằng lịch sử văn hóa của họ mà thôi.

« Có khi người ta gán cho dân tộc này hay dân tộc khác một vài đặc điểm tâm lý. Dù rằng lời cả quyết có hay không có minh chứng, những đặc điểm

ấy cũng không thể quy về truyền thống cho đến khi nào có bằng chứng ngược lại.

« Lãnh vực tiềm năng truyền thống liên hệ đến trí thông minh tổng quát và khả năng phát triển văn hóa, cũng như lãnh vực đặc tính thể chất, không cho phép người ta biện hộ khái niệm « giống người thượng đẳng » và « giống người hạ đẳng ».

Những nhân loại học gia và sinh vật học gia đã đồng thanh chấp thuận những sự kiện sinh vật học ghi trong bản tuyên cáo không những đã hành động với tư cách bác học gia mà còn với tư cách nhân sĩ.

Hội viên kỳ hội thảo Mạc Tư Khoa muốn nhấn mạnh khía cạnh đó cho nên đã kết luận bản tuyên cáo với lời lẽ sau đây : « Những dữ kiện sinh vật học trình bày trên đây hiển-nhiên chống lại những thuyết phân biệt chủng tộc. Những thuyết này không có một bằng chứng khoa học nào ; nhân loại học gia có bổn phận cố gắng ngăn cản, không để cho ai bóp méo những kết quả khảo cứu của mình, để dùng vào những mục tiêu phi khoa học. »

Thuật theo tài liệu trong tạp chí Le Courrier của UNESCO số tháng 4-1965

CỎ LIÊU

ZEN VÀ DƯỞNG-SINH

Do Ông Thái-Khắc-Lễ biên-soạn nói về phép ăn chay Trường-Sinh và chữa lành tất cả các bệnh-tật của các Thiền-sư Nhật-Bản.

Sách dày 250 trang — Giá bán : 60\$

Thư từ xin gửi về : Ông Phạm-Châu

Thư-viện Đại-học Huế



• TẠ TRỌNG HIỆP

đọc cuốn

Hiệu-chủ Bích-câu Kỳ-ngộ

của ô. Hoàng Xuân Hân

(xin xem từ BK số 205)

5. Về phương-pháp hiệu-định.

Nói chung về lối trị-học của ô. HXH về cổ-sử và cổ-văn, hình như không ai là không kính phục ; nhưng riêng về lối chỉnh-lý văn-bản của ông, mà tôi cho là phần cống hiến lớn nhất, thì đến nay văn-giới vẫn có người hoài-nghi và dị-nghị. Tiêu-biểu cho dư-luận ấy là những dòng này của một người bình-bút rất dễ thương của *Bách-khoa* : « Rất tiếc là ông lại vấp phải một điều mà chúng tôi cho là kị cho những ai theo con đường của ông : tự ý mình sửa hoặc bỏ văn cổ nhân, với cái lý là không hay, dở, dịch không đúng nguyên-văn, dài lắm nặng-nề, ý lặp lại... » (1). Nghĩa là cái mà tôi cho là khoa-học nhất trong sự-nghiệp của Hoàng quân lại chính là cái mà nhà bình-bút cho là phản-khoa-học nhất! Nay trong cuốn BC mới, phần hiệu đính không những vẫn có, mà còn phát-triển sâu-rộng như ta chưa từng thấy trước đây, hẳn là bác-nghị lại sẽ nổi lên. Đã

vậy thì tôi tưởng cần biện-luận đôi điều may chi gỡ được một phần nào một mối hiểu-lầm chẳng ?

a) Tại sao cần hiệu-định ?

Tôi cũng hiểu rằng bạn Nguyễn đã viết những dòng kia với một ý tôn-cồ đáng khen. Nhưng tôn-cồ như thế nào ? đấy mới là vấn-đề. Đặt vấn-đề như bạn là đã quên một tai-nạn mà chính bạn — vốn làm báo và có in sách — hẳn đã thường gặp hàng ngày, đó là cái câu-chuyện *tam sao thất bản* mà trong sách báo bây-giờ ta gọi là *lỗi-in*, nó phổ-biến đến nỗi không nhà in nào là không có một ông *thầy-cò* để sửa lỗi.

Chẳng cần tìm gì đâu xa, xin cử một kinh-nghiệm của bản-thân bạn : cuối năm ngoái, bạn xướng ra việc lập Quốc-tử-thục để bảo-trợ con em nhà cách-

(1) BK 83 (15-6-1967) 41.

mạng đã bỏ mình vì nước, đề - nghị trường sẽ dạy nghề cho các em, tỉ như dạy nghề ăn cho các em trai và nghề thêu cho các em gái... (1), độc - giả chẳng cần « hiệu-đỉnh » lời-thôi mà cũng hiểu ngay rằng nguyên-văn đã bị in sai phải sửa chữ *ăn* ra chữ *in* thì mới đúng (2). Đó, một bài có thể gọi là đã in ngay « dưới mắt tác-giả » mà còn thất bản như vậy, huống chi là cổ-văn chữ nôm xa-xôi ! Từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, hễ có sao-chép văn-tự là có sai, cho dầu là chép thẳng từ nguyên-cảo cũng vậy.

Bên Tây thì như nguyên - cảo thơ André Chénier có câu : « On nourrit l'enfant avec du lait et le lourd *bouclier* ne charge point son bras », khi đưa in, bị người cháu ruột của thi-sĩ nhận lầm mặt chữ mà in sai thành «... et le lourd *boucher*... » ; câu « Tourne un peu la médaille au *réciépiendaire* » lầm ra «... la médaille *antécépiendaire* » (3). Lại như vì địa-danh Beth-Saida trong một thơ văn-xuôi của Rimbaud bị nhận lầm ra *Cette saison* mà ý-nghĩa của cả bài đổi hẳn, gây nhiều khó - khăn cho các nhà phê-bình (4).

Trở sang Trung-hoa và ta, sở-dĩ cần hiệu-đỉnh cổ-văn là vì, như cụ Đồ Chiểu đã nói : « Bời đời nhiều kẻ bất-thông / Học không chỗ gốc, riêng trông cửa rèm / Học cho vài chữ lem-nhem / Mân coi ra *kiền*, *lỗ* nhèm ra *ngư* » (5). Do đó mà những chuyện buồn cười do ta thấy trong bài phú nhạo *thầy - đồ* *ngông* của Nguyễn-Khuyến (6) : lầm mặt chữ câu *Úc-úc hồ văn tai* (Luận ngữ, Bát dật 14) ra *Đồ đồ bình trượng*

ngã (7), lầm *Ấu ấu cập nhân ấu* (mượn chữ trong *Mạnh - tử*, Lương Huệ-vương thượng, 7) ra *Thiết thiết phản nhân thiết* (8). Buồn - cười hơn là trạng Lợn đọc lầm *hạ mã* ra *bất yên* (9)...

Người đọc nhận lầm, người chép viết lầm, người in khắc lầm, cứ thế mà truyền đến tay ta ngày nay, văn bản hiện hành đâu còn là nguyên-văn của cổ-nhân nữa. Nhà hiệu-đỉnh thấy sai thì chữa, có chữa mới là tồn-cổ đích-đáng.

b) Một chút lịch-sử hiệu-đỉnh.

Với những ai còn trách ô. HXH đề-xướng ra một tác-phong nguy-hiêm, tôi muốn nhắc lại vài việc « sửa văn cổ-nhân » mà người ta đã làm trước ông từ lâu, « thủ-phạm » cũng đã táo-bạo không kém Hoàng-quân, tuy họ chính là người được tiếng cần-thủ đáng tin. Nhân tiện, may ra uốn được một quan-niệm sai-lầm về nhà nho thời xưa : mãi hôm nay vẫn có người cho rằng nhà nho chân-chính chỉ lo trau-giồi nghĩa-lí ngõ hầu

(1) *Ánh sáng* đặc-biệt, 1 (9-11-1964) 3

(2) cf. cải-chính của một độc-giả, idem 2 (16-11- 964) 4, cột 8. Ngay cái câu cải-chính ấy cũng bị in sai, hình như sót mất một chữ

(3) cf. *l'Histoire et ses méthodes*, Paris. 1961, Encyclopédje de la Pléiade NRF, trang 1249.

(4) *Rimbaud* của R. Etiemble và Y. Gau-clère, Paris 1950, NRF, 13, 44 ; và bản hiệu-chú thơ-văn Rimbaud của Suzanne Bernard, Paris 1960, Classiques Garnier, trang 198, 453-454.

(5) Ngự tiều văn đáp câu 1795-1796. Cf, bản Tân Việt, trang 403.

(6) *Thơ Tam-nguyên Yên-đồ* của Hoàng Ý Viên, Saigon 1957, 11"-111.

(7)— 郁郁乎文哉 lầm ra 都都乎丈我

(8)— 幼幼及人幼 lầm ra 切切反人切

(9)— 下馬 đọc ra 不 馬

« đạt đến tinh-túy của Không-học » chứ không rơi vào « lối huấn-hỗ », « mài-miệt nơi cni-ly » (1). Có thật Không-học chính-truyền không bàn « huấn-hỗ chi-li » không? Ta hãy đọc lại chuyện Tử Hạ « sửa văn cồ-nhân » như sau (2).

« Tử Hạ đi Tấn ; (trước khi tới Tấn) qua Vệ, thấy có kẻ đọc Tấn-sử rằng : « Tấn sư tam thi thiệp hà 晉師三豎涉河 (3). Tử Hạ nói : « Bậy nào ! Đó là kì hội 己亥. Lầm vì kì trông giống tam, thi giống hội ». Khi thầy đến Tấn, hỏi ra thì đúng là « Tấn sư kì hội thiệp hà » (4).

Cùng kể chuyện ấy, nhà nho Ứng Thiệu đã không chê là « chi-li tể-toại » lại còn khen nức-nở : « Ôi, phi bậc đại thánh rất sáng, dễ ai vạch được gốc cái lầm ấy ? » (5). Đó là lấy « lí » mà sửa chữ sai Cứ theo một chuyện khác trong lời chú thích *Công dương-truyện* của Hà Hưu thì không riêng gì Tử Hạ, ngay cụ đại sư là cụ Không cũng có làm như vậy trong khi san-định kinh Xuân thu (6). Còn hiệu-định theo đúng nghĩa của chữ ấy (: so sánh nhiều bản mà cân-nhắc chỗ sai chỗ đúng), thì đời Hán đã có cha con Lưu Hâm Lưu Hưởng làm rất rộng-rãi. Ngay một tay cao-sĩ về lí-học đời Tống như Chu Hi cũng không ngần ngại dùng phép so-sánh văn-bản để nghi-ngờ những chỗ mà ông cho là sai : trong khi kinh *Thi* (7), nơi câu *Gia dĩ đạt ngā* 假以溢我 (« lấy gì mà giữ ta ») thầy Chu dẫn thoại trích trong *Tả truyện* (Tương-công 27) chép chữ *tuất* 洩 (« thương ») thay vì chữ *đạt*, nhận-định rằng *tuất* là chép đúng, lầm ra *đạt* vì mặt chữ giống nhau.

Trung-hoa đã vậy, Việt-Nam ta cũng « táo-bạo » không kém. Một học-giả mà ai cũng khen đức-độ cần-thủ là cố-giáo-sư Dương Quảng Hàm, khi duyệt lại văn *Nhị-thập-tứ hiếu* diễn-ca của Lí Văn Phức, xét đến câu 265 mà các bản nôm (và một bản quốc-ngữ cũ) đều chép là « Khen hiếu-hạnh cảm lòng quận thú » ông mạnh dạn hiệu-định rằng « chữ *khen* 嚙 xét ra không đúng nghĩa, có lẽ là chữ *tiếng* 嗜 mà vì hình chữ hơi giống nhau thành ra bản nôm khắc sai chăng ? » (8)

Nếu ta đọc bản *Ngư-tiểu vấn-đáp* của ông Phan Văn Hùm -- một người mà học-giới trong Nam rất tin-cậy -- ta cũng thấy ông hiệu-định rất giống ông HXH, sửa những chữ như *đám* lầm ra

(1) Hồ Hữu Tường, *Ánh-sáng* đặc-biệt 1. (9-11-1964) 3, cột 1, bài *Lời truy-cáo...*

(2) Chuyện còn thấy chép trong *Phong-tục: thông-nghĩa* và *Không-tử gia-ngữ*, đây trích theo thiên *Sát truyền* trong *Lữ-thị Xuân-thu*.

(3) Cứ thật-thà mà dịch thì câu đó là « Quân-đội Tấn ba con heo lội qua sông »

(4) Nên nhớ rằng chữ Hán thời ấy là cồ-văn đại-triển, không phải là khai-thư như nay. Trong cồ-văn, *kỉ* viết 𠂔 chỉ khuyết nét một chút là dễ giống chữ *tam*; *hội* viết 𠂔 dễ lầm với *thi* 𠂔. Cf. Hứa Duy Quất, *Lữ-thị Xuân-thu tập-thích*, quyển XXII, 16 b-17 a (tái-bản Thượng-hải 1955, 11, trang 106^c, 1061), và Vương Thúc Mân, *Giáo-thủ-học*, (chuyên san 37 của viện Lịch-sử Ngữ-ngôn Đài-loan 1959) chương 2, 3 b-4 a.

(5) cf. Vương Thúc Mân, idem.

(6) idem.

(7) thơ *Duy thiên chi mệnh*, thập *Thanh miếu* trong *Chu-tụng*.

(8) truyện Hoàng-Hương trong cuốn *Lý Văn Phức toàn-tập* của nhà Nam-sơn, trang 71 chú 99.

ôn, vẫn làm ra y, tên làm ra trước (1) đặc làm ra thìn (2), hồ làm ra nhất (câu 515), sửa làm ra lại (câu 1386), Mân làm ra U (câu 1716).

Muốn kể ra thì còn nhiều nữa, nhưng ngần ấy tưởng cũng tạm đủ để « phiên án » cho ô. HXH Nếu muốn trách ông thì phải trách luôn hai ông Dương và Phan kia. Mà trách họ thì là « xử kiện nhập nhằng » : vì thủ-phạm sửa cồ-nhân không phải là họ, mà là những người đọc sai, chép sai, in sai trước họ. Sao bạn Nguyễn không kể tội những người này, lại đi phê-bình chệch vào nhà hiệu-dính là người chịu khó làm anh thầy cò sửa sai cho cồ-nhân. Thật là đem công biến ra tội, đảo-diễn hết cả. Xin bạn Nguyễn bỏ qua những chữ quá nóng-nảy trong đoạn trích sau, nhưng cũng xin bạn suy-nghĩ về cách đặt vấn-đề hiệu-dính của đoạn này, mà tôi cho là đúng lắm :

« Những cuốn này (: trở thơ văn cổ) nếu còn đến ngày nay cũng là may-mắn lắm. Song trong sự may-mắn đó có sự đáng buồn : nhiều câu sai-lạc với nguyên-văn... Buồn hơn nữa là có người hiệu-chính lại một cách phân-minh mà vẫn thấy kẻ cãi bướng, không chịu phục thiện, vì lòng tự ái cũng có, vì ngu-dốt cũng có. Nhưng rồi những kẻ ấy sẽ dần-dần tiêu-diệt lấy, nếu không nước Việt-nam sẽ không có một áng văn xưa nào cho ra hồn » (3).

c) Hiệu-dính như thế nào ?

Một quan-niệm khá phổ-biến, mới xem thì có vẻ rất khoa-học, rất khách-quan, là : bản cò chép sao thì ta cứ theo y-nguyên như vậy ; nếu có bản

chép khác thì ta ghi trong cước-chú thể là xong chuyện.

Nếu thế thì chưa gọi là hiệu-dính được, chỉ là đối chiếu đặc-diểm các thoại, tức là một công việc bước đầu mà ai hiệu-dính cũng đã làm, nhưng không ai dừng ở đó. Đối- chiếu là để có cơ-sở tài-liệu mà tiến-hành chừng nào hay chừng nấy. Ở nước ta, nguyên cảo của tác-giả ít khi còn truyền ; một khi ta biết rằng các bản sao hoặc bản in đều sai-ngoại không nhiều thì ít, nếu ta chỉ ghi các điểm dị-đồng giữa các bản mà không thăm định phê-phán gì cả, vậy là ta đặt giá-trị mọi bản trên một bình-diện ngang nhau, khiến người đọc không biết đâu là sai đâu là đúng, lúng-túng trước sự bất-nhất của các thoại : ta hẳn còn nhớ đến nỗi khổ-tâm của giáo-giới trước hiện-tượng này (4).

Vả trong văn-học chữ nôm không bao giờ có được sự sao-lục « y nguyên » như ta tưởng. Sự phiên-âm không đơn-giản, vì như Phan Văn Hùm đã nói : « nôm là na, na-ná cho nên nhích qua nhích lại đã sai giọng, sai lời, sai tiếng » ; cùng một mặt chữ có thể ghi mấy tiếng âm gần nhưng nghĩa khác, cùng một tiếng có thể ghi bằng mấy chữ khác nhau. Dầu có nguyên-cảo của các-giả, « nếu

(1) Sách đã dẫn ở cước-chú 5, tr. 20 bài này (trang XVI-XVII)

(2) idem, trang 50, chú 1

(3) Khảo cứu về tiếng Việt-Nam của Trà Ngân, Hanoi 1943, nhà x. b. Cộng-lực, trang 175-176.

(4) xem lời trần-tình của hai nhà giáo Bằng Bá Lân, Luận-đàm 1/2 (1-1961), trang 78-82, và Bằng Phong, idem 1-6 (5-1961) 92-95.

người sao-lục (hoặc phiên-âm) mà bắt-thông (hoặc sơ-suất) một li là đọc sai ngay đi một dặm. » Biết vậy thì ta không thể tin hẳn một thoại nào, không thể chỉ đối-chiếu mà phải sử-dụng kết-quả của đối-chiếu để xác-định thoại nào là đúng (hoặc có khả-năng là đúng), thoại nào sai (hoặc nghi là sai), cân-nhắc giá-trị cao-thấp phải-trái của từng thoại ở từng chữ từng câu.

Chính vì vậy mà các sách cổ-văn của ô. HXH có một cách trình-bày chính-văn mà tôi đã nghe nhiều người chỉ-trích : ông không sao-chép y nguyên một bản nào cả, ở một câu nhất-định nếu gặp thoại nghi là sai thì thay bằng thoại đoán là đúng (: do đó người ta trách ông « sửa văn cổ-nhân »); thoại sai đem xuống cước-chú, thoại đúng đặt lên chính-văn, kết-quả là có khi thoại tái-lập của ông trong chính-văn không những đã khác thoại thông-hành mà người ta quen học thuộc-lòng và ngâm-ngã từ lâu (: một lẽ khiến một số người phải bực mình), lại khác hẳn thoại ghi trong bản nôm nữa (: đây mới là cái táo-bạo mà người ta khó tha-thứ cho ông!).

Tồn-cổ theo lối HXH có khách-quan không, có khoa-học không? Theo tôi phải làm như vậy mới là hiểu đúng nghĩa chữ khoa-học. Hễ đi vào công-việc thăm-định tức là phải phán-đoán, đã vậy thì tránh sao được yếu-tố chủ-quan? Nhưng đó không phải là điều phải kị, vì có phải là ông « chỉ lấy lí mà đoán bừa » đâu! Trong khi hiệu-đính, ông đã nương theo một chuỗi phương-

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

SÔNG MÃ THÁNG TÁM NGỌN TÓC TRĂM NĂM

*truyện nghiêudề • bìa nguyêntrung
• phụ bản lâmtriết, cùnguyễn,
nguyêntrung, nghiêudề • trình bày
trầndạtừ.*

Giá 60\$ • 10 bản đặc biệt 100\$—
Gởi bưu phiếu về Nguyễn Thị Quảng
Hoa — 19B Lý trần Quán — Saigon

châm và tiêu-chuẩn rất khách-quan, quí- nạp nhiều tầng-lớp chứng-cứ để biện-minh cho phán-đoán. Khi trách ông chủ-quan, người ta quên rằng cơ-sở tư-liệu và phương-pháp nghiên-cứu chỉ là điều-kiện cần-thiết chứ không phải là điều-kiện đầy-đủ : nếu không xen chủ-quan của mình vào mà phán-đoán thì tư-liệu chỉ là một đồng nằm ngổn-ngang, vấn-đề chưa được giải-quyết gì cả. Không có chủ-quan của người nghiên-cứu thì cũng không có một nghiên-cứu nào cả; chủ-quan càng tinh-nhuệ thì vấn-đề càng được giải-quyết ổn-thỏa.

Sở dĩ còn có người dị-nghị là vì họ chưa quen với lẽ-lối hiệu-đính, lẽ-lối này chưa thành nếp ở nước ta (tuy trước ông HXH đã có vài trường-hợp lẽ-tẻ, trong sách của Dương Quảng Hàm và Phan Văn Hùm, đã dẫn trên đây), chứ ở các nước khác thì người ta đã quen dùng từ lâu. Không kể các hiệu-đính cụ-thể, bạn đọc có thể tham-khảo các phương-pháp-luận mà rất

nhiều học giả ngoại-quốc đã viết ra (1). Ô. HXH vốn không phải là người « chuyên-môn về văn-chương và văn-khoa » (2), lại không thừa-hưởng được một truyền-thống như các học-giả Trung-hoa, vậy thì ta phải khen cho ông khi ông đã đủ siêng-năng và tinh tế mà tự gây dựng cho mình một phương-pháp hiệu-đỉnh chính-xác không kém gì học-giả nước nào cả. Nói như ông Trà Ngân nhờ sách của HXH mà ta mới bắt đầu có những cuốn cổ-văn « cho ra hồn ».

6. Phương - pháp của ông Hoàng-Xuân-Hán.

Tôi xin trích dưới đây một đoạn trình bày của ông mà riêng tôi đã học rất nhiều, từ mười năm nay tôi đã — và vẫn — nghiên-ngẫm đề đi vào các ngõ-ngách của cổ-văn Việt-nam :

« ... Tôi rất chú-trọng để giữ được nguyên cổ-văn. Sự ấy rất khó, vì phần lớn các văn đã bị phiên-âm thất-cách, hoặc còn chữ nôm, nhưng đã bị sao lại nhiều lần. Các người phiên-âm hay sao thường không hiểu tiếng cổ, nên tự ý chữa đi. Tôi đã cố tìm bản nôm, cũ được chừng nào hay chừng nấy; hoặc tìm nhiều bản gốc khác nhau, để so-sánh. Tôi đã kê các tiếng cổ thành tự-vị, rồi vin vào cách viết nôm, ý trong các câu, mà đoán âm và nghĩa. Với sự kinh-nghiệm ấy, tôi đã đọc và hiểu được nhiều từ-ngữ xưa. Rồi tôi vin vào tự-dạng và âm, vào nghĩa, để tái lập được nguyên-thoại. Tuy làm việc ấy có tính cách bấp-bênh, nhưng tôi tin rằng đã đạt được một phần mục-đích... Tôi đã tìm được nghĩa bằng qui-nạp, nghĩa là

bằng cách nhận-xét rồi mới suy-đoán, chứ không phải lấy lí-tưởng mà đoán bừa » (3).

Đó là lẽ-lối chung; riêng đối với loại văn diễn ca thì ta có thể thêm một căn-

(1) *Tây âu* : cf. R. Marichal, trong *l'Histoire et ses méthodes* (đã dẫn ở cước-chú 3 trang 20 bài này) ; Léon-E. Halkin, *Introduction à la critique historique* (1961), chương V : Histoire et Philologie.

Trung-hoa : chữ nôm của ta cùng hệ thống với chữ của họ, ta rất cần học kinh-nghiệm của họ, tỉ như trong các phương-pháp luận của :

— Cổ Viêm-Vũ (1613-1682) *Thư đáp Li Tử Đức* ở đầu sách *Âm-luận*

— Đoàn Ngọc Tài (1735-1815), *Thư bàn với đồng-chi về cái khó của nghề hiệu-đỉnh* trong *Kinh-vận-lâu lập*.

— Vương Niệm Tôn (1744-1813), bài hậu tự phần hiệu-đỉnh *Hoài-nam-tử* trong sách *Độc thư tạp chí*.

— Dũ Việt (1821-1906). *Cổ-thư nghi-nghĩa cử-lệ*, quyển III đến q VII.

— Lương Khải-Siêu, *Trung-quốc cận tam bách niên học-thuật sử*, chương XIV mục hiệu-chú cổ-tịch.

— Hồ Thích, *Phép trị-học của học-giả đời Thanh*, trong *Hồ Thích văn-lôn II*, Trần Viên, *Hiệu-khám-học thích-lệ* (1911).

idem, *Thông-giám Hồ-chủ biểu-v* (1945), chương III.

— Trương Bá Tiềm, *Hiệu-thủ mục-lục-học toàn yếu* (1947), hạ-biên, II, III

— Trương Thuần Huy, *Trung-quốc cổ-dại sử-tịch hiệu-độc-pháp*, (1958)

— idem, *Quảng Hiệu-thủ-lược* (1965). Nhưng đầy đủ hơn cả là cuốn của Vương Thúc Mân (cf.cuối cước-chú 4 trang 21 bài này)

(2) Cf. *Lời nói đầu* ở sách *Thi-văn Việt-Nam*.

(3) idem

cứ nửa đề hiệu văn : nguyên-tác còn đó. Dẫn cho bản nôm không chép sai gì cả, cũng nhờ so-sánh nguyên-tác mà ta hiểu được nhiều chỗ tối nghĩa trong diễn-ca. Bởi vậy mà ô. HXH đã dịch trọn-vẹn nguyên-tác—kể từ cuốn CPNBK cho đến cuốn BC này — để cung cấp tài liệu tham khảo cho nhà phê-bình, và nhất là ta thấy ông đã biết dùng nguyên-tác để tìm-hiểu thêm văn diễn-ca (trong một chừng-mức tinh-tế « gượng nhẹ » chứ không phải là xem diễn-ca như *chỉ* là bản dịch trung-thành của nguyên-tác). Bản TVG cũng có dịch nguyên-tác BC, nhưng *chỉ* là phụ-lục mà thôi, vì ông TVG không sử-dụng nó để chỉnh-lí BC nôm.

Phương-pháp kể trên tạm đủ để khắc phục các sai-ngoa dễ nhất. Trong mục *Hiệu đính* ở bài *Dẫn* cuốn BC mới, ô. HXH còn nêu ra hai cấp sai khó hơn nữa, khó vì mới đọc thì không thấy có gì khả-nghi, trừ phi ta có con-mắt đọc cồ-văn rất sành rất tinh như Hoàng-quân, biết thấy mối liên-hệ mạch-lạc trong tứ văn, nắm vững ý nghĩa tổng-hợp của cả câu hoặc cả đoạn, lại có sẵn kiến-văn rộng về cồ-diễn Hán Việt, biết kết-hợp mọi dữ-kiện xa gần, thì mới phát-giác được chỗ sai và biết nên tái-lập ra sao. Đến cấp này, nhà hiệu-đính dễ gây phản-đối, vì ông *gần như là sáng-tạo* chứ không chỉ sao-chép trung-thành bản cồ nào nữa. Đây là lối mà học-giả Trung-hoa gọi gọi là *lí-hiệu-pháp* (« lấy lí mà hiệu-đính »), hiệu-đính bằng chứng gián-tiếp và phức-tạp quanh-co : « chỉ khi nào các bản cồ đều không thể theo, mới nên dùng phép này. Nhưng phải là

tay thông-đạt mới làm được, nếu không thì hư-hoại hết cả một cách lỗ-mãng, lấy điều không sai mà làm sai, làm cho văn nát hơn trước nữa. Bởi vậy đây là phép cao-diệu nhất, mà cũng là nguy-hiễm nhất » (1).

Dưới đây tôi sẽ lược kê các hiệu-đính trong bản BC/HXH, xếp theo từng loại vấn-đề hoặc theo từng loại chứng-cứ đã sử-dụng để tái-lập cồ-nghĩa.

a) *Hiệu-đính được củng-cố bởi thoại Vũ Quốc-Trân.*

Trước năm 1958, ô. HXH đã tiến-hành hiệu-đính một lần thứ nhất trên cơ-sở ba bản in nôm cuối đời Tự-đức, tái-lập một số thoại mà người hoài-nghi có thể cho là còn bấp-bênh. Bất-ngờ có bản PT in ra, giới-thiệu thoại Vũ Quốc-Trân, ta thấy có khá nhiều tái-lập của ô. HXH trùng-hợp với thoại ấy, nghĩa là được củng-cố bởi một bản cồ ít sai hơn các bản nôm kia, tỉ như ở những vế 25 : *lều thơ*, 48 : *vết gió ngấn mưa*, 305 : *yên-chi*, 319 : *tấm thương*, 409 : *gác bánh xe mây*, 414 : *đuốc hồng*, 426 : *chuốc rượu*, 427 : *hoa bay*, 430 : *cầm kì thi tửu*, 436 : *dăm độ*, 451 : *đến lời*, 453 : *đêm thâu*, 465 : *trót đã*, 619 : *trót đeo*, 626 : *viên hạc*, 630 : *lối mê*, 636 : *tiên-tào*.

Lại như vế 41, các bản nôm chép : « Vai còn đôi gánh... », thoại tái lập của HXH là « Vai *quần*... », có thể xem là được củng-cố bởi thoại Vũ Quốc-Trân : « *Quần* vai đôi gánh... ».

Lối « lí-hiệu » tuy có khi nguy-hiễm, nhưng được tay cao-thủ chuyên-trị thì

(1) Trần Viên, *Hiệu-khám-học thích-lệ*, trang 148.

thành-công cao-diệu như vậy đó. Đời Thanh, bên Trung-hoa, cũng có vài giai-thoại li-hiệu như vậy; người ta còn kể chuyện Tiền Đại Hân (1728-1804) đọc sách *Hán-thư*, chỉ lấy « li » mà đoán chữ này nên chữa làm chữ kia, sau đó tìm ra bản cổ thì thường đúng như lời Tiền đã đoán (1). Ông HXH phải chăng là Tiền Đại Hân của Việt-nam vậy?

b) *Hiệu-đỉnh căn cứ vào nguyên-tác.*

Truyện nôm là diễn chữ không dịch một cánh máy-móc; và giữa hai tác-phẩm BC Hán và nôm, thể văn đã khác thì hành-văn và kết-cấu cũng khác, xo-le và chênh-lệch là điều tất-nhiên. Nhưng nếu biết so-sánh thì nguyên-tác cũng giúp được chứng-cứ để đọc thông và sửa vài sai-ngoại trong bản nôm. Tỉ như ở những vế 83: tựa *bóng* nương cây, 96: *xống* Tương, 97: *côn* ngọc, 369. thói *Thôi* Oanh, 390: *Tạ* nhau, 422 năm trăm năm, *ti-la*, 530: *gươm* hợp, 601: *cồ-khâu*, 650: 434: *Trân-nhi*. Cũng nhờ so-sánh nguyên-tác mà ông HXH giải được nghĩa những câu mập-mờ kín-đáo như vế 130, 517, và chữ *nên* ở vế 164.

c) *Hiệu-đỉnh nhờ nắm vững thành-ngữ trong điển-cổ.*

Nhờ cái bác-văn và tinh-xác của người hiệu-đỉnh mà tái-lập được những chữ ở vế 33: bốn *báu*, 54: *bề học*, 96: *xiêm* nghệ, 123: *đạo* Kim-thăng, 178: *chày* kênh, 180: *đồng* Tương, 225: *tiên-ki*, 260: *thơ* đào, 305: *dạm* thanh, 363: *Lão-quân*, 371: *gieo* thoi, 477: *chia* ương, 608: *ba* đỉnh *mười* châu, 645: *dóng* trắng *diềm* vàng, 656: *giường* đá.

Bác-văn nhất là ở chỗ tìm hiểu mấy chữ *chim khơi bóng thuyền* trong vế 66.

d) *Nhờ có kinh-nghiệm về chữ nôm, cồ-âm, cồ-nghe mà đọc đúng chữ nguyên không sai, và chữa được chữ chép sai.*

Có bản nôm không sai, mà nếu người phiên-âm không thông chữ nôm, hoặc không biết dò ra mạch văn, thì rất dễ đọc sai, hoặc phiên-âm đúng nhưng giải nghĩa sai. Như *chùm* (v.25), *thừa-lừa* (v.27), *lưu-loát* (v.29), *sờn tuyết* (v.38), *giữ nợ* (v.58), *đầy khê* (v.73), *rà-rà* (v.80), *mĩa* chiều (v.97), *vĩ-veo* (v.130), *gảy đàn* (v.169), *giã-đề* (v.184), *chác* (v.197, 257) *iu-iu* (v.290), *trêu* (v.314), *tri-tri* (v.469). Loại chữ này, chỉ cần chăm-chỉ nhận-xét và tra-khảo thì còn dễ khắc-phục được. Đến như chính bản nôm cũng sai vì người khắc bất thông thì người hiệu-đỉnh cao-tay lắm mới chữa được: như ở vế 19: *nhờ* ẩm; 41: *nặng* *trở*; 50: *sen* *inh*; *cúc* (lầm ra *trúc*, âm gần nghĩa gần); 436: *lưu* (lầm ra *liều*, cũng vì lẽ đó); *áng* (v.71 593); 81: *đàn* *lũ*; 87: *thôi*; 116: *trót*; 176: *dây* giọng tình; 223: *căn-nguyên* (lầm ra *nguồn-cơn*, làm lạc văn); 259: *xuân* *sang*; 277: *sịch* *dầu*; 281: *trăng* *giại*; 295: *thôi* *đành*; 303: *liền* *tay*; 559: *nhìn* *chong* cả con người; 572: *lò* *hương* *đề* *ngươi*; 585: *sắp* *cánh*; 605 *non* *thiên* (nguyên lầm làm lạc văn).

Có chỗ phải tế-nhị mới phân-biệt được *bận* với *bợn* (622: *bợn* lòng), *lạt* với *lọt* (vế 290; *lạt* trở mùi vị, *lọt* trở màu-sắc).

(1) Trần Viên, *Hiệu-khám-học thích-lệ* 149.

Có chữ nôm phải linh động tùy theo văn-mạch mà phiên-âm nhiều cách : chữ dùng *lật* 律 làm hài-thanh, đọc *rót* (v.117), hoặc *lọt* (v.2) hoặc *suốt* (v.44. 131)

Có chỗ phải thông phép giả-tá mới giải đúng, như chữ *cù* 衢 trong *chấn cù* có thể là dùng thay chữ 表 (cf. v. 232 và Tự-vị cuối sách). Có thứ giả-tá « cấp hai » rất hóc-búa, như danh-từ *cánh mây* (v. 348) dịch chữ Hán *vân-song* 雲 窓, nhưng lại giả-tá chữ *vân* ấy với chữ *vân* là « mây » và dịch nôm nghĩa của chữ này tuy ta vẫn phải hiểu đó là muốn tỏ « cửa sổ phòng sách có ướp cỏ vân ».

Một loại hiệu-dính nữa dựa vào tục-ngữ, như : nghe *rót* vào tai (v.117) *muộn* phận sơ sinh (v. 119. Tục-ngữ : sinh sơ đề muộn).

Loại làm khó phát-hiện nhất là những chỗ người sao-chép bị ảnh-hưởng của tiếng đứng gần hoặc liên-tưởng đến một thành-ngữ quen miệng, như ở v. 54 *bề học* (lầm ra *bề khổ* vì ảnh-hưởng của *mạch sâu* trong v.); 96: *xống* Tương (lầm ra *sống* Tương, quen thuộc hơn); 131: *giọng* tình (lầm ra *chung-tình*); 226: *há* không (lầm ra *hay* không); 427 *hoa* bay (lầm ra *sương* bay, vì ảnh-hưởng của *tuyết phún* trong v.) 430: *cầm* kì thi *tửu*; 495: *quăng* vắng *điều-hiu* (lầm ra *quăng* vắng *đêm dài*, khiến lạc văn, chỉ vì ảnh-hưởng nặng của *quăng vắng đêm trường* trong *Kiều*) 632 *chân* *thuyên* (lầm ra *chân-truyền*, quen-thuộc hơn).

d) Hiệu-dính nhờ nắm vững bút-pháp, từ-pháp.

Bút-pháp trong loại văn như BC có

cái kết-cấu tuy quanh-co nhưng rất chặt chẽ; nếu nhận ra khuôn-phép của nó, sẽ chữa được nhiều sơ-suất của bản nôm.

Một thủ-pháp kín-đáo là lối *thượng hưởng hạ ứng*: hai ý *cúc* và *sen* đề-khởi ở v. 30 (đề tả cảnh khi còn thịnh) lại tái hiện ở v. 50 (đề tả cảnh khi đã tàn-tạ), trên gọi dưới, dưới ứng trên, mạnh-lạc rất khít-khao. Kẻ khắc bản nôm sơ-suất đề làm chữ *cúc* dưới thành chữ *trúc*, khiến dụng-công của tác-giả phải đồ vỡ hết cả. Nhân nắm vững bút-pháp mà Hoàng-quân tái-lập được thoại *hoa-man* trong v. 411, nó ứng xuống *tràng hoa* ở v. 550; hoặc như thoại *vác cuốc* trong v. 495, nó hợp với sự-tích Lưu Linh (v. 454) Một thủ-pháp chặt-chẽ hơn nữa là lối điệp-đối thành bức tứ-bình bát cảnh, vốn đã thấy dùng trong *Hoa-tiên*, *Kiều*, *Mai-dình mộng - kí*, giăng trải câu thơ thành bốn đợt liên-đối lẫn nhau: đọc đoạn từ v. 169 đến 182, ta thấy có ba v. mở đầu bằng chữ *có* *khi* thì biết rằng thoại *có* *đêm* ở v. 181 là lạc-lỡng lẫn-thần, nên tái-lập ra *có* *khi* Cũng nhân mỗi liên-đối bốn đợt ấy mà ô. HXH hiệu-dính được những chữ sai trong đoạn từ v. 423 đến 434, từ 495 đến 502.

Giản-dị hơn cả là lối tiểu-đối: ở v. 282, *giấc* *hoè* đối với *chấn cù*, lấy thực tự đối thực-tự (: *hoè* / *cù*); bản TV G đổi *cù* làm *hồ* (*hồ* là *hầu*, « vừa mới gần như »), khiến tiểu đối thành lệch.

Có chỗ bản nôm không sai, nhưng phải thông từ-pháp mới giải-đúng, như chữ *chùm* trong v. 25 (danh-từ dùng làm động từ như hai chữ *nào* đi liền nhau trong mỗi nửa v. 520 (Giã nào nào

thắng, bữa nào nào ngon), Hoàng quân giải rằng « tiếng trên là một tình-tự, nghĩa « nào cũng vậy »; tiếng dưới là trạng-tự, nghĩa « nào có được ? ». Nói như hai ông Trương-văn-Chình và Nguyễn-Hiến-Lê nào trên trở ý bất định nghĩa là « không riêng gì, bất cứ mọi tất cả » (*giấc nào* là « mọi giấc không riêng giấc nào »; *bữa nào* là « mọi bữa không riêng bữa nào »); *nào* dưới trở ý phủ-định (*nào thắng* « có thắng đâu » không thắng; *nào ngon* là « có ngon đâu không ngon »)

e) Hiệu-đỉnh tổng-hợp.

Chia hiệu-đỉnh thành từng loại như trên là cho tiện trình bày mà thôi; thật ra một tái-lập của ô.HXH thường dựa vào nhiều loại chứng-cứ y tổng-hợp nội-chứng ngoại-chứng xa-gần để dựng nên giải-thuyết, như trong các hiệu-đỉnh bốn báu (v. 33) xiêm nghề (v. 96), côn ngọc lan hoa (v. 97) xem tranh, tranh vãn in ngần (v. 517) v.v., ông vừa phân-tích tứ-văn, vừa dựa vào đoạn tương-dương trong nguyên tác, vừa dẫn văn-liệu trong điển-cổ và thơ-văn cổ, kết-hợp với nhận-xét về khả-năng gây sai lầm vì tự-dạng hay vì liên-tưởng, mà tái-lập được một thoại thích-hợp hơn.

Ông đã thành-công đến mức nào ? Cái đó cũng còn tùy ở khả-năng của độc giả nữa: điều cốt-yếu là ông đã trình cặn-kẽ các lý-do hiệu-đỉnh của ông, ta có đủ yếu tố để nhận-định, và hẳn ta mỗi người sẽ có nhận-định khác nhau tùy theo con mắt đọc cổ-văn của mình, tùy theo kinh-nghiệm và học-lực của mình.

Trước khi góp ý của tôi, xin bàn qua về hai bản PT và TVG.

7. Nhận xét về hai bản PT và TVG.

Ta biết rằng cả hai đều do ô TVG phiên-âm từ bản Vũ Quốc Trân. Bản này có nhiều ưu-điểm mà bản HXH đã tiếp-thu; đặc biệt là có một số chữ chép đúng như ô HXH đã giả-thiết. Hai bản lại thêm một ưu-điểm khác, là người phiên-âm cũng khá thông cổ văn và chữ nôm, ta có thể tin rằng ông đã đọc đúng nhiều chữ khó, như: trên gò (v. 25, Tân Việt làm ra *liền khu*), vào *nhòng* (v.62), đầy khe (v. 72), ỏi tai (v. 179), thiu-thiu (v. 282), trót giờ lâu (v. 297), *nhấp* sâu (v. 364), *đỉnh* nữa (v. 558). Nhất là chữ *thóp* ấy, đáng gọi là phiên-âm «hoán nhiên băng giải»

Thy vậy có chỗ khiến ta phải nghi-ngờ, như *thừa lư* (v. 27) mà tôi đoán rằng ông không hiểu nghĩa nên đổi làm *thờ-ơ* khiến câu văn thành lẩn thẩn. Có chỗ «lạ tai» mà ta không biết bản nôm chép vậy hay chỉ do ông TVG, như vế 239 mà ông chép *Là ta trước những chẳng tin* (bản PT bỏ sót dấu huyền: *Là ta ...*) trong khi các bản nôm in đều chép *Lạ tai nghe những chẳng tin*; đối với lời giải của TVG, cho rằng *là ta* là «ngờ-vực», tôi chưa dám tin cho lắm, vì ông không có dẫn-chứng nào tỏ rằng trong Việt-ngữ cổ thật quả có từ-ngữ *là ta* ấy, hoặc nếu có thì nó thật có nghĩa ấy hay không; ngược lại, thoại của các bản nôm in rất giống câu *Lạ tai nghe chưa biết đâu* trong *Kiểu* (v. 947), xét mạch văn trong BC cũng khá hợp, nên tôi chưa tin đó là thoại sai.

Cũng vì vậy, tôi tiếc rằng thay vì phụ-lục ảnh chụp các bài thơ trong

nguyên-tác TK, bản TVG không chụp trọn bản nôm Vũ Quốc Trân (tôi cũng tiếc rằng bản HXH không chụp lại một bản nôm nào cả) : ngày nào chưa được nom thấy bản nôm, ta chưa hoàn-toàn tin vào thoại phiên-âm. Nhất là tôi dò kĩ hai bản PT và TVG, nhận ra một

điều rất lạ là tuy cả hai đều chỉ có một gốc, lại đều do một tay phiên-âm, thế mà hai bản khác nhau khá nhiều ! Nhân bản HXH chỉ mới biết có bản PT mà thôi, tôi tưởng cũng cần ghi ở đây các dị-diểm của bản TVG :

số vế (theo HXH)	HXH	TVG	PT
95	dờn-dờn	rờn-rờn	rung-rinh
97	côn ngọc lan hoa	lạt nguyệt sờn hoa	lạt ngọc sờn hoa
174	tiệc mời	<i>idem</i>	tiệc mời
179	ỏi tai	<i>idem</i>	oi tai
190	ghẽ mây	vén mây	rẽ mây
239	lạ tai	là ta	la ta
3 ⁰⁸	dầu mặc	dầu mặc	dầu bạc
33 ¹	phơi-phới	nhoen-nhoèn	mùn-mìn
364	nào ngời	<i>idem</i>	nào nguôi
376	vả	<i>idem</i>	đến
380	sờ-sờ	<i>idem</i>	cờ-cờ
428	trước án	trước mái	trước chái
470	gieo	reo	đem
474	năm dễ	chưa dễ	nên dễ
477	chia ương	vò nhang	vò hương
530	còn sai	còn sơi (?)	
547	quyết tìm	quyết tầm	quyết tâm
584	nhảy sóng	<i>idem</i>	rẽ sóng
661	bàn vây	<i>idem</i>	bàn mây

Ta có thể nhận xét như sau :

a) bản PT phiên-âm chưa kĩ, có một sơ-suất mà ta thấy bản TVG đã chữa kịp, khiến ta thấy rằng thoại Vũ Quốc Trân không khác các bản khác ở những vế 174, 364, 376, 380, 584, 661.

b) Vài chỗ tưởng có khác, thật ra không khác. So với thoại HXH, thoại TVG chỉ khác giọng hoặc khác chính-tả mà thôi : vế 95 (d / r) 308 (dầu / dẫu, đều đúng ; nếu hiểu dầu là dù, dẫu là

« nếu », thì dẫu đúng hơn (cf. Tự-vị trong bản HXH), 470 (reo là sai chính-tả, nhưng ta hiểu rằng ô. TVG hiểu đúng, ý muốn viết gieo), 547 (tìm / tầm, đều đúng, một âm nôm, một âm Hán của một từ mà thôi).

c) Sờ-di tưởng có khác, chỉ vì bản PT sắp sai chữ khi in, như vế 174, 308, 380, 547. Đáng chú-ý nhất là chữ in sai ở vế 661 ông HXH không có bản nôm (vì đây là phần đuôi đã đứt trong

các bản in), chỉ xem một bản PT mà đoán là sai, tái-lập *bản mây* ra *bản vây*, hoàn-toàn đúng với thoại TVG mà khi ấy ông chưa đọc!

Trên đây tôi nói đến một ngẫu-nhiên thú-vị: một phần thú-vị cũng là ở chỗ đó nữa. Cũng nhân cái ngẫu nhiên đem đến tay chúng ta hai bản hiệu-chú BC của HXH và TVG, mà ta có thể so-sánh thiệt-hơn, thấy nổi thêm giá-trị của bản HXH: bản TVG chưa phải là hiệu-dính, chỉ mới có khảo-dị mà thôi; chính-văn giới-thiệu một loại nôm quí-báu, nhưng thoại phiên-âm chưa thật đáng tin; tuy là có khảo-dị, nhưng cũng chưa đạt cho lắm (vì đáng lẽ so-sánh rục-tiếp bản Cầm-văn đường mà ông

có trong tay, ô. TVG lại đi tham-khảo bản phiên-âm thất-cách của Đinh Gia Thuyết) (1); phần chú giải tình-nghĩa và điền-cổ còn bỏ sót rất nhiều chỗ khó, chứ không tỉ-mỉ đầy-đủ như trong bản HXH.

(còn tiếp)

Kỳ tới: **Thương xác thêm về bản HXH.**

(1) Nhà Tân Việt xuất bản. Ông Đinh Gia Thuyết nói là có dựa vào bản nôm in (bản Cầm Văn đường chẳng?), nhưng phiên-âm của ông bất-thông một cách không thể tưởng-tượng được. Như *quạnh-hiu* làm ra quỳnh-dao (v. 1), *trên gò* làm ra liên khu (v. 25), *thừa-lư* làm ra thừa-hư (v. 27), *khỏi* làm ra nguôi (v. 54), *đổi no* làm ra lời thôi (v. 55), *giữ* (rữ) làm ra dẫu (v. 58)...

ĐINH CHNH: Trong bài «*Độc cổ i Hiệ u chủ Bích-Cầu Kỳ Ngộ*» của Đ. Hoàng-xuân-Hân, BK số 206, trang 17, cột bên mặt, hàng 4 để n từ dưới lên, đã in sai; trang 3, nay xin sửa: trang 15 bài này.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20.821 - SAIGON

MARINER IV

và nhiệm-vụ khám-phá Hỏa-tinh

NGỌC MINH

Ngày 15-7-1965, sau một chuyến đi lâu 228 ngày và dài 520 triệu cây số, phi thuyền Mariner IV, sứ giả của Trái đất đã hội kiến cùng sao Hỏa. Cũng như bao nhiêu khách du lịch khác, vừa đến nơi Mariner IV đã hồi hả gọi về nhà những bức hình chụp nơi đã đi qua. Những người cha đỡ đầu của Mariner I Vở tại Jet Propulsion Laboratory thuộc Viện Kỹ-Thuật California, cũng nóng nảy chẳng kém gì người con của mình. Nhận được ảnh là vội vàng đem ra phô cho cả bà con thiên hạ đều biết. Nhưng đối với những « người trần mắt thịt » thì chưa có một bức ảnh phong cảnh nào lại « tối » đến như vậy. Cả một phần trên bức ảnh đen kịt như mực tàu, rồi đến một phần cong cong trắng xóa trông lem nhem như bức ảnh chụp một bãi sa mạc mà lại in trên một bản kẽm loại tối. Hai bức hình được công bố sau đó cũng chẳng hơn gì bức hình đầu tiên, cũng trắng xóa và lem nhem như vậy. Không những thế bức hình thứ ba lại còn có thêm những vết « rỗ hoa » lấm chấm. Vậy mà các người cha đỡ đầu của Mariner IV đều

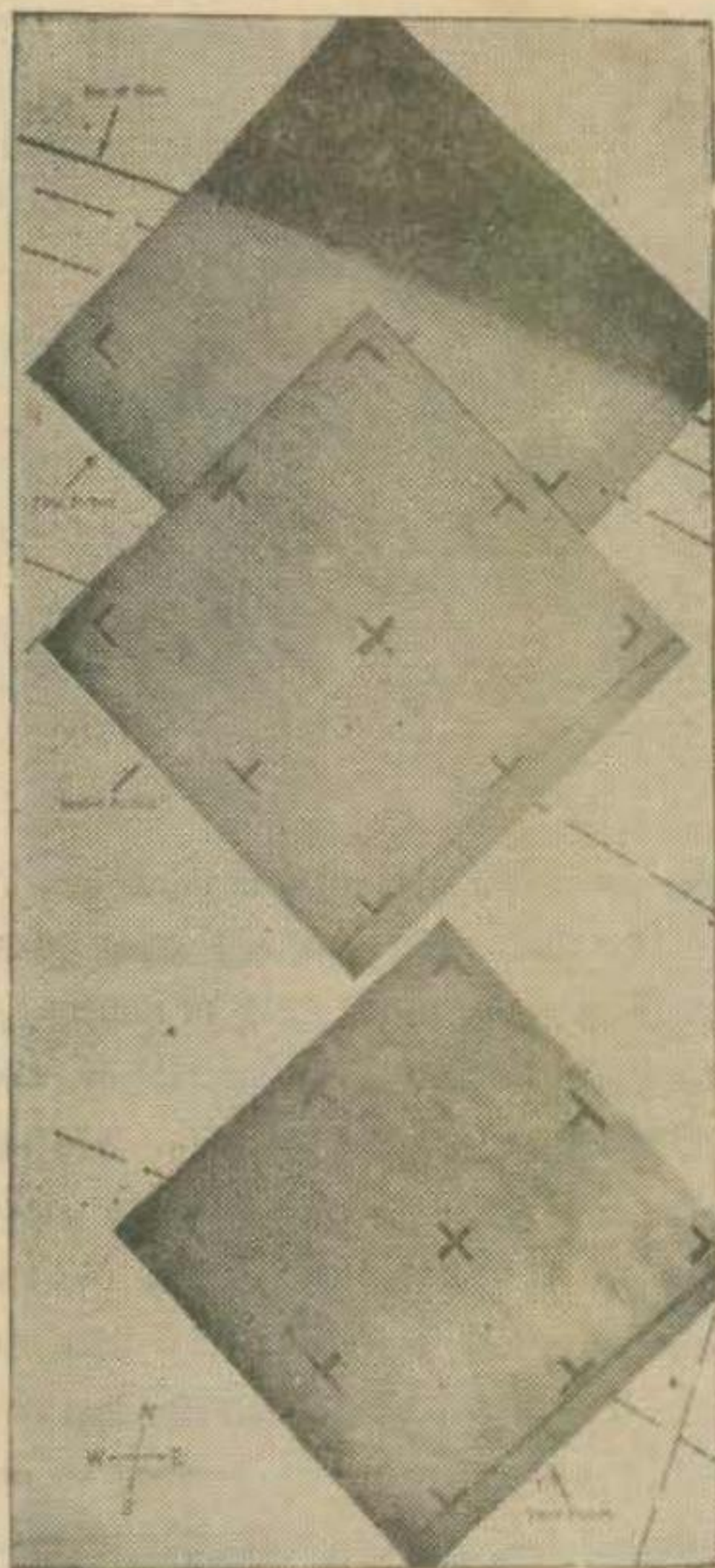
lấy làm hãnh diện về con mình lắm.

Họ hãnh diện như vậy cũng không phải là không có lý. Đó là những bức hình gần nhất mà nhân loại đã chụp được của sao Hỏa từ trước đến nay. Bức hình này chụp sao Hỏa gần gấp 30 lần những bức hình chụp qua các kính viễn vọng tinh vi nhất đặt ở trên trái đất. Trước đây 350 năm, nhân loại cũng đã có một lần thành công tương tự như vậy khi Galiley Galilei lần đầu tiên nhìn được mặt trăng qua ống viễn vọng rõ gấp 30 lần nhìn bằng mắt thường.

Khởi hành.

Hơn 8 tháng trước đây, tại mũi Kennedy, trong một cuộc tiến đưa ngoạn mục và náo nhiệt người ta tiến đưa Mariner IV lên đường thi hành sứ mạng lịch sử. Cuộc hành trình vô định đầy bất trắc, trong số 3 người trong họ Mariner đã ra đi chỉ có Mariner II là đã đến được sao Kim để thi hành sứ mạng. Còn Mariner I và III đã đều mang số phận hẩm hiu cả.

Ngày 28-11-1964, Mariner IV được



*Hình chụp Hỏa tinh từng phần một,
do Mariner IV gửi về trái đất.*

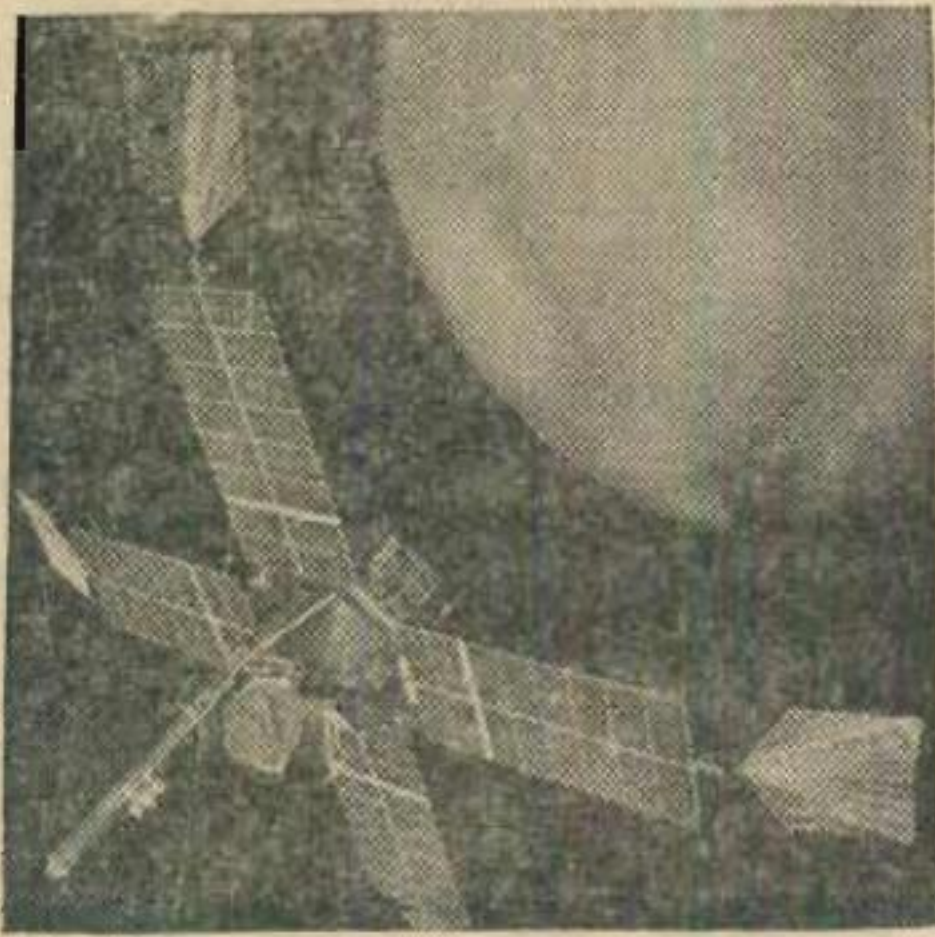
đặt trên chiếc hỏa tiễn loại Atlas-Agena và phóng ra khỏi trái đất với tốc-độ hơn 40 ngàn cây số/giờ. Khi ra đến ngoài không gian, như một con ngà, Mariner IV trút bỏ lớp kén bên ngoài, vươn bốn cánh ra hướng theo một quỹ đạo hình bầu dục đến hội ngộ với sao Hỏa tại một điểm đã định trước. Bốn cánh này, trông như một cái chong chóng gió, là bốn tấm đón nhận năng lượng mặt trời biến thành điện để dùng cho các dụng cụ trên phi thuyền. Những cánh này có phủ một lớp kính

sau phía màu hồng che chở cho 28.244 tế bào hấp thụ năng lượng mặt trời khỏi bị hư hại vì phóng xạ. Với cánh giang ra, Mariner IV rộng 7 thước bề ngang và cao 3 thước, và cân nặng gần 300 cân. Phần chính của Mariner IV là một cái hộp hình lăng trụ có tám mặt làm bằng hợp kim magnésium và aluminium đựng 138 000 bộ phận, trong đó có 31.696 bộ phận điện tử rất mảnh dẻ gồm một máy tính điện tử và một máy truyền tin nhỏ chỉ mạnh có 10 watt. Mariner IV có nhiệm vụ thi hành 39 thí nghiệm khoa học và 90 thí nghiệm kỹ thuật. Trong số những dụng cụ, có một từ kế để đo từ trường, một phòng ion-hóa (ionization chamber) và một máy geiger để đo vũ trụ tuyến do các đám tinh vân phóng ra, một bộ phận giống như cái chén để đo số lượng các nguyên tử hít rô đã bị ion-hóa của mặt trời, một kính viễn vọng để tìm vũ trụ tuyến, một bộ phận hút bụi vũ trụ — và quan trọng hơn cả là một máy chụp hình. Trang bị đầy đủ như vậy rồi, Mariner hăm hở nhắm sao Hỏa thẳng tiến.

Cuộc hành trình.

Sắp đặt cuộc hành trình cho Mariner là cả một kỳ công. Vì trái đất quay xung quanh mặt trời với tốc độ là 106 ngàn cây số / giờ nên khi Mariner IV được Phóng đi nó không khởi hành từ một điểm cố định mà là từ một điểm đang di động với vận tốc của Trái đất. Sao Hỏa cũng vậy, không đứng yên một chỗ mà vận chuyển với tốc lực 86 ngàn cây số / giờ. Với điểm khởi hành và điểm tới luôn luôn di động như vậy, Mariner IV phải gặp sao Hỏa ở một điểm nhất

định sau khi đã đi 520 triệu cây số trong một cuộc hành trình dài 228 ngày.



Mariner IV

Mà gặp sao Hỏa không cũng chưa đủ, phải gặp vào đúng lúc, đúng chỗ sao cho các thí nghiệm được thi hành một cách hoàn hảo. Nếu đến gần quá Mariner IV sẽ bị trọng lực của sao Hỏa hút và rơi xuống sao Hỏa. Nếu đi vào trong bóng tối sao Hỏa thì bộ phận định hướng ở trên phi thuyền sẽ mất liên lạc với mặt trời và mất một điểm định hướng. Hơn thế, nếu không có ánh sáng mặt trời chiếu vào các cánh thì không có điện để các máy trên phi thuyền chạy. Một điểm định hướng khác của Mariner IV là sao Canopus. Nếu sao này bị khuất sau sao Hỏa thì Mariner chẳng khác gì người đi vào rừng mà mất địa bàn. Có một lần, trong khi đi đường, Mariner IV đã bị lạc mất mười ngày vì đã chọn nhầm sao định hướng.

Ngoài những vùng kể trên còn lại là vùng lý tưởng trong đó Mariner IV có thể thi hành nhiệm vụ một cách hoàn hảo. Mariner IV đã đi cách trung tâm điểm của vùng này 1600 cây

số, một khoảng cách không đáng kể so với cuộc hành trình dài hàng triệu cây số. Có lẽ vừa phi ngựa vừa bắn kim vào mắt trái của con ruồi đang bay ở cách xa mười cây số cũng chỉ khổ đến thế là cùng!

Những thành tích và những khám phá.

Trong chuyến viễn du, sứ giả Mariner không những chỉ gửi ảnh về nhà mà lại còn gửi thư đều-đều nữa.

Chữ của Mariner IV rất khó đọc. Những chuyện do Mariner kể lại đã cho nhân loại biết thêm rất nhiều về không gian. Chỉ nguyên cái việc có thể liên lạc được với trái đất suốt trong cuộc hành trình dài 520 triệu cây số và ở một điểm cách xa trái đất 240 triệu cây số, Mariner cũng đã phá kỷ-lục thế giới về kỹ-thuật truyền tin. Kỷ-lục Nga đã đạt được trước đây là 106 triệu cây số, khi nhận được những tín hiệu cuối cùng của phi thuyền Mars 1.

Trong khi đi đường, Mariner đã thăm dò khoảng không gian xưa nay chưa ai biết tới và liên tiếp gửi về trái đất những tài liệu khoa học đáng giá về gió thái-dương (solar wind), bụi vũ-trụ, từ trường và hiện tượng phóng xạ trong khoảng vũ-trụ sâu thăm thẳm. Khi gần đến sao Hỏa, Mariner IV lại dò xét xem các phi hành gia tương lai có thể gặp những trở ngại gì khi đặt chân xuống hành tinh này.

Sau đây là những khám phá đầu tiên của Mariner IV mà ta đã được biết:

1) Khí quyển trên sao Hỏa

Quan sát những thay đổi của biên

độ (amplitude) và tần số của các làn sóng vô tuyến do Mariner phóng về trái đất qua khí quyển của sao Hỏa ta có thể biết được đặc tính của khí quyển này. Người ta thấy rằng không khí trên sao Hỏa rất loãng. Áp lực không khí đo được từ 10 đến 20 millibars (ở mặt đất áp lực này là 1000 millibars) nghĩa là chỉ bằng 1 phần trăm áp lực trái đất và tương đương với áp lực không khí của trái đất ở cao độ 30 cây số. Với áp lực nhẹ như vậy, gió ở trên sao Hỏa có lẽ phải thổi với một tốc độ ghê gớm mới có thể gây ra những cơn bão lốc cuốn theo bụi cát mà người ta thường thấy ở trên sao Hỏa qua các kính viễn vọng vì không khí loãng như vậy nên các tinh thạch trong vũ trụ khi đến gần sao Hỏa sẽ lao thẳng xuống mặt sao Hỏa, khiến cho mặt sao Hỏa lỗ chỗ như mặt trăng. Trong 21 bức hình đã chụp được, người ta thấy rõ 70 vũng giống như miệng núi lửa, rộng từ 5 đến 120 cây số. Nếu các nơi khác trên sao Hỏa cũng như vậy thì bề mặt sao Hỏa có thể có tới 10.000 vũng, so với 200 vũng hiện còn thấy trên mặt trái đất.

Với áp lực không khí yếu như vậy, muốn đáp xuống mặt sao Hỏa một cách nhẹ nhàng các phi hành gia tương lai sẽ phải dùng hỏa tiễn phản chiều, chứ không thể dùng dù, để hãm bớt phi thuyền lại.

2) Từ trường.

Sao Hỏa hầu như không có từ-trường. Từ trường ở đây chỉ mạnh bằng 1/1000 đến 1/10.000 từ trường của trái đất. Đây là một khám phá rất quan trọng. Các nhà bác học vẫn cho rằng từ trường trái đất phát sinh do sự di động của khối kim khí nóng chảy bên trong. Nếu đúng như

vậy thì cấu tạo bên trong sao Hỏa cũng đặc như mặt trăng. Và vì vậy, có lẽ sao Hỏa chưa trải qua thời kỳ co lại và nứt rạn gây ra những dãy núi và núi lửa như ở trái đất.

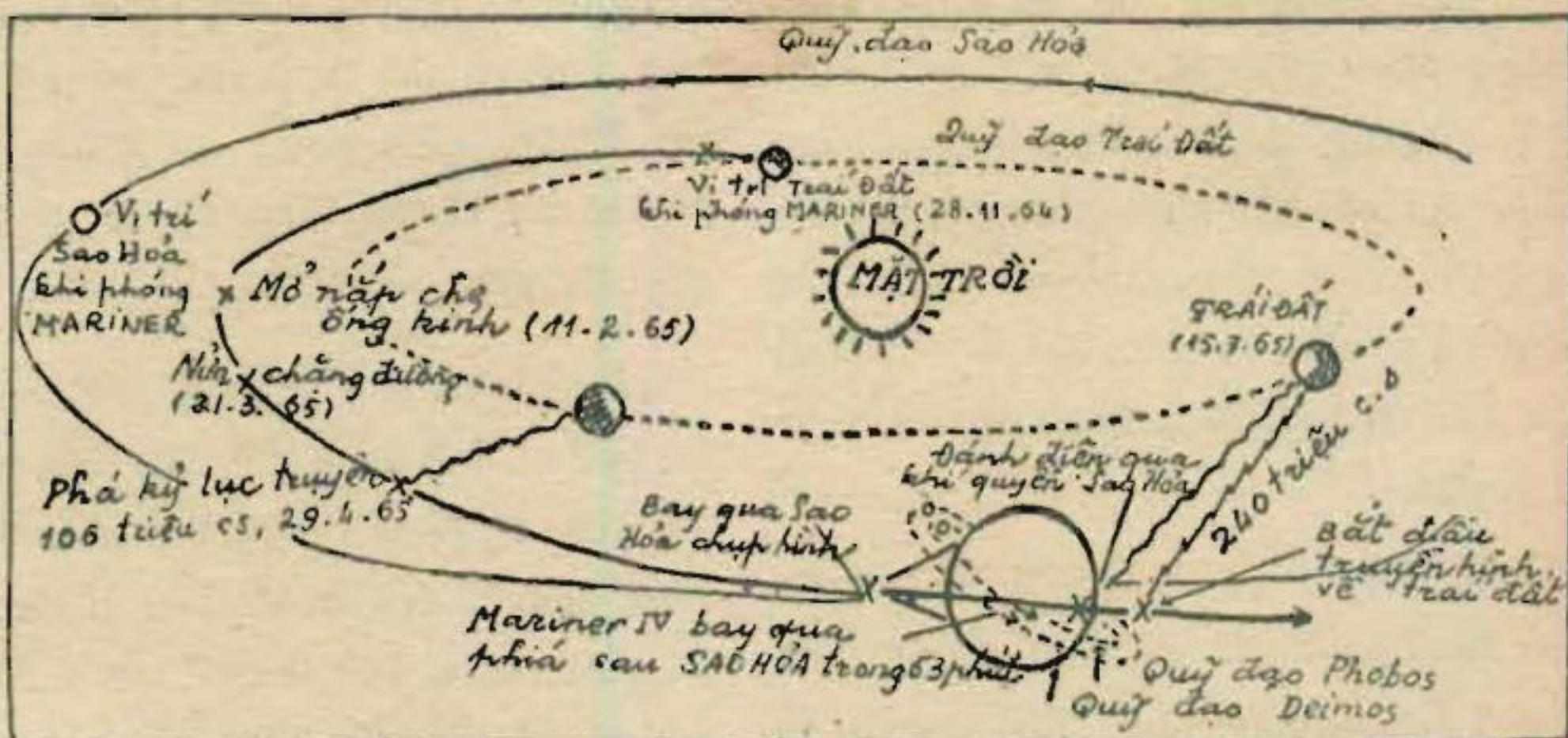
Mariner IV lại còn nghiên cứu thêm về từ trường trái đất nữa. Trên phi thuyền có một bộ phận ghi nhận những chấn động gây ra do sự va chạm của áp lực mặt trời vào từ trường trái đất. Trong chuyến đi này, Mariner IV ghi được ba lần chấn động ở cách trái đất khoảng từ 220 đến 250 ngàn cây số. Điều này chứng tỏ từ trường trái đất không đứng yên mà luôn luôn co dãn.

3) Phóng xạ.

Có ba vòng đai phóng xạ giống như hình hai cái lồng bàn úp lại bao quanh lấy trái đất ở giữa. Vòng thấp nhất cách trái đất chừng 1500 ngàn cây số, vòng cao nhất chừng 130 ngàn cây số và rộng chừng 6.000 cây số. Trái lại sao Hỏa không có một vòng đai phóng xạ nào. Hiện tượng này phù hợp với khám phá về từ trường ở sao Hỏa. Các nhà bác học cho rằng từ trường trái đất hút các vi thể phóng xạ phát xuất từ mặt trời và các vi sao khác. Sao Hỏa không có từ trường nên mới không có vòng đai đó. Các phóng xạ, vì vậy, lao qua làn khí quyển loãng mà xuống mặt sao Hỏa. Tuy nhiên mức phóng xạ ở đây không cao lắm và sinh vật cây cỏ có thể chịu đựng được.

4) Chụp hình sao Hỏa.

Những khám phá trên đây đã là những thành tích đáng kể, nhưng thành tích quan trọng nhất vẫn là việc Mariner đã chụp ảnh được 1% diện tích sao Hỏa



Lộ trình của Mariner IV lên Hỏa tinh.

và gửi các cảnh đó về trái đất. Ba bức hình đầu tiên Mariner gửi về khi ở cách trái đất 240 triệu cây số. Ở khoảng cách này, mỗi dấu hiệu vô tuyến phải mất 24 phút mới đi được một vòng từ trái đất lên phi thuyền rồi lại trở về trái đất. Khi Mariner gửi về đất 18 bức hình còn lại thì khoảng cách đó sẽ mỗi ngày một lớn, và thời gian truyền tin sẽ lâu hơn.

Mỗi một bức hình truyền về lâu mất 8 giờ 25 phút. Vì vậy không một đài theo dõi nào ở trên trái đất có thể nhận được tất cả một hình trong một lần. Một nửa bức ảnh đầu, chẳng hạn, do đài theo dõi ở Johannesburg (Nam Phi) và Madrid (Tây ban nha) nhận, còn nửa kia thì lại do đài ở Goldstone (California) nhận.

Phương pháp chụp ảnh và truyền ảnh là cả một sự phức tạp tỷ mỷ. Các khoa học gia giao cho Mariner một "cầm nang" dặn rằng khi thấy sao Hỏa thì cứ như thế, như thế. Khi bộ phận thăm dò trên phi thuyền đã nhìn thấy sao Hỏa, phó nhóm Mariner liền tự ý hoạt động

Máy chụp hình là một loại tương tự như máy chụp hình dùng trong vô tuyến truyền hình, trông như một cái ống dài 12 phân hướng vào một cái gương phản chiếu đặt trong một ống kính viễn vọng. Cứ mỗi 48 giây thì lại chụp một bức hình. Mỗi bức hình gồm có 200 giòong, và mỗi giòong gồm có 200 chấm. Mỗi bức hình được giữ trên dây ống 25 giây để cho một luồng điện tử chạy qua chạy lại ghi nhận lấy từng chấm một. Độ sáng tối của từng chấm liền được chuyển sang thành những con số khác nhau, tỷ dụ như 0 là màu trắng và 63 là màu đen.

Những con số từ 0 đến 63 được ghi bằng hệ thống nhị phân (binary system) hệ thống số giản dị nhất dùng trong các máy tính điện tử. Hệ thống này chỉ dùng có hai con số là 0 và 1, khác với hệ thống thập phân ta thường dùng gồm có mười con số từ 0 đến 9. Theo hệ thống này số không 0 sẽ viết là 000.000 và số 63 sẽ viết là 111 111. Với 6 con số nhị phân này các nhà khoa học có thể diễn tả được 64 (tức là 2

lụy thừa 6) cường độ sáng tối khác nhau. Như trên đã nói mỗi bức hình có 200 giòng và mỗi giòng, có 200 chấm, như vậy một bức hình được cấu tạo bởi 40.000 chấm nhỏ. những chấm này được ghi bằng 240 000 con số nhị phân và giữ lại trên băng nhựa để truyền về trái đất.

Phi thuyền có một máy truyền tin có năng lượng là 10 watt (bằng một ngọn đèn đêm 10 nến). Khi truyền về đến trái đất thì dấu hiệu vô tuyến chỉ còn mạnh có 1 một phần tỷ tỷ của một watt, 0, 000 000 000 000 000 001 watt, (tức 1×10^{-18} watt).

Nếu ta chứa điện năng đó vào một ắc-cuyl trong một thời gian liên tiếp là 30 ngàn triệu năm thì số điện năng tích trữ được đó có thể làm sáng một bóng đèn pin 1 watt trong vòng đúng một giây! Những tiếng rì rầm yếu ớt được nhận bằng những cột ăngten hình cái đĩa có đường kính độ 30m. Sau đó những dấu hiệu này được phóng đại lên hàng ngàn lần và truyền vào máy tính điện tử.

Các máy điện tử lúc đó chuyển những con số lại thành các chấm đen trắng khác nhau. Các chấm này được ghi lại trên phim ảnh như ta vẫn thường dùng rồi in ra thành ảnh theo phương pháp thường.

Đi tìm sự sống.

Cùng với chuyến đi của Mariner, con người lại tiến thêm một bước nữa trong công cuộc khám phá vũ trụ. Từ khi nhận thức được thế giới bên ngoài và nhận thức được cái bao la của vũ trụ,

con người đã luôn luôn tự hỏi không biết mình có thể là những sinh vật biết suy tư độc nhất trong cái không gian vô tận này không. Mariner sẽ cố gắng giải đáp một phần nào thắc mắc này.

Theo các tài liệu thu thập được thì sao Hỏa có lẽ là hành tinh độc nhất trong Thái dương hệ có thể có sinh hoạt. Năm 1962, chuyến đi của Mariner II đến sao Kim đã cho ta biết là tại hành tinh này khó có thể có sinh hoạt như ta thấy ở trái đất.

Sao Hỏa có những điều kiện hợp cho sự sống hơn. Một ngày ở sao Hỏa (24 giờ 37 phút) cũng dài bằng một ngày ở trái đất. Nhưng một năm của sao Hỏa lại dài những 687 ngày. Sao Hỏa cũng có nước, tuy có rất ít. Ở hai cực sao Hỏa có một lớp băng mỏng chừng 10 phân bao phủ. Nhưng có một dấu hiệu đáng chú ý nhất là mặt sao Hỏa thay đổi theo từng mùa. Vào mùa Xuân ở nam bán cầu, lớp băng ở nam cực bắt đầu nhỏ lại và người ta nhận thấy có một lớp màu đen dần dần lan lên phía bắc, qua đường xích đạo với tốc độ 35 cây số một ngày. Trong khi đó thì lớp băng ở trên Bắc-cực dần-dần lan xuống. Người ta đoán có lẽ lớp băng ở nam cực chảy ra bốc hơi, bay lên phía bắc rồi đọng lại thành băng. Nhưng liên hệ giữa sự chuyển vận hơi nước này và lớp màu đen như thế nào, không ai được biết. Một giả thuyết cho rằng lớp màu đen đó có thể là một loại thực vật thô sơ tương tự như rêu hoặc mốc.

Năm 1877, một nhà bác học Ý lại còn cả quyết là đã trông thấy trên mặt sao

Hỏa có những kênh (không biết là thiên tạo hay nhân tạo). Vì vậy người ta đã phỏng đoán là các «người» ở sao Hỏa đã biết dẫn nước từ hai cực xuống miền xích đạo. Giả thuyết này có lẽ không còn giá trị nữa vì trong 21 bức hình đã gửi về không thấy có vết tích một cái kênh nào.

Một nhà bác học Nga lại còn cho rằng hai vệ tinh nhỏ Deimos và Phomos, mà ta thấy chạy vòng quanh sao Hỏa có lẽ là hai vệ tinh nhân tạo do người Hỏa tinh phóng lên hàng triệu năm trước đây để thoát khỏi hành tinh đó.

Đó chỉ là những giả thuyết, những ước đoán. Những tài liệu do Mariner gửi về sẽ xác nhận hoặc phủ nhận một phần nào những giả thuyết đó.

Nhưng cho đến khi có thể áp dụng cụ hoặc người xuống sao Hỏa để quan sát kỹ lưỡng hơn ta vẫn chưa thể biết chắc chắn là có sinh hoạt hay không.

Một đi không trở lại . . .

Sau khi thi hành xong sứ mạng lịch sử này, Mariner sẽ tiếp tục đi vào không gian trên một quỹ-đạo vĩnh cửu vòng quanh mặt trời như một hành tinh. Đến ngày 1 tháng 10, Mariner đã đi xa trái đất hơn 300 triệu cây số. Dầu hiệu vô tuyến của phi thuyền lúc bấy giờ quá yếu không đủ sức về tới trái đất Người sứ giư của trái đất sẽ mất liên lạc với quê nhà trong khoảng thời gian gần hai năm. Đến tháng 9 năm 1967 sau cuộc hành trình dài 400 trăm triệu cây số quỹ-đạo của Mariner sẽ đưa nó về chỉ cách trái đất có độ 50 triệu cây số.

Trong quãng hành trình giữa khoảng

SÁCH BÁO MỚI

Bách Khoa đã nhận được :

Tội ác và hối hận (quyển 1) nguyên tác của Dostoievski bản dịch của Trương-Đình-Cử, do Văn-đoàn Nguyên-Lực xuất bản và dịch-giả gửi tặng. Sách dày 400 trang, bản đặc-biệt không đề giá — Quyển 2 (tiếp theo) sẽ phát hành vào thượng tuần tháng 9-65.

Zen và dưỡng sinh do Thái-Khắc-Lễ biên soạn và gửi tặng. Sách biên soạn công phu, thuộc loại sách thực dụng, dày 200 trang, không ghi giá bán.

Nói tại Phú - Xuân của Hồ-Hữu-Tường, do Huệ-Minh xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 118 trang gồm 3 bài nói chuyện của tác giả tại Huế tháng 5-65, giá 34đ.

Ngọn tóc trăm năm tập truyện của Nghiêu-Đề, Sông Mã xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang, bìa của Nguyễn Trung, phụ bản của : Lâm-Triết, Cù-nguyễn Nguyễn-Trung Nghiêu-Đề, gồm 4 truyện ngắn, giá 60đ.

Trân trọng cảm ơn các tác - giả, dịch-giả, soạn-giả trên đây và xin ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc Bách - khoa.

không gian hoang vu đó nếu Mariner không bị tàn phá bởi phóng xạ, tinh thạch, bụi vũ-trụ và các bắt trắc khác mà ta chưa biết tới, thì lúc đó Mariner có lẽ sẽ còn kể cho ta nghe biết bao nhiêu bí mật ly kỳ của vũ trụ.

NGỌC MINH

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

(*) « Con ơi ! ... con ngủ, má đổ kè trên tay, tóc mây dính trên trán. Cha mới lên vào phòng con ... Cha muốn thủ tội với con: lúc này khi cha đọc báo bên phòng sách, đột sóng hồi hận xâm chiếm tâm-hồn cha. Cha đã hơi nghiêm khắc với con hôm nay. Sáng ngày, trong khi con sửa-soạn sách-vở đi học, cha đã rầy con vì con chỉ quệt chiếc khăn ướt lên đầu mũi con thôi, cha đã mắng con vì giày con không đánh bóng, cha đã la khi con liệng đồ chơi của con xuống đất.

« Trong lúc diềm tâm cha lại khiến trách con nữa; con đánh đồ sửa, con nuốt vôi mà không nhai, con tì khuỷu tay lên bàn, con phết nhiều bơ lên bánh quá ... Khi ra đi, con quay lại và chào cha : « Thưa cha, con đi ! » Và cha đã cau mày : « Ngay người lên ! »

« Buổi tối, vẫn điệu đó. Ở sở về, cha rình con ở ngoài đường. Con chơi bi, đầu gối quỳ trong đất cát, vớ rách hở cả thịt ra. Cha đã làm nhục con trước bạn bè, vì bắt con đi trước mặt cha cho tới nhà ... « Vớ đất tiên, nếu mày có phải bỏ tiền ra mua, mày mới tiếc của mà giữ gìn nó ! » (Con thử tượng-tượng, có ai, cha mà mắng con như vậy không?)

« Rồi con nhớ không ? Tối đến, trong khi cha đọc sách, con rón rén vào phòng giấy cha, vẽ đau khổ lắm. Cha ngừng lên giọng bất bình hỏi : « Cái gì ? »

« Con không trả lời chi hết, nhưng trong một lúc xúc-động không chống lại được, con chạy lại cha, bá cổ cha ôm cha với tình sùng-bái cảm-động mà Trời-Phật đã làm nảy-nở trong lòng con, mà sự lạnh-lùng của cha không

sen bên bờ nước. Ba tôi giấu gói kẹo, bảo tôi kiếm, đùa giỡn với tôi trên bãi cỏ. Chỗ đó vắng người và ít ánh đèn. Bình thường ba tôi rất nghiêm khắc mà lúc đó thật là âu yếm.

Chuyện đó có gì lạ đâu, mà sao đã gần nửa thế kỷ, hôm nay tôi vẫn còn nhớ rành mạch, nhớ từ nếp khăn ba tôi chít tới những đám sen trên mặt hồ. Hồi đó tôi chỉ cảm được lòng thương của ba tôi chứ nhất định là chưa phân tích được tâm lý của người, nhưng hôm nay tôi đã hiểu tâm lý đó.

Tâm lý đó cũng y như tâm lý của tôi cách đây mười sáu năm, hồi con tôi mười một tuổi. Một lần nó vô ý, mắc nhiều lỗi nặng khi làm bài, tôi đánh nó mấy roi; mười, mười lăm phút sau, qua cơn giận, tôi thấy tôi vô lý, tôi hối hận, vắt cho nó một ly nước cam, đưa lên kề môi cho nó uống và trong khi nó uống thì nước mắt của chúng tôi rớt trên tập vở của nó, làm nhòe mất mấy chữ. Chiều đó tôi cho nó nghỉ học sớm, rủ ra sân đánh bi. Và tôi để cho nó thắng. Thắng được tôi nó thích lắm. Hôm nay nó còn nhớ trận đòn đó không (tôi mong rằng không), nhưng tôi thì không quên.

Một nỗi thương tâm chung cho loài người là khi hiểu được tình của cha mẹ thì cha mẹ thường đã khuất bóng. Sau cái đêm trên bờ hồ Hoàn-Kiểm, ba tôi chỉ sống thêm được có hai năm. Bây giờ đây, tôi biết đòi cái gì cho ba tôi sống lại được, dù chỉ trong mười phút để nghe lời xám hối của tôi, đọc bức thư này của tôi !

Tôi biết rằng một đứa trẻ mới năm

NHÂN MÙA VU-LAN 1965

LÀM CON NÊN NHỚ

• LỘC ĐÌNH

Hôm nay tôi đọc lại không biết là lần thứ mấy bức thư của Livingstone Larnod nhan đề là «Làm cha nên nhớ...» mà Dale Carnegie đã trích dẫn trong cuốn «Đắc nhân tâm», bức thư mở đầu như vậy: «Con ơi! Con ngủ, má đỏ kè bên tay, tóc mây dính trên trán (')»

Trong cái kho tàng văn học Đông, Tây tôi chỉ mới thấy được bốn năm bài cảm động như bức thư ấy. Lần nào đọc lại tôi cũng rung rung nước mắt mà hối hận rằng đã nhiều lần, y như ông Livingstone Larnod, tỏ ra gắt gỏng quá, nghiêm khắc quá với con tôi, bất công với nó nữa. Nhưng hôm nay đọc lại, tôi còn cảm động hơn tất cả những lần trước, tôi đã sứt sùi vì chẳng những tôi nghĩ đến con tôi mà còn nghĩ tới ba tôi nữa.

Lạ thật! Bức thư đó chỉ là lời sám hối của một người cha mà sao hôm nay nó lại gọi cho tôi lòng sám hối của một người con, là tôi?

Rồi đó tôi mới đúng năm tuổi vừa

thuộc văn quốc ngữ. Ba tôi chỉ bài cho tôi rồi đi thăm một người bạn; trước khi đi, dặn kỹ tôi ở nhà phải học bài cho thuộc đã rồi hãy chơi đề khi người về thì trả bài. Nhưng ba tôi vừa mới ra khỏi cửa thì một đứa trẻ bên hàng xóm qua rủ tôi đánh bi và tôi đã quên lời dặn của ba tôi, vui vẻ đánh bi. Vai giờ sau, ba tôi về, bài không thuộc và tôi bị nọc ra đánh. Tôi không còn nhớ trận đòn đó dữ ra sao, chỉ nhớ rằng bà ngoại tôi phải xin giùm cho tôi.

Tối hôm đó, ăn cơm xong tôi vẫn còn len lét, tỉnh mở sách ra học thì ba tôi bảo: «Tối nay cho con nghỉ học; thay quần áo rồi đi chơi với cậu». Tôi mừng quýnh. Ba tôi thuê xe lại đường Paul Bert, dắt tôi vào một tiệm rục rờ ánh đèn, mua cho tôi một gói kẹo tây, rồi hai cha con nắm tay nhau thủng thẳng đi lại hồ Hoàn Kiếm, phía đối diện với Tháp Bút, ngồi hóng mát và thường

(*) Xin xem nơi đóng khung trang sau.

làm cho héo được ... Rồi thì con chạy lên cầu thang.

« Nay con, chính lúc đó cuốn sách ở tay cha rớt xuống và một nỗi sợ ghê-gớm xâm-chiếm cha. Cái thói hay chỉ-trích, trách mắng đã làm cho cha thành như vậy đó, thành một người cha gắt-gỏng. Cha đã phạt con vì con còn con nít mà cha bắt con làm như người lớn. Không phải cha không thương con đâu, nhưng cha đã đòi hỏi ở tuổi thơ của con nhiều quá, cha đã xét con theo tuổi nhiều kinh nghiệm của cha.

« Mà tâm-hồn con đại-lượng, cao-thượng, trung-trực biết bao ! Trái tim nhỏ của con mệnh-mông như bình-minh ló sau rừng đời. Chỉ một sự hăm hở tự-nhiên lại hôn cha trước khi đi ngủ, đủ chứng điều đó. Thôi, cha con mình quên hết những chuyện khác đi ... Tối nay cha hối-hận lắm, lại ngồi nép bên giường con đây.

« Cha biết nếu con có nghe được những lời cha thú với con đây thì con cũng chẳng hiểu chi. Nhưng ngày mai con sẽ thấy cha sẽ thiệt là một người cha; cha sẽ là bạn của con, con cười cha sẽ cười, con khóc cha sẽ khóc. Và cha có muốn rầy con thì cha sẽ mím chặt môi, và sẽ lập đi lập lại, như trong Kinh :

— Con chỉ là một đứa nhỏ ... một đứa nhỏ !

« Cha có lỗi. Cha đã coi con như người lớn. Bây giờ nhìn con nằm trong giường nhỏ của con, mỗi một, tro tro, cha biết rằng con chỉ là một em bé.

« Mới hôm qua, con còn nằm trong tay mẹ, ngả đầu trên vai mẹ con. Cha đã đòi hỏi con nhiều quá ... Nhiều quá lắm ... »

tuổi thì chưa thể tự chủ được, chưa hiểu được thế nào là bổn phận, việc nào là phải làm, vậy thì tuổi đó tôi ham chơi, không học bài, đâu phải là có lỗi. Nhưng hôm nay tôi vẫn sám hối. Vì tôi đã gây khổ cho ba tôi, dù chỉ là vô tình. Đêm hôm đó chắc ba tôi đã bứt rứt, hối hận lắm, nên mới âu yếm với tôi như vậy. Xin hương hồn cậu tha lỗi cho con. Hôm nay lòng con cũng nát như lòng cậu đêm đó vậy.

Phải có con rồi mới hiểu được nỗi lòng của người cha. Trong một trăm gia đình, dù giàu dù nghèo, dù sang dù hèn, tôi không chắc có được một gia đình nào mà cha mẹ không buồn khổ ít nhiều vì con cái. Chúng ngu đần thì nhất định là cha mẹ buồn rồi mà chúng thông minh thì cha mẹ nhiều khi cũng bực mình, chúng khó dạy thì nhất định là cha mẹ khổ rồi, mà chúng dễ dạy thì cha mẹ cũng chưa chắc đã khỏi khổ. Hồi nhỏ tôi thường được khen là ngoan mà nay nhớ lại đã bao lần làm cho ba má tôi rầu rĩ ! Rồi còn biết bao gia đình trẻ măng lại cha mẹ, từ bỏ cha mẹ mới là đứt ruột cho chứ ! Nếu không vậy thì lại là những đứa chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến cha mẹ. Hai mươi lăm tuổi đầu, tư chất kém, thi hoài Tú tài I mà không đậu. mà vẫn không chịu kiếm một nghề để giúp nhà, vẫn bắt cha già bảy chục tuổi lợm cộm kiếm từng đồng một để đóng tiền cơm, tiền học cả ngàn đồng mỗi tháng ! Những cảnh thương tâm đó nhan nhản trong xã hội.

Thời nay nhà giáo dục nào cũng bênh vực quyền lợi của trẻ, điều đó rất chính đáng. Người lớn chúng ta, nhiều khi bắt

công thật, có kẻ tàn nhẫn nữa, cho nên lời của Livingstone Larnod mới làm cảm động lòng ta như vậy, mới được dịch ra 14 thứ tiếng, đăng trên hằng trăm số báo, đọc trên hằng chục đài phát thanh. Nhưng có ai lưu tâm chỉ một chút thôi tới nỗi lòng của cha mẹ không? Trong mấy chục năm nay, tôi chưa được đọc một cuốn nào, một bài nào kể những nỗi khổ tâm của người cha đấy. Không dạy trẻ thì có tội bỏ bê chúng, mà dạy chúng thì làm sao chẳng có lúc nghiêm khắc mà phải chuốc lấy lời trách oán của các nhà giáo dục kia.

Má tôi ít học, nhưng có tình thương con thì có lương tri; mà có lương tri thì còn hơn là có học: người đã để tôi tự ý định đoạt lấy cuộc đời của tôi, không can thiệp vào sự lựa nghề, sự lập gia đình của tôi. Hồi trẻ tôi cho vậy là tự nhiên; phải đợi đến ngày nay, hai thứ tóc rồi tôi mới hiểu rằng người đã hy sinh cho tôi. Không hy sinh, mà tôi là con trưởng mà sống xa người tới hai ngàn cây số! Không hy sinh, mà nhà tôi trước sau làm dâu không đầy một tháng! Không hy sinh, mà người phải đi về bốn ngày cây số để được bằng cháu nội của người trong có bảy ngày!

Nhưng giả sử hồi đó người có "can thiệp" vào đời sống của tôi thì bây giờ tôi cũng hiểu được rằng người không phải là ích kỷ. Người chỉ tìm hạnh phúc cho con người theo quan niệm, kinh nghiệm của người thế thôi. Người làm sao có thể hành động khác được vì con người chẳng phải là một phần của người là tất cả hy vọng và lẽ sống của người ư? Khi quan niệm của cha mẹ không hợp với nguyện vọng của ta thì ta bảo rằng

cha mẹ không sáng suốt. Nhưng khi quan niệm của ta không hợp với nguyện vọng của cha mẹ thì ta lại nghĩ rằng chỉ ta mới sáng suốt! Lại thật!

Chỉ tại «nước chảy xuôi chứ không chảy ngược» như tục ngữ đã nói.

Tình thương của cha mẹ tự nhiên như nước chảy xuôi, mà lòng hiếu của con phải nhờ giáo dục, nhờ kinh nghiệm rồi mới có.

Không, tôi không tin rằng cha mẹ mà lại ích kỷ bao giờ. Ích kỷ là chỉ nghĩ tới mình, phân biệt ta và người, mà cha mẹ thì không hề phân biệt mình và con. Không ai nuôi con để mong chúng sau này đền đáp mình cả. Má tôi về già vẫn rán làm vất vả từ sớm đến khuya để tự túc mà khỏi phải trông cậy vào chúng tôi. Mà những cha mẹ nào bắt buộc đi phải trông cậy vào con cái thì thường ân hận rằng chẳng giúp chúng được gì. Ôi! nuôi chúng cả một đời, về già chúng có đáp lại trong ít năm — mà đáp lại cách nào? — thì vẫn ân hận rằng chẳng giúp chúng được gì! Nước chảy xuôi hoài cho tới khi cạn. Cha mẹ cứ muốn giúp con hoài cho tới khi chết. Vậy mà người ta còn bảo rằng cha mẹ ích kỷ!

Trong cái trào lưu sinh hoạt vĩnh viễn bất tuyệt của loài người, nước đã chảy đi thì không khi nào trở về nguồn. Hồi các bạn trẻ sắp lập gia đình, như dòng nước sắp bắt đầu rời suối, các bạn nên ngừng bước lại một chút, quay lại nhìn nguồn để hiểu nguồn thì trên đường đời các bạn sẽ đỡ phải ân hận, đỡ phải sám hối như ngày hôm nay tôi sám hối trên bàn viết, trước mặt bàn thờ ba má tôi mà lư trầm đương lặng lẽ tỏa hương.

LỘC ĐÌNH

• Y UYÊN

miền không vết chân người

Trường học ở bên này con đường Bên kia, thấp hơn là khu học đường viên vài thửa ruộng, biến thành hồ ao trong mùa mưa lụt. Cao hơn và xa hơn là bãi tha ma gò mả trần trụi với những cây lười long gai tua tủa, hoa đỏ khé. Quanh bãi tha ma, những cây chuối lớn cụt ngọn, cành lá um tùm vươn ngóc lên như bó lấy nhau tạo thành từng vòng tròn trịa trên mỗi thân cây. Những đứa trẻ nếu không ở bên này con đường với thầy, ở bên kia với trâu bò. Ngồi trong lớp học ông thầy có ngó sang bãi tha ma cũng không sao nhận được học trò mình. Con bò, con trâu nào gặm cỏ cũng giống nhau, đứa trẻ nào ngồi đùa giỡn với nhau dưới mấy vòm cây cũng như nhau. Nhưng những đứa ngồi trong lớp sẽ giúp ông thầy kiểm diện những đứa học trò có mặt bên bãi tha ma. Thằng bé chụp cái mũ vành sụp xuống che kín hai tai kia đúng là thằng Sanh ốm yếu, nhút nhát. Thằng có cái áo rách lưng, cái đầu trọc lóc kia đích thị là thằng Vương hùng hồ, táo tợn, thằng đang vót cành tre kia không ai khác hơn là thằng Tư Vọng-cổ, bao giờ cũng nhất lớp về môn thủ công, ca hát . . . Mấy ông thầy có lớp học trông thẳng sang bãi tha ma đều là những ông mới ra trường, có nhiều thấp thỏm về việc nhập ngũ, nên ít muốn thể hiện mình dù dẫu cũng bị thấp thỏm vì mình. Bọn trẻ vì vậy vẫn có thể gần gũi trường học trong khi ngồi coi trâu bò. Mấy ông thầy chỉ tỏ vẻ khó chịu khi có một đám ma ở bên kia. Lúc đó trật tự trong lớp khó lòng duy trì. Bọn học trò nhấp nhóm đứng dậy, ngó qua cửa sổ tự nhiên như khi nghe thầy kêu tên thì bật dậy đọc bài. Lúc đó, địa vị những đứa trẻ bên kia bãi thật đáng đề chúng ước ao. Bọn trẻ chần bò xúm quanh bên những người đưa ma, nhón chân, nghiền cổ xem quan tài đưa sâu xuống huyệt. Lúc mọi người đã về hết, chúng còn quanh quẩn bên ngôi mả mới lượm những thoi vàng, lúc lắc cành tre có buộc giấy trắng ở cạnh mộ . . . Những lúc đó ông thầy thường bắt học trò đóng hết các cánh cửa nom sang bãi tha ma, sẵn sàng nghiêm phạt những đứa còn có khuynh hướng tò-mò về một người vừa mất nào đó.

Nhưng một hôm, không một ông thầy nào giữ nời học trò nữa. Chính các ông cũng bỏ lớp, mở cồng trường, băng sang bên bãi tha ma. Hôm đó là ngày tháng Đồn, một đứa học trò trong trường ra nằm nghĩa địa. Lúc quan tài vừa hạ huyệt, bọn học trò theo gương thầy mỗi đứa bốc mấy nắm đất đắp mồ cho bạn. Bọn trẻ làm thiệt mau, thiệt gọn, trong lúc gia đình tháng Đồn người nào người đó đứng sững, mắt ước nhòe, mồm há ngây ngô, méo xệch.

Thằng Đồn là một đứa học trò lớp Nhì đã bỏ học năm ngoái. Người nhỏ như con vẹt còi. Nó đã từng nuốt mật kỳ nhông để chữa bệnh hen, nhưng người nó lúc nào cũng như một cái máy phát những tiếng «ò-ura ò-ura» hoài hoài không dứt. Chữ nghĩa trong sách vở nhỏ bé, dễ làm buồn ngủ những đứa khác, lại quá to lớn với thằng Đồn. Sức nó không sao đương lại.

Thầy giáo đã từng kêu óc nó nhão, biến hết thành nước mắt. Đồn nghỉ học luôn nhưng không đi chăn trâu bò. Mỗi lần tới lớp nó ư ngồi yên để thở hoặc ngấm ngấm chọc ghẹo những đứa khác. Ông thầy dường như không ăn lương để ngày ngày thử sức với sự ngu độn nên cũng làm thinh. Đồn không hề được một điểm tốt về học lực mặc dù ông thầy nhiều lúc dễ dãi và lăm lăm. Nhưng trong sổ của thầy nhiều khi Đồn cũng được điểm cao. Đồn chẳng giúp nhà trường hãnh-diện vì có học trò ưu tú, thì Đồn giúp nhà trường tự-hào về vấn đề vệ-sinh. Những khi nhà trường cần Đồn mang cuốc, mang rồ tới bưng đất, mang những gói phân bọc bẹ chuối bón cây, Đồn tỏ ra cố gắng hết mình. Có lần nó mang rồ phân vào đề cuối lớp, chốc chốc lại lăm lét ngó xuống chỉ sợ có đứa ăn cắp mất ít gói. Mỗi lần nghe thầy gọi tên cho điểm, nó khuynh khuynh hai tay, lúc lắc cái đầu làm trò cho các bạn. Nhưng lúc mang cái rồ về không, nó buồn ra mặt. Nó than phiền nó quá thiệt thòi. Những đứa khác nộp tập, nộp bài cho thầy, thầy cho điểm vào bài, vào tập, sao nó nộp cuốc, nộp rồ, nộp phân, thầy không ghi điểm lên cán cuốc, và bọ chuối đề nó mang về trình mẹ trình cha như những đứa giỏi văn trình vở trình bài.

Trong nhà, ngoài Đồn, ai cũng có một câu truyện quan trọng phải lo. Đồn đã mười bốn tuổi nhưng chỉ bằng nửa đứa em trai sinh sau mười ba tháng. Thằng bé làm được nhiều việc và đã tập làm quen với những công việc nặng của cha mẹ và anh Hai. Trước nhà của Đồn mướn được mảnh đất trồng dưa ngoài soi, công việc việc duy nhất của Đồn là thỉnh thoảng em trai bị bệnh, thay em mang bẹ ra mương. Nó ngồi ngắt ngưỡng trên lưng bò, còng lưng lại thở giữ bò cho mấy đứa em gái lội xuống mương múc nước tắm cho bò. Ngày mướn được đất, nó thường nghỉ học, theo lệnh cha ra soi nằm trong chòi với ông nội canh dưa. Chị Kiều vợ anh Hai thương Đồn, bảo anh nói với cha đừng bắt Đồn nằm tối ngoài soi nguy-hiêm. Nhưng cha Đồn giận dữ gạt đi :

— Bộ mấy người khác coi dưa ở ngoài không sợ chết sao ? Người ta giết người có chủ-nghĩa, ai thêm giết chi thứ mình.

Đờn và ông nội ở ngoài bãi cát, xa lánh mọi người. Một mùa nước lụt đã qua. Những chiếc chòi đã trôi cả ra bề. Những chiếc chòi khác lại mọc lên. Ông cháu Đờn tiếp tục cuộc đời bủ nhìn canh dưa. Đêm đêm ông cháu lần thẩn nằm đếm những tiếng đại-bác xé ngang trời cho khỏi nghĩ ngợi sợ hãi trước khi buồn ngủ, Thằng Đờn lúc đó lại thềm ngủ vạ vật bên một đám đông hơn bao giờ. Nó mơ thấy những lúc mình ngủ bên bờ ruộng có nhiều người gặt, bên tiếng máy của chị Kiều và bên tiếng nô giỡn của các em:

Ban ngày, Đờn thường lang thang trên bãi cát. Nó thường xuống bãi cát gần sông đùa với ồ rần nước trong các vũng có nhiều thân rau muống lá nhỏ lẫn tăn, hoặc làm bộ lại gần mấy con chim cao cẳng để cho chúng đánh lừa bằng cách nhử Đờn đi ra khỏi tổ của chúng. Những con chim này thật bạo. Chúng chờ Đờn lại gần rồi mới rào rào bước đi. Nhiều khi như sợ Đờn nản lòng, có con làm bộ ngã ra bãi cát. Khi Đờn chạy nhào tới, nó lại nhồm dậy chạy rào về phía trước. Lúc ở gần chòi Đờn thường nghe con chim chiến chiến mẹ hót. Đờn gọi nó là chiến chiến mẹ vì đã có lần Đờn thấy trong tổ nó có bốn trái trứng. Đờn không biết cha bốn trái trứng đâu. Chỉ có chiến chiến mẹ tối ngày quanh quẩn bên mô đất cao đầy cỏ sắc. Đờn đã mừng tượng có ngày trên bãi sẽ có thêm bốn con chim hót. Nhưng một con rắn đầu đen ở đâu đã bất chợt xuất hiện, hút hết cả bốn trái trứng. Đờn giận dữ vác cái rựa của ông nội đi khắp các bãi cao, bãi thấp lùng kiếm. Nỗi đợi chờ nóng nảy của Đờn đã tiêu theo bốn cái trứng sắp nở. Trong tưởng tượng của Đờn đã tắt ngấm bốn giọng hót. Chân Đờn làm vết khắp soi. Nó vạch những bụi cỏ sắc, bừa những mô đất nứt nẻ, xuống vũng nước chặt cỏ mấy con rắn nước múa vun vút, vất lên cát cho bõ tức. Nhưng con rắn đầu đen vẫn biệt tăm. Nhìn con chiến chiến mẹ ở yên trên khoảng không vỗ cánh vù-vù kêu vang bãi cát, Đờn càng giận càng buồn. Con chiến chiến là một người bạn thân nhứt của Đờn ở ngoài soi. Những lúc nằm vơ vẩn trong chòi mắt nhìn về phía làng một người hiện ra ở cuối bãi cát, những lúc lui cui bên những sợi bí đao, dưa hấu lòa xòa, nghe con chiến chiến mẹ hót. Đờn nghĩ nó hót cho mình Đờn nghe. Những lúc chợt tỉnh ngủ nghe con chiến chiến mẹ hót từ hồi nào trong đêm và trong tiếng gió ù-ù. Đờn nghĩ nó hót cho mình nó nghe. Một hôm Đờn hết mong gặp lại con rắn đầu đen thì nó lại ở đâu hi hi tới. Đờn chắc nó quen ăn hoặc coi thường bước chân rượt bắt của Đờn. Nhưng dù sau Đờn cũng không để nó thoát. Con rắn dài như một đoạn giây bí rợ, bụng trắng như phần vỏ trái dưa hấu dưới lỗ cát thiếu ánh mặt trời. Những cây leo nhiều lúc hòa màu con rắn, che khuất một phần thân trơn trượt đang nhoài đi. Đờn nắm chặt rựa, loảng quảng tránh các thân cây, rượt theo. Từ trong chòi ông nội Đờn vớ nón chui ra nhắm mắt hỏi:

— Chi mà chạy dữ vậy cà?

Đờn vẫn nhảy nhót chỉ về phía con rắn chạy trốn. Nội Đờn chụp lại cái nón vừa bị gió hất tung ra ngoài sau gáy, ngó theo tay Đờn chỉ. Ông chớp mắt liên mấy cái, quay đi tránh lớp gió cát phủ vào mặt rồi cúi xuống lượm cây gậy vút trước

chòi, bước vào đám dây leo. Ông nội Đờn bước oó vẻ thận trọng, không đụng đến những thân cây rải rác dưới chân. Nhưng ông cụ lại gần cái bóng của rần rất mau, không để nó xa mình thêm một bước. Khi chợt thấy cả thân con rần hiện ra một khoảng trống, Đờn nghe một tiếng "bình" trên cát. Con rần hết còn là một cái bóng, nằm bẹp đầu trên cát. Bây giờ Đờn nom nó tầm thường như một đoạn dây leo cần cỗi. Đờn khoa tay chặt con rần nhiều nhất, đá mỗi khúc một nơi.

Những việc lật vật như vậy dễ làm Đờn mệt. Nó thường ngủ gà ngủ gật trong chòi sau những lúc ở ngoài bãi cát. Những giấc ngủ ngày của nó có vẻ thành thoi hơn. Nó biết sau khi tỉnh dậy nó sẽ có chị Kiều mann cơm ăn nước uống cho hai ông cháu. Trong nhà, nó thích nhất chị Kiều. Nó ơn chị nhiều không kể xiết. Nó nhớ cách đây không lâu, người ta ôm loa, gọi vào hàng rào từng nhà kêu lập lại sớ gia đình. Nó đương ngủ ở trên thềm bị chị Kiều phát vào mông gọi dậy. Nó nhăn nhó nhìn chị oán trách, chị cười bảo nói.

— Dây mà nghe tên mới của mày.

Đờn nhồm bật dậy hỏi dồn :

— Em có thêm một cái tên nữa, thiệt vậy không ?

Chị Kiều lắc đầu :

— Mày chỉ vẫn có một tên thôi. Nhưng tên đó mới lắm, hay vô chừng

Đờn vẫn ngờ ngác, chị Kiều cùng anh Hai bật cười.

— Cái tên cũ mày xấu lắm, nghe không êm lỗ tai chút nào. Con trai gì mà tên Đờ. Đờ là lơ đờ, cứng đờ, dờ ẹc. Tao vừa nói với anh Hai thêm vô giấy khai sanh của mày một chữ nờ, thành Đờn, nghe sướng không ?

Đờn nghe mà cảm động. Nó chỉ tiếc một điều không còn đi học để cho bạn bè nghe thầy giáo kêu cái tên mới của nó. Từ nay bọn trẻ không còn lấy tên nó biến thành chữ Đờ trong 24 chữ cái để thi nhau ghép những tiếng bắt đầu bằng chữ đờ.

Cũng từ hôm đó, Đờn khiếp phục trí khôn của chị Kiều. Nó thầm đoán nếu chị ưa má nó, có lẽ còn làm nhiều chuyện vui hơn nữa. Trong nhà, nếu Đờn có nhiều lúc như bị bỏ quên, thì chị Kiều luôn luôn được mẹ Đờn nhắc tới phiên nhiều. Mẹ Đờn tuy dữ song vui. Mà sao chị Kiều không làm vui bà như vẫn làm vui Đờn. Đờn vẫn thắc mắc mãi điều đó. Nhiều lần thấy chị thờ dốc, mét mặt trước mẹ, Đờn lo sợ, luống cuống. Nó sợ mẹ lớn tiếng hoặc chị Kiều vùng la lên, chắc nó bỏ chạy mất, Kiều cũng rõ điều đó. Sau những lần va chạm với mẹ chồng, dù chiều theo ý bà, dù nghịch ý bà. Kiều đều buồn, đều muốn gần thằng Đờn, nói với nó ít câu để nhìn bộ mặt ngờ ngác buồn cười của nó cho khuấy khỏa. Những lúc đó cũng là lúc Kiều muốn dời ngay gia đình này mà đi. Theo như dự tính ngày chưa cưới. Trước ngày về sống trong nhà này, Kiều ở với mẹ và chị

mảnh đất mọc bừa bãi loài xương rồng, bàn chải, có những chiếc hoa đỏ khế nhức mắt gai tua tủa, những lò đốt than nổi lên như những ngôi mộ đất tròn trọi. Cứ vài hôm, cha Đồn lại lên núi chở củi về. Trên con đường chạy giữa những bụi tre cháy khô vì nắng, cha Đồn vừa đánh chiếc xe hai bánh bụi như lớp xe hơi, vừa thở theo ngựa mà về. Nhìn thân xác gầy ốm của chồng bên những lò đốt than có những lỗ hồng đen ngòm nóng bỏng, có lần mẹ Đồn đã tưởng chồng mắc tội trời vừa từ trong chui ra. Càng thương chồng, bà càng thấy nề Hai Rạng. Hẳn có sức vóc, làm được nhiều việc nặng nề. Những buổi hắt bỏ cày bắt tử, xuống thôn dưới coi chọi gà đánh võ rồi rủ bạn sang cây số 8, bà biết nhưng ít kêu ca. Bà có vẻ yên lòng khi rõ Kiều là một cô gái Huế. Bà cũng như nhiều người khác trong vùng đều tin gái Huế nhiều, ít, cũng hết na hơn con gái các vùng khác. Hai Rạng đoán biết vậy, càng phấn-khởi trong những chuyến qua sông. Hôm nào định đi, mắc kẹt chuyện gì không sang cây số 8 được, hẳn sốt ruột ra mặt. Nếu không nghĩ mình có tiếng cười, Hai Rạng đã chắc Kiều ưng-thuận. Nhiều lần gặp Kiều về, hẳn bỗng nhiên chưng hửng không hiểu tại sao mình vui. Kiều đã có gì chắc chắn nơi hẳn đâu. Một buổi trưa cơm xong, hẳn ra đường thơ thẩn bên rào Ấp Chiến Lược, gỡ những mắt thép gai bỏ vô vốc tay. Về nhà hẳn ngồi ở cái chõng, tần mần nắn những mẫu dây nhon thành từng chữ cái. Đồn thấy kỳ kỳ tò mò hỏi :

— Đứa nào nhờ anh làm chữ đó ? Dở ẹc. Năm điểm là nhiều.

Hai-Rạng cười dễ dãi :

— Cô Kiều nhờ đó. Có thấy chữ K, chữ I đây không ?

Đồn thấy anh nắn chữ KIỀU thật. Nhưng Hai-Rạng đã nói dối. Mấy bữa sau Đồn thấy chữ KIỀU ghim ở trên vách. Những chữ cái bằng thép nom vẫn cục mịch lại đen đen như dính muội đèn. Tới một hôm, nhà vắng không có ai, Hai Rạng kêu Đồn lại gần chõng, tuốt ống áo lên cho Đồn thấy cánh tay đen sạm của hẳn. Đồn ngạc nhiên thấy có một cái mụn lớn đã đóng vảy. Hai Rạng mỉm cười đưa móng tay út gậy cái vảy ra. Đồn nom giữa khoảng da đen của anh nổi bật một chữ KIỀU thật trắng. Hai Rạng cho nó biết đã nung chữ thép khắc lên da. Thấy Đồn có vẻ sợ hãi, Hai Rạng bỗng nhiên nổi giận chỉ vào mặt nó :

— Mày học với ai chuyện này tao bóp nát sọ.

Nhưng rồi Kiều cũng rõ chuyện này. Kiều vừa ngạc-nhiên vừa hồ thẹn. Những lần Hai-Rạng lại quán, Kiều thường đưa mắt nhìn trộm cánh tay hẳn, lúng túng. Nhịp máy nhiều lúc vấp vấp. Kiều không ngờ Hai-Rạng táo bạo như vậy. Thán thề gã đàn ông nghiêm nhiên đã mang dấu vết Kiều. Sự tránh né của Kiều làm sao rửa sạch dấu vết đó trên da thịt hẳn. Hai-Rạng dường như cũng ngượng về việc làm của mình tuy đã nhiều lúc hẳn hãnh diện. Hẳn thường lặp lại những dự tính của hẳn mỗi khi có bối rối vì sự im-lặng giữa hai người. Hẳn nói sớm muộn hẳn cũng vô Nam. Đã lừ lâu hẳn muốn nhìn bạn hẳn trong làng. Đi làm ăn, rồi về làng, đeo ra-dô qua sông hỏi vợ. Trong những năm sắp tới, hẳn sẽ có một sò gia-đình mang dấu một quận ở Sài gòn.

Lúc đầu Kiều cười sau khi nghe hắn mãi miết nói. Dần dần, Kiều có cảm tưởng mình cũng có trong dự tính của hắn. Những lời hắn chưa hết, Kiều đã tưởng tượng đủ những thứ hắn định mô tả. Kiều như cùng chung ước muốn với hắn.

Ngày Hai-Rạng chính thức nhờ người sang hỏi, Kiều tùy mẹ định đoạt. Sau một hồi bàn tính, mẹ Kiều chặc lưỡi :

— Lấy chồng gần thì được gần gũi gia-đình.

Kiều không nói gì. Chính Kiều cũng chẳng quyết gì được. Nhưng sự im lặng của Kiều đã như một đồng lõa với Hai Rạng để gạt chị và mẹ »

Hai-Rạng cưới vợ vào mùa Thu, như nhiều người trong làng. Mùa thu là mùa có những trận mưa nhỏ như tơ, chỉ đủ thấm ướt một lớp đất mỏng ngoài ruộng, làm dịu những lớp cát trên đường, làm xanh um những tàu lá nứa. Nhưng mùa thu cũng là mùa của những trận bão lụt kinh hoàng. Ông bà thường cho nước tràn lan từ núi xuống, đồ ngập cánh đồng làng mạc để chở ra biển đông mười cây cồ thụ trong vùng. Sau mỗi trận lụt, người ta phải nghe ngóng xem ông bà đã chở hết cây chưa. Nếu phong phanh nghe ở một ngôi chợ, một con đường, một chỗ chân núi nào đó còn vài ba cây lớn dập nát cành lá chưa được mang đi, người ta vẫn còn hoang mang, thắc thò. Ông bà chẳng bao giờ chịu để sót lại một cây. Còn lụt nữa. Vào các vụ lụt, không mấy năm không có đám cưới qua sông và không mấy khi những đám cưới không bị đắm dò. Những cuốn lịch Tàu tuy được các bậc tuổi tác tin dùng nhưng tiếc một điều thiếu hẳn một lời chỉ dẫn về thời tiết. Những con gái đeo vàng, đeo bạc, những người con trai ngâm thuốc điều đã chết bên nhau giữa lúc tưởng như sung sướng nhất. Dòng nước mang họ đi như giữ nguyên nổi chết thẹn thùng của những người sắp thành chồng vợ. Những vết tích hân hoan chỉ còn lại trên mặt nước mông mênh những cây dù mở rộng, những chiếc guốc màu.

Hai Rạng cưới vợ trong một trường hợp tương-tự. Trước hôm cưới mấy ngày có những đàn chim trắng cắn đuôi nhau soãi cánh bay lên núi, những đoàn kiến kìn kìn kéo lên vùng đất cao, bò thành từng dây dài dưới các chân tường. Lúc đi rước dâu nước sông đã đầy ứ khúc quanh, đã ngập con đường men theo cánh đồng thôn dưới làng Hai-Rạng. Nhưng trông về ngọn núi CHÓP, thấy đỉnh núi chưa đội mũ, chưa có dấu hiệu một cơn mưa sắp tới, đoàn người vẫn vững tâm qua sông. Nhưng lúc về, trời sụp tối và gió bão đã nổi dậy khi mọi người vừa xuống dò. Chiếc dò Kiều và Hai Rạng ngồi khá rộng. Vì trời xấu, hai nhà gia đình Kiều neo người, nên nhà gái không một ai đi theo. Kiều ngồi cạnh Minh, em gái Hai Rạng bàng hoàng không dám nhìn trời và dòng nước cuốn phăng. Hai Rạng mặt cứng lại ngồi áp trước mặt Kiều, bàn tay to lớn bấu chặt mạn dò. Những lúc Kiều bất chợt ngừng lên, thấy lưng hắn che kín phong cảnh trước mặt. Tới giữa sông, bỗng Kiều giật mình thấy một ông lão già khăn đóng áo chùng nhòm bật dậy. Thuyền đã chao chát, càng chao chát hơn. Sau một lát loạng choạng lấy thăng bằng, ông lão cổ đứng ngay người, kêu giữa tiếng mưa gió gào thét những tiếng quái dị. Kiều

cổ chú ý tới ông lão cho bớt sợ hãi nhưng cũng chỉ lồm bồm nghe tiếng "ư ư" như một tiếng nấc kéo dài. Cuối cùng ông lão vút xuống sông, đứng ra, vút vào khoảng không hỗn loạn mưa gió những vốc than của những thếp vàng đã đốt sẵn ở nhà và cỡ mười nhánh huệ tượng-trưng cho hạnh-phúc tuổi trẻ, rồi ông lão, nhân cái vái của mình, ngã bệt xuống kheang dò.

Khi đám cưới về tới làng, tiếng trống tiếng mõ ở khắp nơi nổi lên từ hồi nào báo hiệu nước đang lên cho mọi người chạy lụt. Nhưng lúc đoàn người vào tới nhà tạm nghỉ tránh mưa, tiếng trống, tiếng mõ thúc giục bỗng trở nên hỗn loạn, tung bừng chào đón.

Cuối cùng, mọi người sẵn lòng quên hết mọi gian-nan khi đã ngồi quanh những mâm rượu thịt. Bầu trời giông bão và dòng nước chảy xiết, chỉ còn mình cô dâu giữ lại với những giọt nước mắt trong đêm động phòng.

(còn tiếp 1 kỳ)

Y UYÊN

Nhà xuất - bản

SÁNG - TẠO

DÃ CHO PHÁT-HÀNH :

- BẾP LỬA
- VỠ BỜ
- TIẾP NỎI

của Thanh-Tâm-Tuyền

của Doãn-Quốc-Sỹ

của Trần-Thanh-Hiệp

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

hương khói hồn cha

Con trở về cúi đầu lên gối mời
Cha đi rồi nước mắt chảy vòng quanh
Nghe trống rỗng âm hần lên tiếng gọi
Và ngậm ngùi thân phận lá cây xanh

Cái chết đó sống lên từng ý nhớ
Khói hương nào thấp sáng vùng bi thương
Con cầu nguyện để nghe lòng run sợ
Cái vô cùng trong bé bỏng thể lương

Mẹ nhỏ giọt tình chung lên năm mộ
Con rã rời từng sợi máu lưu thông
Chị xa cách thăm thương nhòa tiếng khóc
Cháu ngậm ngùi trong cái chết người ông

Ơi tất cả trở về xanh cát bụi
Còn lại đây một chút nắng linh hồn
Cha nằm xuống theo chiều sông hướng núi
Con đại khờ, mẹ chiếc bóng hoàng hôn

Một chút khói hắt hiu hồn kẻ chết
Con trở về như người sắp ra đi
Cuộc chiến đó, cha nằm đây mỗi một
Đằng sau lưng ranh giới những biên thù

29.4 Ất Tỵ

THÀNH TÔN

(Hương Khói)

NÔNG-NGHIỆP BẮC-VIỆT ĐI VỀ ĐÂU ?

Các khó khăn của nhà cầm quyền Hà-nội trong việc phát-triển nông-nghiệp

SÓNG HỒNG

Hà-nội công khai đứng về phe xã hội chủ nghĩa chủ trương tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn tư bản.

Nông dân miền Bắc bị cưỡng bách cung nộp các tài sản riêng làm tài sản chung của tập thể. Họ hy vọng rằng với lễ lối làm ăn mới, với các phương tiện sản xuất tập trung họ có thể thay đổi phần nào đời sống cơ cực của họ. Nhưng thực tế họ hoàn toàn thất vọng.

II năm sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mặc dầu không bị chiến tranh tàn phá nông dân miền Bắc vẫn sống trong cảnh nghèo nàn cơ cực. Họ được khuyến khích làm việc bằng hai, làm ngày không tắt làm đêm. Viễn tượng các nông trường tập thể thẳng cánh cò bay với những máy cày tối tân, những nhà máy biến chế nông phẩm chỉ là những lời nói suông trong những buổi học tập không bao giờ đến với họ.

Thực tế, nông dân miền Bắc đã phải

tận dụng các phương tiện canh tác cổ truyền, đào sâu khối óc để tìm tòi các kinh nghiệm và trao đổi cho nhau làm phương trâm canh tác. Họ phải mang sức người thay cho sức máy ; chống với thiên tai bão lụt Đảng chỉ mang lại cho họ những khẩu hiệu thật kêu :

— Nào là :

Sâu xám nầy nở từng đàn
Cắn cây công nghiệp lan sang hoa mầu
Bà con hợp tác rủ nhau
Đốt đèn bẫy bướm trừ sâu khắp đồng
Sâu xám mây cắn ngô bông
Tao bới tao cắt mây hồng trốn đâu

Trời làm thiên tai hạn hán, đất rắn như đá cây cỏ úa vàng. Thay vì giúp nông dân các máy bơm nước Đảng lại khiến trách nông dân.

— Nào là :

Có ai như thôn Tràng (Việt-Yên — Hà Bắc)
Đông — Xuân trồng khoai lang
Ruộng dở khô, dở ướt

*Dây cắt lâu úa vàng
 Trồng rồi không chăm sóc
 Đất khô trắng như rang
 Không bón thêm phân thúc
 Không xáo xới kỹ càng
 Không nhắc dây, bấm ngọn
 Đề sâu cắn tan hoang !
 Thu hoạch chỉ toàn rế
 Một sào chưa đầy quang
 Minh sai cứ đồ tại :
 « Trời làm thiệt mùa màng ».*

Khoa học kỹ thuật nông nghiệp
 số 43 tháng 1 (15-1-1965)

Các cán bộ lãnh đạo miền Bắc quả xứng đáng là các đệ tử trung thành của chủ nghĩa duy vật. Làm gì có trời mà đồ tại trời làm ra thiên tai. Biết như vậy tại sao khối xã hội chủ nghĩa không giúp cho Bắc Việt các phương tiện tài chánh, các máy móc tối tân và phân bón để phát triển nông nghiệp.

Nhìn vào con số thống kê hiện có ta có thể biết sự thất bại về nông nghiệp bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân : thiếu sức kéo — thiếu phân bón — tình trạng kỹ thuật thấp, sự quản lý các nông trường, hợp tác xã còn lỏng lẻo và sự bất mãn của nông dân.

1. Thiếu sức kéo.

Nói đến nông nghiệp là phải nói đến sức kéo. Tại các nước tiền tiến máy móc đóng một vai trò quan trọng vừa làm giảm sự mệt nhọc của nông dân vừa làm tăng gia mức sản xuất về sản lượng và chất lượng.

Tại các nước kém mở mang như Việt-nam nhất là miền Bắc, máy móc là một thứ hàng xa xỉ khan hiếm thì trâu bò đóng một vai trò quan trọng.

Trâu bò vừa cung cấp cho nông dân sức kéo cần bản vừa là nguồn cung cấp phân xanh cho các cơ sở trồng trọt.

Hiện nay trong toàn cõi Bắc Việt có 1.508.000 trâu và 796.000 bò kể cả số trâu bò già yếu và còn nhỏ chưa sản xuất được.

Số trâu bò này trước nguyên là tư hữu của các nông dân cá thể nay được tập trung vào các hợp tác xã và trở thành tư hữu của nhà nước.

Nếu so với tổng số diện tích canh tác là 2.137.000 hectares thì bình quân số trâu bò hiện có không kể già yếu, lớn nhỏ, mỗi con phải kéo gần 1 hectare. Tuy nhiên theo tài liệu của Tô Ca cán bộ hợp tác xã trâu bò Tỉnh Thái Bình thì vì số trâu bò do các hợp tác xã chăn dắt bị bệnh chết quá nhiều nên bình quân mỗi con phải kéo 3,92 hectares.

Nhận rõ chủ yếu quan trọng của vấn đề sức kéo, Hà Nội cố gắng tăng gia sản xuất trâu bò bằng cách cải thiện sự chăn nuôi trong các hợp tác xã để làm giảm tỷ lệ trâu bò bệnh, chết vì kiệt sức, một mặt tăng gia số lượng trâu bò tại các nơi có nhiều đồng cỏ.

Tuy nhiên kế hoạch tăng gia số lượng trâu bò không đủ để cung ứng cho các nhu cầu đang đòi hỏi, một phần vì sự chán nản của nông dân, một phần nạn thiếu lương thực làm cho khả năng chăn nuôi của nông dân bị sút giảm.

Nhìn vào bản thống kê trâu bò của ba tỉnh sản xuất nhiều trâu bò Bắc Việt là Lai Châu, Sơn La, Nghĩa Lộ trong khoảng từ 1955 đến 1963 ta thấy rõ điều đó :

		Lai Châu	Sơn La	Nghĩa Lộ
1955	trâu (con)	13.63	27.209	18.36
	bò	771	638	1.452
1960	trâu	41.23	48.480	28.879
	bò	2.978	4.835	5.618
1963	trâu	42.983	47.284	30.053
	bò	4.794	7.004	6.354

Trong thời gian từ năm 1955 đến hết năm 1960 số trâu bò tăng lên gần gấp hai đối với trâu và gấp 3,4 đối với bò.

Trái lại thời gian từ 1960 đến 1963 số tăng chỉ nhích chút ít đối với trâu và gần gấp hai đối với bò.

Tình trạng thiếu sức kéo còn trầm trọng vì sự thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc có thể là sự phá hoại của nông dân.

Từ ngàn xưa nông dân Việt Nam tuy rất cần cù giản dị nhưng rất tha thiết với mảnh vườn tấc đất và trâu bò. Nay ruộng đất, vườn đất, trâu bò đều bị tập trung vào Hợp Tác xã và được coi là của chung. Các xã viên làm công việc hàng ngày được tính công bằng điểm vì vậy đa số nông dân chán nản không chịu chăm lo chăn dắt như khi còn ở trong tình trạng sản xuất cá thể. Trâu bò no đói cũng mặc, nhiều khi họ còn viện cớ trâu đau, già yếu hoặc gây ra những tai nạn để làm thịt ăn với nhau.

Để ngăn chặn các vụ phá hoại ngầm và bảo vệ trâu bò trong các Hợp tác xã, nhà cầm quyền Hà Nội đã dùng phương pháp liên đới trách nhiệm và đặt ra những quy định về việc nuôi trâu tại các Hợp tác xã.

Trâu hay bò được giao cho một tổ hay một đội sản xuất phụ trách chăn giắt và phải tuân theo các điều lệ như sau :

a) Trâu nuôi 12 năm, bò nuôi 18 năm, bê nghé 20-25 năm — Gầy yếu cả tổ phải phạt, què chết không có lý do chính đáng cả tổ phải bồi thường.

b) Chăn không no, người chăn bị rút điểm ; trâu đi cày ăn không no, người cày không nhận, người trông coi chung phải đền công.

c) Mỗi ngày ngoài số rơm, trâu bò được ăn thêm cỏ theo tỷ lệ : trâu 20-25 ký — bò 15-20 ký. Những ngày đi cày khâu phần cỏ được tăng gấp ba.

Trong suốt cả vụ cày mỗi con trâu hoặc bò được 20 ký thóc để bồi dưỡng.

d — Người cày không được vượt quá mức quy định hàng ngày nửa sào và chỉ được hưởng nửa số công điểm của chỗ vượt mức đó, phần còn lại để bồi dưỡng cho trâu bò.

Còn một nguyên nhân quan trọng khác khiến nạn thiếu hụt trâu bò trầm trọng là nạn thiếu cỏ cho trâu bò, vì nhu cầu lương thực cấp bách, các bờ đường bãi trống đều được trồng các cây lương thực, các đất trống tại đình chùa tha ma đều được trồng màu nên không còn đồng cỏ để chăn trâu bò.

Ngoài ra để thúc đẩy nông dân đạt vượt mức chỉ tiêu của kế hoạch, Hà Nội lợi dụng lòng ham lợi của nông dân bằng cách cho nông dân hưởng 900/0 (theo điều lệ cũ) công điểm của chỗ vượt mức. Đó là một kế hoạch hiểm ác nhằm bắt nông dân làm việc hết sức mình. Chỉ tiêu nhà nước đặt đã cao rồi. Nếu nông dân muốn được hưởng 900/0 phần vượt mức tất nhiên phải nai lưng làm việc hết sức mình, tuy nhiên việc gì cũng có mặt trái của nó nếu nông dân vì hám lợi vượt mức chỉ tiêu để được hưởng gần trọn vẹn phần vượt mức thì các trâu bò của Hợp tác xã cũng bị kiệt sức chết rất nhiều. Vì lẽ đó nhà cầm quyền Hà Nội đã phải quy định lại diện tích vượt chỉ tiêu và phần công điểm được hưởng, để bảo vệ sức khỏe của trâu bò.

Sự quy định lại này chắc chắn sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự sản xuất.

2. — Thiếu phân bón trăm trọng.

Ruộng tại Bắc Việt bị khai thác triệt để; một năm ba vụ — Đất không lúc nào được nghỉ ngơi. Phân bón cần cho đất như người cần thuốc bổ.

Hà Nội biết rõ điều đó. Theo thống kê của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, năm 1965 miền Bắc cần phải có 1.500 000 tấn phân vô cơ chia ra như sau :

600.000 tấn phân đạm.

750.000 tấn phân lân.

150.000 tấn phân Ka-li.

Hiện nay Bắc Việt mới có một nhà máy sản xuất phân lân tại Lâm Thao sản xuất hàng năm được 10 vạn tấn super-

SÁCH BẢO MỚI

Bách khoa đã nhận được :

— **Tự luyện dịch Việt - Pháp** (tập 1) dành cho các lớp Trung học Đệ nhất Cấp (sinh ngữ II) và đệ nhị cấp (sinh ngữ 2) của Nguyễn-vọng-Hộ, G. S. Trung học Thủ khoa Nghĩa Châu Đốc, Kim Phụng xuất bản do tác giả gửi tặng, sách dày 100 trang gồm 20 bài, vừa luyện dịch vừa giảng rõ từ-ngữ và văn-phạm, giá 25đ.

— **Chinh - phụ ngâm - khúc giảng luận**, của Thuận Phong, do Văn-Hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 257 trang, bản kỳ ba, gồm ba phần : khảo luận, dẫn giải, và tập lục phụ bản : địa-đồ lịch sử Việt Nam và Trung Hoa giá 36đ.

phosphat và 3 vạn tấn phân lân nung chảy.

Một nhà máy sản xuất phân đạm đang được xây dựng cấp tốc tại Hà Bắc có thể sản xuất hàng năm 15 vạn tấn phân đạm (bao gồm clo-rua đạm và ni trat đạm) tuy-nhiên nhà máy chỉ bắt đầu sản xuất vào đầu năm 1966.

Phần lớn phân bón tại miền Bắc đều trông vào phân hữu cơ gồm phân chuồng và phân xanh (bèo, bã đậu v.v...) Chính vì vậy mà công tác làm phân, nhặt phân được Bắc Việt đưa lên hàng đầu ngang với các công tác chính trị.

— Thật là một điều hết sức mỉa mai. Trong những xã hội tự do mà Cộng sản gọi là tư bản đế quốc phản động thì dân chúng không phải làm các công tác

gặp phân nhật phân như những nông dân hiện đang sống trong thiên đường Cộng-sản.

Nạn thiếu phân bón ảnh hưởng nặng nề đến mức sản xuất — Tại nông trường Mộc Châu tỷ số cây cà phê xấu chiếm 750/0 tổng số và chỉ có 50/0 cây tốt mặc dầu nông trường đã tích cực phát động phong trào chăn nuôi heo, cừu để lấy phân. Tuy nhiên số lượng

phân năm 1963 chỉ đạt được một nửa số yêu cầu (Nghị quyết Kinh tế số 24 tháng 12 năm 1964).

Không riêng gì nông trường của chính phủ mà Hợp tác xã khai hoang cũng ở trong tình trạng tương tự — Các đất đai sản xuất năm đầu còn khá, sang đến năm thứ ba mức sản xuất kém hẳn các Hợp tác địa phương.

(tạ, hecta)

	Lúa nương	Ngô	Khoai	Sản
— Địa phương	12 15	10,80	81	99.9
— Hợp tác xã khai hoang				
Tô-Hiệu (Yên Bái)	2,7	8,64	21,33	21,33
Sơn Đông (Lạng Sơn)	2,7	5,13	21,33	54
Bình Thuận (Sơn La)	3,5	5,13	34,02	54
Nam-Sơn (Hòa-Bình)	3,5	8,5	18,9	28

Đất thiếu phân ảnh hưởng đến sản lượng, thu hoạch thấp, nên giá trị một ngày công càng thấp làm cho nông dân chán nản. Riêng Hợp tác xã Bình Thuận năm 1961 giá trị của một ngày công xã viên là 1,05 đồng, qua năm 1962 sụt xuống còn 0,68 đồng và năm 1963 còn có 0,48 đồng (nghị quyết Kinh tế số 25) Nhiều Hợp tác xã khuyến khích xã viên bằng cách thu mua phân của xã viên với giá biểu dưới đây :

Phân chuồng 100 ký loại 1 trả 5 kg thóc.

Phân chuồng 100 ký loại 2 trả 4 kg 500 thóc.

Phân chuồng 100 kg loại 3 trả 4 kg thóc.

(Khoa học kỹ thuật nông nghiệp số 4-15-1-65).

Với tình trạng thiếu phân bón trầm trọng hiện nay chắc chắn Hà Nội không thể đạt được mức thâm hoạch quy định trong năm chót của kế hoạch ngũ niên mặc dầu các nỗ lực tăng vụ và tăng diện tích khai hoang.

3.— Tình trạng kỹ thuật còn yếu.

Nhờ chia ra các vùng trọng điểm nông nghiệp, Hà Nội có điều kiện để chuyên môn hóa nông dân từng vùng, và tập chung các phương tiện của nông dân vào sản xuất. Việc tổ chức các hợp tác xã và các đội sản xuất giúp cho nhà nước Cộng sản chủ động được các thời vụ, nắm vững được mức sản xuất và việc phân phối nhân công vào những công việc mà nhà nước mong muốn.

Tuy nhiên trong hoàn cảnh địa thế và thời tiết hiện nay của Bắc Việt muốn

đạt tới mức sản xuất tối đa cần phải có đầy đủ hai yếu tố dưới đây :

- a) Cải tiến các dụng cụ canh tác.
- b) Làm tốt các công trình thủy lợi chống thiên tai.

a. — Cải tiến các dụng cụ canh tác

Chủ trương của Hà Nội lấy nông nghiệp làm cơ sở tiến lên công nghiệp — dùng cây công nghiệp hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Đó là một lối lý luận dễ nghe nhưng nếu vì một lý do nào đó nông nghiệp không phát triển được tất nhiên công nghiệp không thể thành hình được

Công nghiệp miền Bắc hiện còn trong tình trạng thấp. Phần lớn hoạt động của ngành cơ khí chỉ mới thỏa mãn các nhu cầu sửa chữa máy móc cũ từ thời Pháp thuộc để lại và phục vụ cho nhu cầu Quốc phòng ; nên chưa thỏa mãn được các nhu cầu thiết bị cho nông nghiệp.

Hiện nay nông dân miền Bắc hãy còn phải sử dụng các loại nông cụ cổ truyền cải tiến lại như cày, bừa cải tiến, dùng xe lăn răng chông thay thế cho vồ đập đất, dùng xe cút kit thay thế gồng gánh dùng cào cải tiến để làm cỏ thay cho đôi tay v.v... Các máy cày máy kéo có rất ít và chỉ sử dụng tại một số nông trường quốc doanh vì lý do thiếu vốn đầu tư và các nhiên liệu chạy máy.

Tình trạng này không riêng ở tại Bắc Việt, các nước Cộng sản khác (Trù Nga Sô) cũng vậy, Chúng ta đã từng thấy Cộng sản Cuba mặc cả với người Mỹ đổi các máy cày lấy các tù binh bị bắt trong cuộc đổ bộ lên Cuba hồi 1962.

Tình trạng lạc hậu của các dụng cụ canh tác đã giới hạn không ít sức sản xuất của đất đai.

b) Làm tốt các công trình lợi chống thiên tai.

Địa thế miền Bắc cao thấp không đều — Phía trên cao, phía dưới thấp nên nếu thời tiết không đều hòa hay bị nạn hạn hán hay úng thủy.

Muốn điều hòa mức nước để giữ nước tưới khi có hạn hán và cho thoát nước khi bị úng thủy, người ta có thể xây những đập nước hoặc đào các kinh lạch. Chúng tôi không hiểu vì lý do nào nhà cầm quyền miền Bắc không cho xây đắp các đập nước. Nhưng nếu đào thêm các kinh rạch thì cũng không phải là biện pháp hay vì mực nước tại miền Bắc vào mùa mưa thì mực nước sông cao hơn ruộng nên phải đắp đê để chống lụt, trái lại về mùa khô mực nước lại thấp hơn ruộng, Phương pháp tốt nhất để giải quyết hạn hán hoặc úng thủy là dùng máy bơm nước.

Dùng máy bơm nước phải có điện hoặc xăng nhớt để chạy máy là hai thứ hiện nay ở miền Bắc rất khan hiếm. Ngoài ra còn cần phải có những công trình tiêu thủy nông khác để làm môi trường cho các máy bơm hoạt động. Nhà cầm quyền miền Bắc chọn giải pháp máy bơm, đa số là máy chạy điện.

Trong thời Pháp thuộc Bắc Việt chỉ có một trạm bơm điện đặt tại Phú Sa — Sơn Tây — Mỗi năm sử dụng chưa tới 50 vạn Kw/giờ.

Từ khi quản trị miền Bắc, nhà cầm quyền Hà Nội đặt thêm các trạm bơm

điện tại Lâm Thao (Phú Thọ) tại Nam Đàn — Đô Lương — Nghệ An) tại Văn Lâm — Văn Giang, Như Quỳnh —ấp Bắc — Nam hồng — Trình Xá v.v... và các trạm bơm đặt dọc theo đường giây điện Hà Nội — Văn Điển Nam Định tuy nhiên muốn sử dụng tới mức tối đa các máy bơm nước cần phải có một nguồn cung cấp điện khí rồi rào cùng một mạng lưới đường giây rộng lớn. Tất cả những thứ đó hiện nay Bắc Việt chưa có thể làm được — Ngược lại nếu dùng các máy chạy xăng hoặc dầu cặn, thì hàng năm Bắc Việt sẽ phải nhập cảng một số lượng xăng nhớt lớn lao Cho nên vấn đề sử dụng các máy bơm nước vẫn là một khó khăn quan trọng đối với nông dân và nỗ lực chính để chống hạn chống lụt vẫn là sức lao động của nông dân. Nông dân phải đắp bờ khoanh vùng để giữ nước, đào ao, đào giếng để lấy nước trong những mùa nắng hạn. Công tác này có thể cung cấp một số nước tưới ruộng nhưng mất nhiều công sức và mất một số đất để canh tác.

Trước khi sử dụng hệ thống bơm nước, mức thu hoạch được 3/10 diện tích đã coi như là được mùa — Năng suất 1 vụ lúa chỉ được 11 tạ một công mẫu là cao nhất.

Để chứng minh cho công sức của máy bơm nhà cầm quyền Hà Nội đưa ra dẫn chứng như sau : Tổng số diện tích cấy mùa của Hà Nam là 45.000 công mẫu. Nhưng do nạn úng thủy trước kia chỉ cấy được tối đa 12.000 công mẫu. Từ ngày hòa bình lập lại đến nay nhờ thiết lập 11 trạm bơm nhỏ số diện tích tăng lên 29.000 mẫu. Tỷ lệ tăng lên gấp đôi

tuy nhiên so với tổng số diện tích 45.000 mẫu — Còn có 16.000 mẫu thường bị thất thu hoàn toàn.

Trong khi các vùng xuôi bị úng thủy thì các vùng thượng du lại lâm vào tình trạng hạn hán, thiếu nước cho cây trồng và chăn nuôi gia súc, có nơi lại thiếu cả nước cho xã viên dùng.

Hà Nội đã thiết lập 19 công trình thủy lợi hạng vừa và nhỏ trong số 22 tỉnh có đồng bào miền xuôi lên khai hoang, bình quân mỗi tỉnh chưa được một công trình nên mức thu hoạch rất thấp bấp bênh vì thường bị hạn hán.

Trong vụ đông xuân 1962-1963 Hợp tác xã Nam Sơn (Hòa Bình) bị mất trắng 33 hectare trong số 120 hectare gieo trồng tức 270/0. Hợp tác xã Sơn Đông (Lạng Sơn) bị mất trắng 30 mẫu tây bắp và 10 mẫu khoai v.v... tóm lại trừ những năm mưa thuận gió hòa, thường thường năng suất bị thất thu từ 300/0 đến 50%.

Nhà cầm quyền Hà Nội cũng nhìn thấy nhược điểm của mình và ước lượng được nhu cầu của sức điện trong nông nghiệp. Muốn đạt tới mục đích điều hòa mực nước Bắc Việt cần có một mạng lưới điện trên 10 ngàn cây số đường giây 30 kva và đường nhánh 6-10 kva, khoảng 2500 trạm biến thế trung gian và biến thế tiêu dùng từ 50-100kva đến 1800 kva. Đó là chưa kể khối lượng đường giây hạ thế rất lớn kéo từ trạm biến thế đến nơi sử dụng điện (nghiên cứu Kinh tế số 24 tháng 12-1964).

Hiện nay sự ước lượng này còn nằm trong dự án chương trình 5 năm lần thứ hai 1966-1970. Nhưng Hà Nội làm sao có

thực hiện được chương trình điện khí hóa nông nghiệp khi mà họ còn tiếp tục cuộc chiến tranh phá hoại tại miền Nam và còn phải chịu đựng các cuộc oanh tạc hàng ngày của không lực Việt Mỹ.

4.— Sự quản trị các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn

Kế hoạch hay nhưng người thừa hành dở công việc vẫn bị hỏng.

Nông dân miền Bắc quen với lối làm việc cá thể trong chế độ tư hữu nay bị bắt buộc gia nhập các hợp tác xã hoặc các đội sản xuất, mọi người không thấy hào hứng và chán nản—Kể cả cán bộ chính cống Cộng sản.

Tâm lý chung của mọi người, nếu có làm thì phải có hưởng thì mọi người mới hăng say, làm việc. Nông dân làm việc như máy, trái lại sự hưởng thụ không tương xứng nên sự lơ là lẽ dĩ nhiên.

Tình trạng chán nản khá phổ biến không riêng gì các nông dân đội viên sản

xuất mà ngay cả các cán bộ trong ban quản trị các hợp tác xã.

Tình trạng chán nản lơ là làm lấy lệ của nông dân trong các hợp tác xã được biểu hiệu qua mức lao động bình quân một năm của Ủy ban công tác nông thôn Trung Ương như sau :

Năm 1959 số ngày làm cho hợp tác xã : 90 ngày

— 1960	- nt -	103 —
— 1961	- nt -	124 —
— 1962	- nt -	147 —
— 1963	- nt -	164 —

So với mức phấn đấu bình quân 200 ngày công một năm do nhà nước quy định tỷ số ngày công cao nhất của hợp tác xã còn kém xa mức quy định (nghiên cứu kinh tế số 26 tháng 4-1965)

Tuy nhiên đây chỉ là con số thống kê của một số hợp tác xã tương đối tiến bộ, còn ở các hợp tác xã khác tỷ số ngày công còn kém hơn nữa như trường hợp tỉnh Thái Bình :

Các chỉ tiêu	1962		1963	
	Số ngày	Tỷ lệ 0/0	Số ngày	Tỷ lệ 0/0
Tổng số ngày trời	165	100	365	100
Số ngày làm cho hợp tác xã	125,0	34,2	149,0	40,9
Số ngày làm cho gia đình xã nên	80,0	22,2	97,8	26,8
Số ngày đi dân cộng và nghĩa vụ	13,0	3,7	15,4	4,3
Số ngày không sản xuất	145,7	39,9	102,4	28,0

Số ngày công làm cho hợp tác xã có ít nên tỷ xuất sử dụng lao động trên mỗi hecta rất thấp. Cũng trong tỉnh Thái Bình tỷ xuất lao động trên mỗi hecta là: từ 250 đến 270 công trong một hectare

lúa mùa và từ 162 công trong một hecta re lúa chiêm trong khi tỷ xuất thực đòi hỏi từ 530 đến 720 công cho một hectare đất. Chính vì vậy mà năng xuất của đất rất kém.

Nhìn vào bảng thống kê các ngày công ta thấy năm 1962 nông dân Thái Bình có 145,7 ngày không sản xuất và năm 1963 có 102,4 ngày; Đó không phải là những ngày nông dân được nghỉ ngơi. Số ngày quân bình trên bao gồm cả những phần tử thuộc các ban quản trị và các cán bộ phi sản xuất. Các cán bộ biên chế nhà nước, các cán bộ thuộc ban quản trị chỉ đóng vai thống trị ngồi chỉ tay năm ngón hoặc kiểm tra đôn đốc thôi. Các cán bộ không sản xuất lại chiếm quá nhiều so với tỷ lệ công nhân sản xuất nên mọi sự cực nhọc vất vả đều trút lên đầu nông dân. Như trường hợp hợp tác xã Tô Hiệu (Yên Bái) có 312 lao động mà ban quản trị có tới 64 người chiếm tỷ lệ 20%. Hợp tác xã Sơn Đông (Lạng Sơn) có 651 xã viên, ngoài 25 cán bộ không sản xuất, ban quản trị có tới 17 người; 4 phòng chuyên môn, một ban kiểm soát gồm 36 người. Và 26 người cấp dưỡng — Ngoài ra tại mỗi đội sản xuất có ba người trong ban chỉ huy đội và cán bộ giúp việc.

Thói thường ở đời, nếu cùng phải làm một công việc, cùng hưởng thụ công sức như nhau thì hành động khôn ngoan nhất là làm thế nào để có được một công việc nhẹ nhàng, đỡ mất công sức nhất mà còn có thể kiểm soát được đôi chút hoặc nếu không kiểm soát được thì cũng phải có một chút tiếng tăm. Đó là tâm trạng chung của các cán bộ Cộng sản. Họ chỉ là con người bằng xương bằng thịt, ham muốn được ăn ngon mặc đẹp. Vì vậy ta không lạ gì khi thấy các ban quản trị có nhiều cán bộ sống bám vào sức lao động của nông dân.

Còn một nguyên nhân nữa làm cho

các hợp tác xã không phát triển được, đó là thiếu vốn đầu tư và sự phân phối sử dụng vốn chưa được hợp lý.

Phần đông các xã viên không chịu đầu tư vốn vào sản xuất và chỉ trông chờ vào vốn vay của nhà nước. Trong khi đó việc phân phối chi phí sản xuất quá cao, việc tích lũy vào quỹ hợp tác quá thấp, khiến hợp tác xã không còn vốn để kinh doanh. Theo tài liệu thống kê, tại phần đông các hợp tác xã tỷ lệ phân phối sử dụng phân phối như sau:

Chi phí sản xuất :	31,82%.
Xung quỹ (tích và công ích)	
và khấu hao	4,3%.
Chia cho xã viên	62,8%.

Trong khi đó mức quỹ định xung quỹ tích lũy và khấu hao là 12%.

Ngoài ra trong nội bộ các hợp tác xã thường có hiện tượng tranh chấp giữa các cán bộ Đảng và cán bộ chuyên môn. Cán bộ đảng trực tiếp nhận chỉ thị của đảng, có nhiệm vụ kiểm tra đôn đốc làm thế nào để đạt được mức chỉ tiêu của kế hoạch. Trái lại cán bộ chuyên môn không thích sự chỉ đạo của cán bộ chính trị một phần vì tự ái, một phần vì lý do kỹ thuật cần phải hội đủ các yếu tố cần thiết mới có thể thực hiện công tác. Những yếu tố kỹ thuật đó các cán bộ chính trị thường không quan tâm tới hoặc không biết tới.

Tình trạng tranh chấp còn kéo dài, chưa biết bao giờ mới chấm dứt và phân hóa các hợp tác xã thành những bè phái phá phách lẫn nhau. Vì vậy tình trạng sản xuất càng ngày càng xuống thấp.

KẾT LUẬN

Năm 1965 là năm chót của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Bắc Việt. Muốn đánh giá sự thành bại và kết quả của kế hoạch năm năm lần thứ nhất chúng ta chỉ cần đọc lời minh xác dưới đây của Trần-ngọc-Hưng trong bài *vấn đề lương thực trong những năm tới* là đủ nhận chân được sự thất bại nặng nề của kế hoạch nông nghiệp miền Bắc: « Để giải quyết việc ăn no cho nhân dân, không phải chỉ có một mặt tăng lương thực, mà trong điều kiện sản xuất phát triển cần tăng nhiều thịt cá, rau, sữa, trứng trong khẩu phần, do đó tuy dân số có tăng lên nhưng yêu cầu về lương thực sẽ không tăng cùng một tốc độ. Trong điều kiện sản xuất công nông nghiệp hiện nay của ta việc giải quyết ăn no còn phải dựa vào nhiều chất bột. Cho nên trong một thời gian còn dài nữa, chúng ta phải ra sức phát triển sản xuất lương thực để giải quyết vấn đề ăn no cho nhân dân đồng thời giải quyết được nhiều vấn đề quan trọng khác trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Đường lối đứng đắn của Trung Ương Đảng ta là chúng ta phải phấn đấu tự giải quyết lấy vấn đề lương thực. Chúng ta cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo đó, hơn nữa từng vùng Kinh tế phải cố gắng tận dụng mọi điều kiện tự giải quyết tốt vấn đề lương thực, làm cơ sở cho việc tự túc của toàn quốc ». (Nghiên cứu Kinh tế số 26 tháng 4-1965).

Hòa bình lập lại tại miền Bắc đã 11 năm mà dân chúng chưa được ăn no —

Lẽ ra họ phải được hưởng các tiện nghi của khóa học. Nhưng họ đã phải sống cực khổ vất vả hơn cả dưới thời nô lệ phong kiến.

Điều đó thấy rằng chủ trương phát triển nông nghiệp làm cơ sở xây dựng công nghiệp chỉ là một khẩu hiệu nhằm xoa dịu nông dân và nhằm mục tiêu duy nhất giải quyết nạn đói.

Trong hoàn cảnh hiện tại Bắc Việt không thể trông cậy vào Nga Sô và Trung Cộng vì chính Trung Cộng cũng đang gặp các sự khó khăn về kinh tế và đang phải nhập cảng thêm lúa mì của Gia Nã Đại. Bắc Việt chỉ còn con đường tự cứu là bắt nông dân hy sinh, chịu khổ hơn nữa nếu không muốn chối bỏ chủ nghĩa tập thể Cộng sản.

Người ta nghĩ rằng với đà oanh tạc của không quân Việt Mỹ hiện nay với sự chán nản của nông dân, năm 1965 năm chót của kế hoạch nhà nước sẽ là năm sụp đổ hoàn toàn kế hoạch phát triển nông nghiệp của miền Bắc.

SÔNG HỒNG



tìm đọc

ĐẤT - SÔNG

nguyệt-san nghị luận văn học
của lớp người ý thức hiện đại

Năm tháng mù sương

Thơ HUY LỰC

Em chợt đến lá vàng chao thu rớt
Nỗi đam mê làm con gái thời này
Hôn tóc em rong rêu mềm bèo bọt
Hôn má em mùi sương gió đắng cay

Tình yêu trườn lên như con trăn lớn
Nuốt vội em anh cô-độc lạ thường
Nụ hôn nào cũng buồn buồn thoáng gọn
Vết sẹo dài em thân-phận đau thương

Từng kỷ-niệm ấu thơ thành sương khói
Em về đâu trong năm tháng sa mù
Anh về đâu cuộc chiến dài mệt mỏi
Không còn gì ôi gió thoảng phù-du

Buổi chia tay xin em làm lễ cưới
Xin chiến-tranh cho một phút thái-bình
Anh thở vội tình yêu nồng biển lười
Chăm than dài ôi nước mắt em xinh.

1965

H. L.

hoa vôi vôi thơ Trần Huyền An

● tặng Quang Hoài

Hai xóm cách nhau nhành sông nhỏ nhỏ
Một bến dò ngang chấp mút nẻo đường
Hai đứa quen nhau lúc nào chẳng rõ
Hăm mấy năm trường những mến cùng thương

Thuở nào xa xưa chung thầy chung bạn
Bữa cơm mo trưa chung đội bóng xoài
Mùa trăng hạ tắm chung dòng nước cạn
Con sông hiền ầu yếm vỗ tầm vai

Đêm tháng chạp rủ chơi trò giặc giã
Hai xóm hai miền hai đứa hai phe
Đứa do thám địch tình trên đất lạ
Đứa tuần hành tai mắt cố tìm nghe

Thằng tuần tiểu bắt được thằng do thám
Giữa đám vôi voi hoa trắng ven sông
Nó lưỡng lự nhìn mây trời tự xám
Khẽ mỉm cười „, tha đó „, chạy đi ông ...

Nhưng thuở nào xa xưa giờ đã hết
Cuộc tương tàn hai đứa lại hai phe
Im lặng chia tay nửa chiều vãn tết
Muốn hé nên lời sợ chính mình nghe

Rồi sau đêm bờ sông bom đạn rú
Một thằng đi thu dọn cảnh kinh hoàng
Lật xác quân thù ... ôi ... người bạn cũ
Giữa đám vôi voi hoa cuộn băng tang ...

T. H. Á.

bây giờ thơ Tường Linh

bây giờ nghĩa trang dành cho các anh đã chặt
những đám ma đi mau hơn
nghe tin một người thân chết chỉ hơi buồn
mười ngón tay không tính đủ tên ai đã khuất

bây giờ quê em nhiều quạ đen
bây giờ quê anh nhiều sương trắng
mẹ anh khóc thành quen
mẹ em nuốt cơm và lệ đắng

bây giờ con người không thương nhau
loài diều hâu nhai tiếng bồ câu
nhiều người có súng, lắm người đói
bây giờ ai dám hẹn mai sau

bây giờ bây giờ là thế đó
em ơi nói gì cho thêm đau

T. L

(Đất Lửa)

Thanh - Tâm - Tuyền

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

2 | Giờ tôi nhận thức được rằng cuộc đời của một người không phải được tạo thành trong phạm vi giới hạn của không gian dù thời gian hẳn chiếm đoạt được. Sau lưng hẳn, xung quanh hẳn, hẳn không trông thấy (và có thể mở rộng đến mờ mịt) và có thể cả trước mắt hẳn, những người khác, những cuộc đời khác xoay chuyển, đụng chạm, kết hợp, thúc đẩy, truyền tạo ra hẳn như một sản phẩm chia lìa đồng thời là một mắt nổi trong sợi giây trời chung toàn thể.

Tôi tưởng kiếp sống này là của tôi, cuộc đời này tôi quyết định nên tôi thất vọng ê chề. Tôi không tìm được thấy mình vì tôi ở ngoài khoảng không gian và thời gian của cơ thể tôi. Ngông cuồng và tự ái nhốt chặt tôi vào hư vô mông tượng — Đôi lúc tôi bắt gặp một vài hình bóng của mình ở người khác nhưng tôi không biết làm sao để kết hợp thâm đoạt vào mình. Cái khuynh hướng hủy diệt như một ngọn lửa ngầm đốt rụi hết mọi liên hệ. Và như thế tôi chẳng còn gì.

— Tôi nói thật cậu đặt nhiều quá đơvíchê. Vấn— Cậu thử tìm cho ra căn bệnh gốc, chữa một lần cho tuyệt — Những cái khác còn lại là vấn đề thời gian.

Gốc bệnh của tôi là đâu ? Thời ấu thơ hay hoàn cảnh xã hội ? Là giọng sông và đến trong những đêm thao thức hay khát vọng của tuổi mới lớn bị bóp nghẹt

sau lần lựa chọn đầu tiên ? Là cơn điên của cha tôi, mối tình của chị Lệ, hình ảnh ngậm ngùi của má tôi hay là Diệp, Thuận và Hiệp : Về ung dung thư thái của Hiệp nhiều khi bắt tôi nghĩ anh còn quá hơn tôi . căn bệnh của anh đến độ tuyệt vọng, ảo tưởng khỏe mạnh chỉ là mối an ủi cuối cùng. Nhất là khi tình cờ Phương tiết lộ với tôi nhiều điều về Hiệp, trường hợp Phương gặp Kim và Hiệp trong thời kháng chiến, trường hợp ba người cùng trở về Hà nội nhờ hiệp định Genève. Tôi không hiểu Thuận có biết rõ về Hiệp như Phương không, tôi thường tưởng rằng khi tôi chuyện trò với Hiệp ở buồng ngoài, Thuận nằm trên giường ở trong lắng nghe và đối với tôi, tôi vẫn có ý muốn cho Thuận nghe rõ câu chuyện của hai chúng tôi — Để Thuận hiểu rõ Hiệp ? hay hiểu rõ tôi ? Sự thật Thuận có chú ý không, tôi không thể biết được, nhưng riêng tôi nói với Hiệp tôi nghe mình được gần gũi với Thuận là lúc trực tiếp đối mặt với chị.

— Không phải anh à... Em bị ám ảnh

Gần như lúc nào điều thuốc cũng cháy trên môi Hiệp, trừ những giờ anh làm việc trong lớp. Tính ý có thể ra những lúc tinh thần anh bất định, anh dụi tắt điều thuốc nhiều khi mới chỉ cháy được một nửa và phút sau anh lại đốt điều mới

— Ai không bị ám ảnh. Không nên thắc mắc nhiều quá, nhất là đừng tưởng tượng thêm. Vô ích. Hồi tôi mới lớn ấy, tôi cũng nhiều mặc cảm như thế. Ở trong nhà hễ ông bố tôi ở nhà trên thì tôi lui xuống nhà dưới, ông bố tôi xuống nhà dưới thì tôi ra ngoài hè. Tôi nhớ là ông bố tôi dữ dòn lắm và có lẽ từ lúc tôi lớn hai bố con không hề có nói chuyện với nhau — Tôi bỏ nhà trốn đi lên Hà nội — Luôn luôn tôi bị ám ảnh là tôi không thể yêu được ai và cũng chẳng ai thêm yêu — Nhờ có kháng chiến tôi mới giải thoát được phần nào mối ảnh ấy. Nhưng riêng với ông bố, tới khi ông chết tôi ở xa không về được nên có lẽ đến khi nhắm mắt ông cũng quên là có một thằng con là tôi...

— It nhất vào thời của anh, anh còn có đường để thoát ra ngoài những mối ám ảnh riêng tây. Còn bây giờ ?

Hiệp búng mẩu thuốc ra tới ngoài cửa, ngó mông, vào trong ánh nắng :

— Bây giờ... ờ... bây giờ...

Hiệp nín im, bao giờ anh cũng bỏ lửng câu chuyện ở chỗ then chốt. Không khi nào anh mở cánh cửa cho tôi nhìn vào trong anh, anh để tôi đứng ngoài đập gọi như Thuận. Biết đâu, nếu Hiệp để cho trông rõ anh, tôi có thể nhìn thấy lỗi của mình ...

— Anh không làm gì nữa ?

Hiệp trở mặt ngạc nhiên :

— Tôi làm gì ?

Chúng tôi đứng trên bờ đất dốc. Dưới trũng là một lò gốm với mái ngói úp kín sô lệch, như sát với mặt đất; ngoài sân xếp lớp những bồn kiềng đã nung và những món đồ đất mới nặn đang phơi; một người đàn ông ở trần vận quần xà lỏn chui ra chui vô trong cửa chiếc lò đất kế bên như một lỗ tò vò.

— Em nghĩ anh bỏ kháng chiến, bỏ miền Bắc vô đây là anh có ý định — không lẽ hiểu biết như anh, anh tìm vô đây chỉ để được yên thân cho riêng cá nhân sao. Anh phải làm cái gì để chứng minh là anh lựa chọn đúng chứ...

— Người khác người ta dành làm hết. Cậu nghĩ tôi có thể làm được cái gì nào. Cậu bảo tôi với...

Hiệp cười, tiếng cười nhỏ yếu không vững chút nào, anh không dám quay nhìn tôi. Thuận đang lững thững một mình đi theo con đường mòn xuống lò gốm, tà áo bay phất như phủ trên những đám cỏ cao.

— Hồi ở tron bót Catinat, em có gặp một thanh niên Bắc di cư cỡ tuổi em. Hân tên là Minh.. Minh nói với em khá nhiều chuyện bây giờ có lẽ hân chết rồi... Từ hồi đó em không gặp lại Minh.. Chắc rằng Minh biết phải làm gì chứ...

Hiệp mãi nhìn theo Thuận, đang lùn nhợt dần trên lối dốc và biến mất dưới mái ngói xám đen; đằng sau mái ngói ấy là bờ đất cao hơn bờ đường này trên mọc những bụi rậm gai góc. Trên lộ những chuyến xe lô bốp kèn ở những khúc quanh nghiêng nguy hiểm trước trường sơ học và trạm kiểm soát vào châu thành.

— Cậu nghĩ tôi quan trọng ...

Hiệp ngó vào tôi, quay nhanh đầu về ngược ngừng bước xuống lối theo Thuận. Tôi còn đứng lại trong mối bất mãn nhen nhúm một chút cảm tình thương xót. Hiệp như bị độ dốc kéo đi mau hơn Thuận, anh ngoảnh cổ lại vẫy: Xuống dưới này, Trí.

— Tôi muốn sống yên thân cũng khó... Người ta đều nhìn mình như người có ậm mưu gì vậy... Tôi làm được gì?

Buổi sáng Hiệp được mời đến ty Công An đề khai lý lịch và yêu cầu làm sổ gia đình, lúc trở ra anh gặp tôi ở ngã tư. Hiệp không dấu được vẻ ưu tư buồn bã.

— Họ hỏi tôi tại sao lại có ý định lên ở hân trên này? Tôi phải bỏ lớp dạy để đến trả lời những câu hỏi lăm lăm như thế. Họ bắt tôi khai hai người bạn thân nhất của tôi, tôi khai ông Pháp với cậu đấy. Cậu nghĩ thế nào? Nói thực ra tôi chỉ muốn ăn dật.

— Anh không làm gì, sao anh lại cứ nói. Em biết nhiều đứa học trò còn có cảm tình với kháng chiến... chúng nó khó chịu lắm...

— Tôi sẽ không nói nữa . . . nhất định không nói gì nữa . . .

Hiệp rủ tôi vào một quán vắng uống nước. Tôi dạy anh cách thọc bi-a và tôi nói: anh khai tôi là bạn thân, bắt lợi cho anh. Hiệp chỉ cười không quan hệ lắm. Nhiều lần tôi định hỏi anh về Kim và Phương nhưng đều thấy không tiện. Anh chăm chú vào trò chơi, vui đùa và dường như quên được ngay những quấy rầy vừa qua.

Những lúc ấy tôi thấy tôi thật thân thiết với Hiệp. Nhưng sự thân thiết ấy vẫn bị hủy phá bởi sự đối nghịch giữa tâm trạng khắc khoải nóng nảy của tôi và thái độ lừng khừng lạnh nhạt của Hiệp. Tôi vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết với anh và anh thì luôn luôn từ chối như muốn đẩy tôi đứng vào vị trí cố hữu của tôi. Hiệp bỏ rơi tôi cũng như Hiệp bỏ rơi Thuận, anh sống một mình. Một mình hay với những người khác nữa ?

Trong những ngày ấy, không khí châu thành khó thở. Sau ông Hoanh một số học sinh trong tỉnh cũng bị bắt giữ. Biều ngữ, khẩu hiệu kẻ dăng đầy đường phố, trên cả mặt nhựa quốc lộ ; các ngõ vào tỉnh, các góc phố chính những tấm bảng lớn dựng lên suy tôn lãnh tụ và chế độ ; hình ảnh được treo trên nóc chợ, trước các công thự. Các tổ chức dân chúng được thành lập, hội họp, thảo luận với những bộ mặt tay sai quen thuộc. Ông Pháp gặp tôi ngoài chợ, kêu tôi vô quán cà phê căn dặn : Mày coi chừng nghe Tri. Làm tầm bậy tầm bạ họa má mày, lắm ngen. Tôi đáp : Con có làm gì đâu — Tôi bỗng nhận ra mình đang kéo lê cuộc đời nhạt nhẽo vô vị, không biết đang đứng ở phía nào. Tôi đi lại thông dong, quay cuồng thắc mắc, xa lánh ông Hoanh và các bạn cũ, phải chăng đó là do sự hèn nhát ? Mặc cảm phạm tội dày vò càng làm tâm thần tôi trở nên hốt hoảng bất định. Tôi tiến gần hơn mấp mé sát bờ những cơn cuồng trí và tôi phải tự trấn tĩnh với mình : Mày không điên đâu, mày không thể điên được đâu. Nhiều buổi sáng tôi tới ngồi cả giờ trong góc quán của Phương, ngơ ngác trong một vùng sương mù trắng xóa cả trí tuệ. Đêm đến tôi ngủ với mộng mị nặng nề khắc khoải. Những lúc sáng suốt, tôi nghe sự thờ ơ vang động trong khắp thân lan ra ngoại vật. Mỗi khoảng thời gian tĩnh thức, tôi như trôi lên giữa mặt biển im vắng dưới một bầu trời trắng bạch không gợn mây. Phương tới ngồi bàn hỏi chuyện tôi, vỗ về an ủi tôi ; có lẽ nàng nhìn vào mặt tôi tưởng như thấy ở đó sự si mê ngơ ngẩn khiến nàng thương hại. Tôi tìm thấy ở Phương một người tâm sự giả trá, tôi kể lể với Phương chuyện tình giữa Diệp và tôi theo con mắt của người ngoài, tôi đóng một vai trò và tôi sống thực. Cùng với lời nói thoát đi, tôi tưởng chính tôi đang thất vọng, tôi tưởng tôi yêu Diệp đến chết được, tôi trở thành kẻ tình nhân ngây thơ đáng tội nghiệp. Trong mắt Phương, rồi tôi không còn phân biệt được sự chân thật và sự giả dối nữa. Bị bỏ lại một mình, tôi nghĩ biết đâu đích thực tôi chẳng chỉ là kẻ nhu nhược yếu đuối như tôi phôi bày với Phương. Phương sẽ mang theo trong đời nàng con người ấy của tôi để tôi còn lại là tôi, vì tôi nghĩ chúng tôi sẽ chẳng liên lạc với nhau nhiều. Nhưng cũng có

thề mọi thề dạng khác của tôi trước những người khác cũng chỉ có ý nghĩa tương tự thế thôi. Và tôi hóa thành một niềm hư vô băng lạnh...

Tôi không còn thề nhớ trong trường hợp nào, tâm trạng nào tôi đã mời Phương về tỉnh chơi. Phương nhận lời, nghỉ một buổi chiều và hẹn tôi tới đón nàng tại nhà ; Phương ở trên một căn gác treo trong ngõ hẻm chật hẹp chung với một người bạn gái, thế giới của mỗi người thu gọn vào trong khoảng hai chiếc giường khá đẹp so với căn gác và khu vực nó nằm trong ; tôi không gặp đứa con nhỏ của Phương hứa cho Hiệp, có lẽ Phương gửi nó cho người khác nuôi. Trong lúc tìm nhà Phương, cũng như khi đã ngồi trông xe lô trên đường về tỉnh, tôi ân hận đã rủ Phương, tôi không hiểu mục đích thầm kín của tôi cũng như của Phương, Có phải tôi muốn cho Phương gặp Hiệp ? Hay tôi muốn cho Diệp ngó thấy tôi đi với người đàn bà khác ? Phương nhận lời như tìm một cuộc giải trê hay Phương thương hại tôi thật sự ? Điều chắc chắn là tôi và Phương về tỉnh là một sự phô bày cố ý của tôi trước mắt thiên hạ. Tôi muốn phô bày cái gì ? Để làm gì ? Tôi thấp thỏm nôn nao suốt buổi như một người say vẫn nhìn rõ mọi cử chỉ sẽ làm, nhìn rõ phản ứng của kẻ xung quanh nhưng hần không thể nào kìm giữ lại được. Trên đường nhà cửa, xe cộ đều treo cắm cờ, những lá cờ nhỏ màu vàng sọc phất phới trong gió giữa vùng đồng trống Châu thành có tổ chức một cuộc chợ phiên tại ngay bờ sông. Những gian hàng dựng lên bằng những mảnh ván gỗ thùng sữa, màu trắng và ngà với những hàng chữ dấu đen quay ngang dọc — Tôi cầu mong không gặp ai, thoát khỏi buổi chiều trong một chốn lạ hoặc hoàn toàn. Đặt chân xuống xe, tôi nhìn đám đông trong chợ lúc nhúc sợ hãi, nghe vang vang bên tai loa phóng thanh phát đĩa nhạc rền rĩ trên một khoảng đường dài vắng vẻ. Phương ngạc nhiên vui thích trước cảnh vật, hỏi han luôn miệng, từ ngày di cư vào lần thứ nhất Phương ra khỏi thành phố Sài Gòn về một tỉnh lỵ miền Nam không phải là Ô Cấp. Phương vào chợ trái cây, đi dạo khắp các hàng, hỏi giá cả mua từng giỏ. Tôi theo sau nàng giả bộ lơ đãng, ngó ngang ngó ngửa không nhìn rõ mặt người như một tên tội phạm bị áp giải ngoài phố. Chúng tôi đi vào trong chợ phiên vắng ngắt, Phương dừng lại trước các quán hàng nhìn ngắm, thử vận mệnh với các trò chơi đen đỏ. Tôi ngó ra ngoài mặt sông đang hút buổi chiều xuống thấp, trả lời Phương khi nàng hỏi về chỗ ở của tôi bằng cách chỉ tay sang phía xóm làng lấp sau bờ cây xanh. Chúng tôi vào quán giải khát cắt trên sông, tôi tựa tay trên thanh lan can ngó những đợt sóng nước đập vào những chân cừ ở hai góc nhà sàn — Ông Pháp vào ngồi sau lưng tôi, tôi trốn mặt và tôi không rõ phản ứng của ông thế nào. May mắn Phương cũng đang mãi ngắm nhìn giòng nước ở phía xa không chuyện trò, mơ mộng và buồn bã. Tôi ngồi chết trân trên ghế, cố gắng đợi ông Pháp ra khỏi quán mới đứng lên. Phương nói : Hình như anh buồn. Chúng mình có thể đi qua nhà Diệp. Tôi đáp : Không, không. Chúng tôi trở về đến Sài Gòn, trời đã tối. Bước ra khỏi chuyển xe lô chật chội, ngồi giữa người tài xế và Phương bị chèn ép ê ẩm cả bên mạng

sườn và bắp đùi, tôi như tỉnh dậy sau một giấc ngủ muộn vào buổi chiều chói nắng. Tôi đưa Phương trở lại nhà nàng, đi mau khỏi ngõ, lang thang trong các phố vắng dài, ngây ngất trong một cơn sốt đứng. Tôi nghĩ rằng tôi phải biệt tích, không để lại một dấu vết nào. Tôi không thể biệt tích trong cơn điên thì chỉ còn một lối, lối duy nhất... Trước sau tôi cũng phải dẫn mình vào đó. Không một hy vọng nào cứu gỡ nỗi tôi nữa... Trí, Trí, cái trí thông minh đã lừa gạt mày, xô đẩy mày. Trí tưởng tượng đã quyến rũ mày. Mày đang điên, đúng, mày đang điên. Một cơn điên sáng suốt, cơn điên tỉnh thức. Như một buổi mai thốt nhiên không một tiếng động của sự sống...

(còn tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

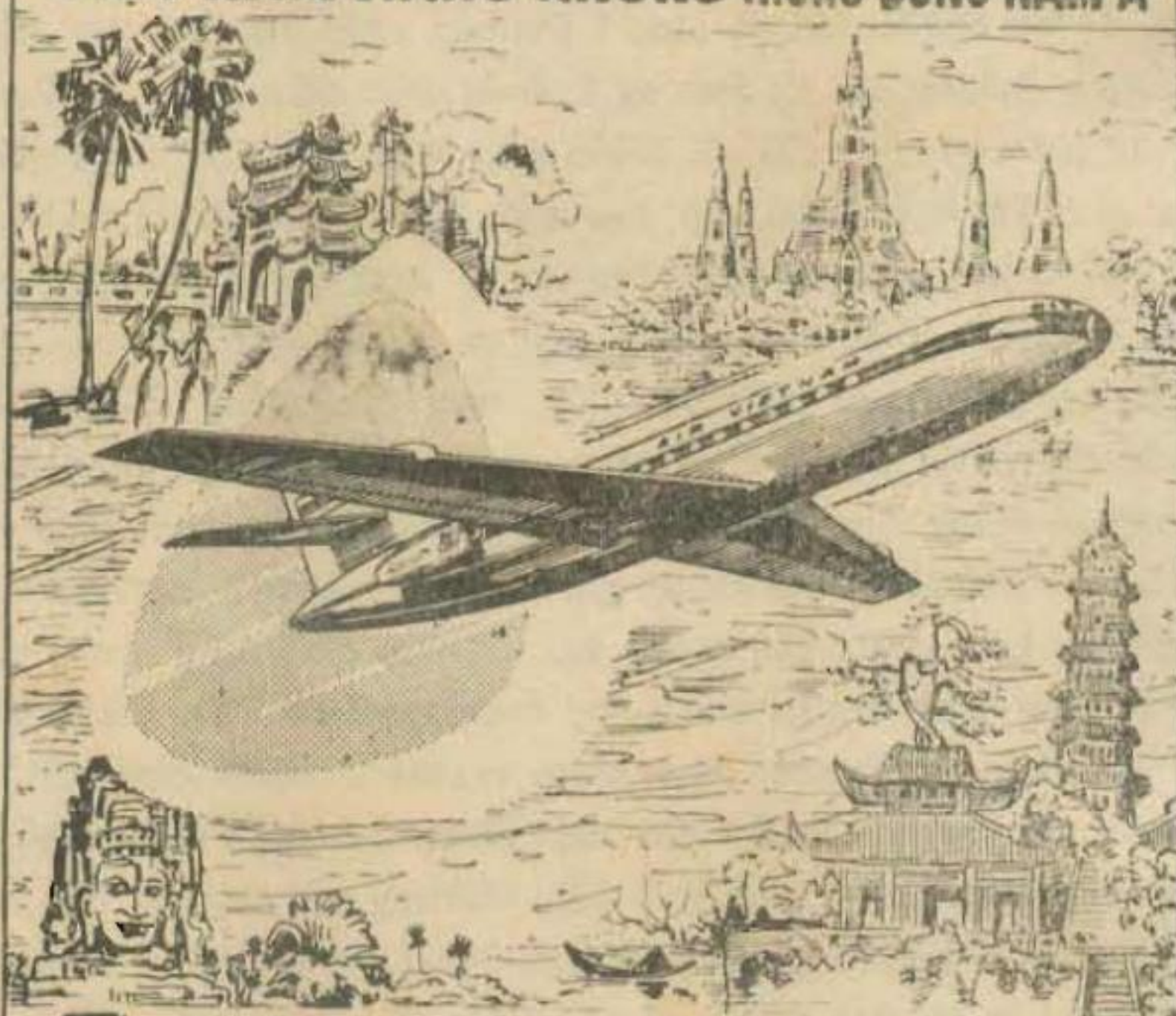
V
I
Ệ
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*

PHI-CƠ PHẦN-LỰC TRĂNG-LÊ NHỰT THẾ-GIỚI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé tại các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Tình già

Không. Thực ra mối tình giữa Louis Aragon và Elsa Triolet bắt đầu từ hồi họ còn trẻ. Ngày đó chàng đã có vài ba tác phẩm, thơ siêu thực, và đã có tiếng tăm. Nàng thì là một thiếu nữ, đẹp, gốc Nga, em của thi hào Maïakovski. Gặp nhau, nàng chịu thơ chàng hay, chàng khen nàng đẹp. Từ đó họ sống với nhau một mối tình thắm thiết, càng ngày càng thắm thiết. Ngày ngày chàng làm thơ, và nàng cũng làm thơ (chứ không quay tơ). Cả hai đều lừng lẫy.

Bây giờ, hai người tuổi đã cao, sức đã kiệt, tự nghĩ rằng chẳng còn chung sống với nhau được bao lâu nữa, rằng Tử thần sẽ đến chia rẽ họ; họ bèn nghĩ ra một mưu sâu để làm thất bại Tử thần (« s'opposer à ce qu'on nous arrache l'un à l'autre », lời của Elsa Triolet). Ấy là in chung toàn bộ tác phẩm vào một bộ, cứ xen kẽ nhau, một cuốn của

bà xen vào một cuốn của ông, cuốn ông cuốn bà quăn quít lấy nhau.

Mưu ấy đã đem ra thi hành.

André Maurois khen: Tuyệt! Cỗ kim hi hữu. (Nên nhớ A. Maurois là người cùng với L. Aragon viết chung bộ *Histoire parallèle*, kể viết về Mỹ người viết về Nga, cũng khăng khít đáo để).

Tâm sự của Hemingway

Một cuốn tiểu thuyết (không hay ho gì) của E. Hemingway vừa được in bản Pháp văn, và được nhiều người bàn tán.

Tại sao cuốn sách ra đời đã mười lăm năm, nay mới được dịch? Người ta được biết tác giả đã không cho phép in bản dịch tiếng Pháp và tiếng Ý lúc sinh thời; tại sao vậy? Sự cảm đoán ấy do bí ẩn tâm tình gì?

Au de là du fleuve et sous les arbres là truyện một viên đại tá già của trận

chiến tranh trước, biết mình không còn sống bao lâu, trong những ngày chót ông sống một mối tình tưng bừng với một cô gái Venise, mới mười tám tuổi.

Đây là vài giả thuyết về sự bí ẩn của Hemingway :

Đối với độc giả Pháp, Hemingway không muốn làm mất lòng họ vì những đoạn nói về sự thất bại của quân đội Pháp trong chiến cuộc vừa qua.

Đối với độc giả Ý thì lại vì... chính cô gái Venise ấy. Cô ta, Adriana, 19 tuổi « cao lớn, mắt xanh, có một sinh lực không tưởng tượng nổi » (theo lời Paule de Beaumont) với ông già Hemingway yêu nhau. Ông già viết sách. Cô ta giới thiệu Hemingway mang sách ấy đến nhờ Paule de Beaumont dịch ra Pháp văn. Sách dịch xong, Adriana trở chứng không muốn chuyện lòng lằng nhằng của mình bị phơi bày trước dư luận. Hemingway chiều lòng cô ta. Vì vậy mà trễ đi mười lăm năm.

Ăn khách

Trong số mười tác phẩm ăn khách nhất ở Pháp trong tháng vừa qua có hai cuốn nói về Việt-Nam. *L'ambassadeur* của M. West và *L'humiliation* của L. Bodard. (Cuốn *L'ambassadeur* lưu hành cùng một lượt với bản Anh ngữ ở Luân đôn và Nữu ước, bán chạy đã hai tháng nay, cuốn *L'humiliation* được xếp vào hàng bán chạy suốt ba tháng nay),

Sự « hâm mộ » ấy có vẻ mỉa mai đối với người trong cuộc.

Chuyện sách vở năm châu

Các nhà xuất bản trên toàn thế giới

hợp đại hội lần thứ 4 tại Hoa-thịnh-đốn đề bàn, cố nhiên, về vấn đề xuất bản.

Nhân dịp này, giới buôn sách ở Pháp tiết lộ vài điểm khó. Ở Anh 280/o dân số lui tới đọc sách ở thư viện, ở Hoa Kỳ thì 260/o. Thế mà ở Pháp chỉ có 60/o mà thôi. 60/o số người lớn (trẻ con không kể đến) tới thư viện để đọc trung bình mỗi năm nửa cuốn sách! Giới in sách, bán sách làm sao không buồn lòng.

Lại tính tổng quát toàn dân số thì có 580/o người Pháp quanh năm không hề bước chân tới tiệm sách một lần nào. 580/o đó gồm những ai? Trẻ nít, bà già cả chẳng? Kẻ mù, người trọng bệnh chẳng? Đó là vấn đề mà giới xuất bản còn đang tiến hành tìm hiểu.

Trong khi đó Robert Laffont kêu gọi một cuộc « Thánh chiến của sách » (*Croisade du Livre*) mở ngay từ bây giờ và sẽ kết thúc vào tháng 5 năm tới, 1966. Cuộc Thánh chiến nhằm mở rộng bờ cõi thị trường sách, tranh đấu cho nhà chức trách lưu tâm nâng đỡ văn hóa hơn nữa. Cuộc Thánh Chiến sẽ kết thúc bằng một « Tuần lễ sách ».

Lại một loại tiểu thuyết mới đầu thai

Đó là thứ tiểu thuyết mệnh danh là *roman-flash*. Không phải là một tên khôi hài đâu nhé. Ấy là do chính mẹ đẻ của nó đặt ra. Mẹ đây là bà Françoise Parturier, tác giả cuốn *Le plaisir donne sur la cour* mới xuất bản.

Chủ trương đường lối của bà là không phân tích dông dài, cũng không tả tỉ mỉ như Alain Robbe-Grillet. Cứ

việc phóng ra lia lịa nhanh như điện như chớp những cảnh tiếp nhau, theo tốc độ 1/100 giây mỗi cảnh (theo lời tác giả) Ý nghĩ, cảm tưởng cũng vậy: cứ viết bừa bãi, lộn xộn, và nhất là thực nhanh ra. Những nét chấm phá, không xếp đặt. Cần nhất là những nét chấm phá, nhanh, loạn. Rồi thì để mặc cho cho độc giả: họ sẽ tự xoay xở lấy, tìm ra một ý nghĩa thích hợp với họ.

Quan niệm tiểu thuyết như vậy thì bà chống lại Proust, chống lại Balzac, mà cũng chống luôn cả Robbe-Grillet rồi chẳng? Bà định để ra một loại « phản tiểu-thuyết-mới » (Anti-nouveau roman.) đó chẳng? — Thérèse de Saint Phalle hỏi như thế.

Và Françoise Parturier vội vã đáp rằng: Không, bà ta không hề chống lại Robbe-Grillet. Trái lại, bà thực hiện đúng cái lý thuyết của Robbe-Grillet mà chính ông ta không biết cách thực hiện.

Sách hay nhất

Ở Pháp, hội đồng giải thưởng « Tác phẩm ngoại quốc hay nhất » (Prix du meilleur livre étranger) đã tặng thưởng cho cuốn *Ông G. A. ở X* của Tibor Déry.

Nhà văn Đông Âu này viết tác phẩm nọ trong tù, khi bị nhà cầm quyền giam giữ sau một cuộc chính biến thất bại. Truyện ông G. A. tối mù như truyện ông Joseph K. của Kafka. Xứ X. là một xứ huyền hoặc không ai biết ở nơi nào trên thế gian.

Căn cứ theo tư tưởng của tác giả, theo thân thể của tác giả, nhiều nhà phê

bình giải thích rằng những điều phi lý diễn tả trong truyện là nhằm vào xã hội Cộng sản.

Tây phương...

Thi sĩ Nga Evtouchenko vừa đi thăm nước Ý, đi tới đâu trình bày thơ của ông tới đó.

Người Ý hỏi cảm tưởng ông về Tây phương, về cái xã hội tư bản, xem nó đã đồ nát đời trụ đúng mức chưa. Nhà thi sĩ trẻ đáp: Ông nhận thấy Tây phương có vẻ « bình thường ». « Có kẻ tốt người xấu, có kẻ thông minh và có người ít thông minh hơn ».

Thật là một nhận định độ lượng hiếm có.

Và Nga-xô

Tờ Izvestia ở Nga vừa lên tiếng tố cáo một sự việc khá động trời trong sinh hoạt văn nghệ tại xứ này.

Đó là nhiều đoàn ca kịch đã dám trình bày trước công chúng những ca sĩ... khiếm diện!

Họ ghi âm bài hát của ca sĩ nọ vào băng nhựa, rồi cho một ca sĩ khác rai sân khấu há miệng mấp máy trong khi ở hậu trường băng nhựa được mở ra. Cái trò ấy thường được diễn ở những hội trường rộng lớn, những vận động trường, nơi mà thỉnh giả ngồi cách xa sân khấu, không nhìn rõ được mặt ca sĩ.

Phải công nhận ở đây người ta đã vượt lên trên sự « bình thường ».

Ông Hemingway, thật quá sá!

Dòng họ Hemingway là một dòng họ quả thực xuất sắc ở Mỹ, chắc chắn

không thua gì dòng Kennedy. Ernest Hemingway là văn-hào lỗi lạc một thời, văn chương quán thế, vừa mới chết đi, thì Leicester Hemingway liền dựng một quốc, và dĩ nhiên là được tôn làm quốc trưởng.

Quốc gia đó là nước Cộng Hòa Tân Atlantide. Nó là một hòn đảo nhỏ xíu, trong vịnh Caraibes, ở phía Nam La Jamaïque. Công dân nước Cộng Hòa ấy tất cả bảy mạng. Tất cả đồng chọn Leicester Hemingway làm lãnh tụ, cầm chính quyền. Lý do : Chính L. Hemingway đã xuất tiền mua hòn đảo này.

Chí lập quốc của L. Hemingway đã có từ lâu, nhưng mãi gần đây, ông viết được cuốn « Anh Ernest Hemingway củ^a tôi », xuất bản, mới kiếm đủ món tiền mua hòn đảo.

Vừa « nắm chính quyền » vị nguyên thủ quốc gia Tân Atlantide đã có ngay, một chương trình hành động hấp dẫn đáp ứng đúng nguyện vọng của dân và quyền lợi của nước :

Công tác kiến thiết dự trù đầu tiên xây cất bảy biệt thự cho bảy công dân và một nhà bưu điện (thật gấp).

Chương trình kinh-tế : phát hành một loạt tem (bán tại nhà bưu điện nói trên) mỗi con tem giá nửa đồng scrupule (!) (mỗi đồng scrupule giá 1 đồng mỹ kim)

Chúng ta suýt quên nói đến một điều quan trọng của quốc gia : Hiến pháp ! Dĩ nhiên là Cộng hòa Tân Atlantide đã có hiến pháp từ khuya. Các nhà luật học đều chú ý đến hai đặc điểm này : cấm

— **Mùa xanh**, tập thơ của Trúc Xanh, do Ty Tâm-lý-chiến Bình-định xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 13x21, dày 34 trang gồm 32 bài thơ.

— **Hồn Trẻ**, tuần báo của học sinh, bộ mới, do hội « Bạn Trẻ em » chủ trương và các nhà văn nhà giáo biên soạn. Mỗi số khổ 15x21 dày 20 trang, giá 2đ. Quản nhiệm Nguyễn-văn Hoanh, thơ từ, bài vở : Văn-Trang Báo quán 116 Đinh tiên Hoàng, Dakao, Saigon.

Em là gái trời bất xấu (tập 5) thơ của Lê-Khánh do tác-giả xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm 30 bài thơ, giá 38đ.

đánh bạc và cho phép các công dân danh dự có quyền ứng cử quốc trưởng. Thật là một bản hiến pháp hiếm có, vừa bảo đảm một sinh hoạt lành mạnh vừa thấm đượm tinh thần hòa đồng quốc tế rộng rãi đến tột bậc.

Thi ca ngập trời

Thi ca bây giờ đang khốn đốn. Đó là cảm tưởng chung của người Việt-Nam trung bình lúc này. Mỗi khi thấy một thi phẩm mới ra đời, ta đâm lo giùm cho tác giả. Muốn thi in ra vậy, chứ bán cho ai ? Báo Văn kỳ rồi có nói đến trường hợp ba bốn tác phẩm được giới thiệu thật trịnh trọng, do một thi sĩ đàn anh, bằng những bài tựa thật công phu (mỗi năm chỉ viết được một bài như thế), thế mà rốt cuộc tựa cũng không cứu

nổi thi phẩm thoát khỏi sự quên lãng hững hờ của độc giả.

Thi ca thì vậy, báo chí bây giờ cũng ngập lên dữ quá : chen nhau ra đời rồi tranh nhau sống thực chất vật.

Ghép hai thứ thi ca và báo chí lại, ta thử nghĩ đến một loại *tạp chí về thi ca*. Loại đó ra đời, cộng chung nơi mình hai nỗi chật vật ; chắc là ít có mấy ai dám khai sinh nó ?

Ông André Billy, một ông hàn Goncourt ở Pháp cũng nghĩ như vậy. Ông đoán chừng khắp nước Pháp may ra có độ mười tờ tạp chí chuyên về thi ca là cùng.

Nhưng hỏi đến con số thống kê, ông hoảng lên : Một trăm năm mươi tám thứ ! Và riêng cho năm 1964 thôi. Phần nhiều là do những « mầm non » thi sĩ cho ra đời, cốt thấy tác phẩm của họ có dịp ra mắt độc giả. Có những tạp chí chỉ sống đến tập thứ hai.

Năm 1965 thì vừa có thêm tập *Thi ca* 65. Số thứ nhất dành riêng giới thiệu một mầm non : thi sĩ Dominique Tron, mười bốn tuổi. Nghĩa là bảo đảm chắc chắn đúng thứ non.

8 - 65

TRÀNG THIÊN

CÙNG CÁC BẠN GỬI THƯ CHO NGU-Í

Anh Ngu-Í Nguyễn-Hữu-Ngư vì kém sức khỏe nên phải nghỉ dưỡng bệnh một thời gian. Vậy nếu Anh có trả lời trễ thư của các bạn, cũng xin các bạn hiểu cho hoàn cảnh trên đây mà thể tình cho Anh.

Theo lời Anh, kể từ nay — vì một lý do riêng — Anh Ngư sẽ không dùng bút hiệu Nguyễn-Ngu-Í nữa mà sẽ lấy bút hiệu đã dùng trước đây ở tạp chí Mai là : Ngê-Bá-Lí.

Tòa soạn BK.TĐ.

ĐÍNH CHÍNH

Trong BK số 205, trong bài « *Trở lại bài Lịch sử Lạc Việt* » của Ô. Nguyễn-Phương có những lỗi như sau mong bạn đọc sửa giùm :

Trang 35, cột 1, hàng 9, hoặc **góp** bài gom góp ý kiến, đổi chữ **góp** ra chữ **viết**, trang đó, cột 2, hàng 9, **chắc chắn** cũng có quyền phê phán tôi nặng lời ; đổi lại : **chắc chắn** người đọc sẽ có quyền phê phán chúng tôi nặng lời ; trang 37, cột 1, hàng 28, như **về** đề ảnh hưởng, đổi lại : như **vấn** đề ảnh hưởng ; trang 39, cột 1, hàng 16, Sự **nhân** trong nhân dân, xin bỏ chữ **nhân** trước.

B.K.T.Đ.

Quý bạn tìm đọc

Năm sắc diện năm định mệnh

- * Tập ký sự nhận định viết về các nhà thơ : Đinh Hùng — Bùi Giáng — Tô Kiều Ngân — Thanh Tâm Tuyền — Thế Phong và tất cả các giai thoại bao quanh các nhà thơ đó.
- * Người viết : Du Tử Lê — Nhân Văn xuất bản.
- * Tao Đàn phát hành — Giá 50\$.

15 NGÀY TIN TỨC

● Oanh tạc miền Bắc.

Trong hai tuần qua, ngày nào cũng có những cú oanh tạc tại miền Bắc. Nơi bị dội bom nhiều lượt nhất là doanh trại và các mục-tiêu quân sự ở Vinh (1, 4, 5, 7, 8, 9/8), nhà máy điện Thanh-Hóa 2 lần (29-7 và 4-8), nhà máy điện và cơ sở Hỏa-xa Nam-Định 2 lần (2 và 5-8), kho đạn Lang-Chi 2 lần (7 và 8-8).

Những mục-tiêu quân-sự khác bị oanh tạc nằm trong các khu vực : Yên-Báy, Quảng-Khê, Điện Biên-Phủ, Hàm-Rông, Bái-Thượng, Xóm Bàng, Sầm-Sơn, Đồng-Hới v.v...

Riêng về 8-8 có tới gần 2 triệu truyền đơn rải xuống : Đồng-Hới, Hà-Tĩnh Thanh Hóa, Nam-Định.

● Chiến sự tại Miền Nam.

- Lữ đoàn nhảy dù H. K. (Lữ đoàn I, Sư đoàn 101) đổ bộ tại Cam Ranh (29-7).
- Oanh tạc mật khu V.C Đổ Xá (Quảng-Tín) do oanh tạc cơ B-52 trong hai ngày 2 và 3-8.
- Kho dầu Esso, (gần Đà-Nẵng) bị V.C tấn công 1g30 sáng 5-8 : 2 bồn xăng bị phá hủy, 2 bị hư hại. khoảng trên 4 triệu lít xăng bị cháy. Quân đội V.N.C.H tái chiếm kho dầu vào 6 giờ sáng.
- Hành quân Đà-Nẵng (2 và 3-8) tại một địa điểm gần Đà - Nẵng kết quả : 29 V.C. chết, 95 tình nghi bị bắt, 13 địa đạo, 33 công sự v.v... bị phá hủy.
- Hành quân Kiến Tường (6-8) khám phá được :
1 kho đạn, 1 công binh xưởng, 1 bệnh xá, 1 kho tiếp liệu của V.C. Tịch thu được chừng 5 tấn thuốc, dụng cụ cứu thương và 1.000 tấn gạo.
- V.C hoạt động tại Chương Thiện. V.C liên tiếp bị pháo kích quấy rối tại các đồn, tháp canh, quận lỵ vào đêm, hay quá nửa đêm những ngày 5, 7, 8, 9-8.
- V.C tàn sát trại định cư của đồng bào tỵ nạn Cộng-sản tại Bình-Định : 17 đàn bà trẻ em, 8 nghĩa quân bị bắn chết, 60 thường dân bị thương.
- Ác chiến giải tỏa đồn Đức-Cơ (Pleiku) Trại lực lượng đặc biệt tại Đức Cơ bị cô lập hàng tháng, nay được lực lượng chính-phủ tiến quân giải tỏa : Những cuộc giao tranh ác liệt đã diễn ra trong các ngày 9, 10, 11-8 cho tới sáng 12-8 thì đồn Đức Cơ đã được giải vây. V.C bỏ xác tại trận 411 tên và bị tịch thu một số vũ-khí.
- Tổng kết hoạt động quân sự từ 1 đến 9-8 : V.C : 526 chết, 58 bị bắt, 186 súng bị tịch thu. Ta : 264 hy sinh, 102 mất tích, 287 súng mất.

● Tin trong nước.

24-7 : Sắc lệnh chấm dứt nhiệm vụ Thống-Đốc Ngân-Hàng Quốc-Gia của Ông Nguyễn Xuân Oánh.

28-7 : Lễ tiếp nhận Pháp-nhân của Hội-Thánh Cao Đài tại Tây-Ninh.

29-7 : Thông-diệp của T. t. Chủ-tịch U.B.H.P trình bày về tình hình nghiêm trọng, sự xâm lấn ngày càng lớn rộng lớn của khối C.S, do đó có quyết định của chính-phủ V.N. kêu gọi chính-phủ H.K. tăng cường lực lượng quân đội H.K. tại V.N và 50 ngàn quân nhân H.K. sẽ tới tăng viện cho V.N.

29-7 : Đảng khấn trắng, lực-lượng võ-trang hoạt động tại Thất-Sơn, Châu-Đốc, đã ra hàng trong cuộc hành quân Phi-Long của Sư-đoàn 9 bộ binh. Ngày 31-7 hồi 14 giờ U.B.L.Đ.Q.G đã tới thăm số anh em quy chánh này gồm 128 người và viên chỉ huy là Tiểu đoàn trưởng Châu Uch

30-7 : Đại sứ M. Taylor rời Saigon về H.K sau khi được Chính-phủ V.N trao tặng Bảo-quốc Huân-chương ngày 28-7.

31-7 : Đại-hội Chương trình Giáo-dục 1965 khai mạc ngày 26-7 đã bế mạc ngày 31-7. Đại hội nhận định rằng : « Chương trình không mang lại hiệu quả mong muốn và thiếu phương tiện, thiếu tài liệu sư phạm, sĩ số lại quá nhiều... » Bà đề nghị :

— Chương trình phải đi sát với thực tế, học sinh ngữ phải chú trọng đến đàm thoại và môn sử địa phải liên quan đến kinh tế nhân văn.

— Phải hiện-đại hóa chương trình sao cho hợp với trào lưu sư phạm, văn học và khoa học hiện đại

— Xét lại nguyên tắc cho nhiều lớp khác nhau học lại cùng đề mục.

— Phải có những phương tiện để thi hành chương trình (tu thư, học liệu, tu nghiệp. Ban Thanh tra đề kiểm soát việc áp dụng chương trình, phổ biến các kiến thức mới cho các giáo chức).

2-8 : Tòa án mật trận Quân Khu Thủ Đô và Vùng 3 chiến thuật đã nhóm họp để xử 21 bị can tham gia « Phong trào Hòa Bình ». Chiều ngày 4-8 tòa tuyên án : L. s. Nguyễn Long (Chủ tịch P.T.D.T.T.Q), 10 năm khổ sai và 5 năm biệt xứ ; Trần-hữu-Khuê, 20 năm khổ sai ; Nguyễn-quý-Hương, 10 năm khổ sai ; các bị can khác chỉ bị tù treo hoặc được tha bổng.

4-8 : Hội nghị các tướng lãnh trong UBLĐQG tại Dalat trong ngày 4 và 5-8 với 6 quyết định quan trọng, trong đó có biện pháp cô lập hóa những phần tử gây rối, việc lập Tòa án Đặc Biệt để xét xử các can nhân bị giam giữ từ lâu, việc thành lập khu vực kỹ nghệ Cam Ranh, việc giải ngũ và chấm dứt nhiệm vụ các tướng : Nguyễn Khánh, Thái quang Hoàng, Phạm văn Đồng (phạt quân kỷ) v.v.

6-8 : 1 phi cơ H.K. bị rớt xuống thành phố Nha Trang chiều 6-8-55 làm thiệt mạng 15 thường dân V.N. và bị thương 24 người ; 10 người Mỹ bị thương khi tới tiếp cứu, và 2 nhân viên phi hành bị thương.

7-8 : Cuộc họp báo của T. t. Chủ tịch U B.H.P. trình bày về mục đích của Đại hội U.B.L.Đ.Q.G. tại Dalat ngày 4 và 5-8, về những hoạt động của chánh phủ trên

phương diện Quân sự và Kinh tế và những kết quả mà các Bộ đã thu lượm được sau 45 ngày làm việc. Sau đó T.t. Chủ tịch trả lời những câu hỏi của các báo về : chuyển đi Đài Bắc, Vọng Các, nhiệm sở ngoại giao, Tổng tuyển cử, vấn đề gạo, vấn đề tấn công hậu cứ địch đặt ở nước ngoài v.v...

● Tin ngoài nước

— *Hội nghị tài binh 17 nước tái nhóm sau 10 tháng ngưng hoạt động.*

— *T. T. Johnson* tuyên bố trong một cuộc họp báo ngày 28-7-65 quân số H.K. tại V. N. sẽ được cấp tốc tăng lên từ 75.000 đến 125.000 người

T. T. Johnson gửi thư cho ông Tổng-thư-ký LHQ yêu cầu tiếp tục các cố gắng vận động Hòa Bình về VN và chánh phủ H.K. sẵn sàng thảo luận hòa bình vô điều kiện.

— *Những vận động Hòa bình về V.N.*

Nhật bản : Thủ tướng Sato tuyên bố trước 2 nghị viện, ngày 30-7, « yêu cầu tất cả các phe liên-hệ thảo luận với nhau để giải quyết vấn đề V.N. mà không đặt điều-kiện tiên-quyết gì hết »... « Dầu khó khăn thế nào cuộc chiến tranh V.N. cũng phải được giải quyết một cách hòa bình. Chính phủ Nhật Bản sẽ triệt để cộng tác để đạt được mục tiêu đó ».

Ấn Độ và Nam Tư ra một thông cáo chung ngày 1-8-65 kêu gọi các phe liên hệ đến cuộc chiến tranh tại V.N. hãy tham dự một hội nghị hòa bình về V.N.

Cũng do lời đề nghị của hai vị nguyên thủ hai quốc gia trên đây mà Chánh phủ Cộng hòa Á-Rập Thống Nhất đã tiếp xúc với Hà-nội và Bắc-kinh lần thứ 2.

Tuy nhiên tờ « Nhân Dân » tại Hà Nội đã đả kích thông cáo nói trên và gọi 2 lãnh tụ Ấn và Nam Tư là « tay sai của H.K. quảng cáo cho cái gọi là thảo luận không tiên-quyết của T. T. Johnson ».

Tờ « Nhân Dân nhật báo » tại Bắc-kinh ngày 9-8-65 cũng đả kích chương trình 3 điểm của T. T. Shastri và T. T. Tito là « sản phẩm những lời tuyên bố của T. T. Johnson », và cho rằng hai ông chỉ là « tay sai của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ».

Ethiopie và Zambie : Quốc-vương và Tổng thống hai quốc gia trên đây lên tiếng yêu cầu Tổ-chức Đoàn-kết Phi-Châu đứng ra làm trung gian vận-động với H. K. và T. C. nhằm chấm dứt cuộc chiến tranh tại V.N.

Phái-đoàn Ghana do ông Rwesi Armah cầm đầu đã tới Hà nội 26-7, gặp Hồ chí Minh 29-7 và rời Hà-nội 30-7 để trở về Luân Đôn 3-8 với lá thư của lãnh tụ C. S. Bắc-việt gửi T. T. Ghana.

— *Tân Gia Ba* tách rời khỏi Đại Mã-Lai-Á từ một phút sau nửa đêm ngày 9-8-65 (Tân-gia-Ba, Mã-Lai, Bắc Bornéo kết hợp thành một quốc-gia lấy tên là Đại Mã Lai Á từ 16-9-63. Xem BK số 150 (1-4-63) bài của Việt Anh.)

SÁCH BẢO MỜI

Bách Khoa đã nhận được, các sách sau đây do nhà xuất bản Cảo-Thơm gửi tặng :

— **Hai chậu lan Tố Tâm** tập truyện của Phan-Du, dày 400 trang, gồm 19 truyện ngắn chọn lọc của 20 năm sáng tác. Lời giới thiệu của Vũ Hạnh, phụ bản của Phạm Tằng; Bản đặc biệt không đề giá bán.

— **Ông già và biển cả** Nguyên tác « The old Man and The sea » của E. Hemingway bản dịch của Mặc Đỗ. Sách dày 154 trang có nhiều phụ bản. Bản đặc biệt không đề giá bán.

— **Người vợ cô đơn** nguyên tác « Thérèse Desqueyrouse » của François Mauriac, bản dịch của Mặc Đỗ sách dày 238 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

— **Người Việt cao quý**, nguyên tác của Pazzi do cô Hồng-Cúc dịch ; « một tác phẩm lớn phát huy những giá trị cao đẹp của giống nòi Việt hào hùng bất khuất » ; sách dày 108 trang, không đề giá bán. Những sách trên đây đều do Thái-Tuấn vẽ bìa, Hồ Hải trình bày, ấn loát rất mỹ thuật.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Cảo-Thơm và xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách Khoa.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES:

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, okyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*